N°. 117 - 8/1918

L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

LUẬN-THUYẾT

SỰ TIẾN-HÓA CỦA NƯỚC MĨ

Ai cũng biết rằng nước Hoa-kỳ châu Mĩ là một nước to-lớn, cường-mạnh, nhiều người, nhiều của đệ nhất trong thế-giới. Người nào đã đọc qua các sách du-kí cũng phảng-phất biết đất Hoa-kỳ là một nơi có những nhà lầu hai ba mươi từng, người giầu mấy mươi muôn vạn, xưởng máy rộng bằng một thành-phố, ống khói cao đến tận ngất giời. Người nào thuộc lịch-sử cũng từng biết nước Hoa-kỳ là quê-hương ông Hoa-thịnh-đốn (Washington), về cuối thế-kỷ thứ 18 đã khởi nghĩa-binh chống lại nước Anh mà thu quyền độc-lập cho nước mình. Người nào chuyên khoa-học cũng nhớ rằng nước Hoa-kỳ đã sản được một nhà chế-tạo đại-tài trong đời nay là ông Ái dịch-tôn (Edison) đã sáng-nghĩ ra đèn điện và máy lưu-thanh. Cho đến những người nghiên-cứu về triết-học cũng không quên rằng cái học-thuyết gọi là « nghiệp-vụ-chủ-nghĩa » (*pragmatisme*), chỉ chủ đường thực-nghiệp, không trọng đường lý-tưởng, là khởi-xướng ra tự một nhà triết-học nước Hoa-kỳ tên là Giêm-sĩ (William James). Cái thanh-danh nước Hoa-kỳ lừng-lẫy trong khắp trường hoạt-động của loài người, ai là người chẳng biết tiếng, ai là người biết tiếng mà chẳng cảm-phục cái sức mạnh tài giỏi của một dân đã làm được những sự-nghiệp lớn-lao như thế. Lại từ khi nước Hao-kỳ vào cuộc chiến-tranh để giúp Đồng-minh phá-hoại cái thế-lực của đảng Đức-Áo, thế-giới lại biết thêm rằng nước Hoa-kỳ không những giỏi về đường kinh-tế mà lại mạnh cả về đường võ-lực nữa. — Nhưng ít người biết nước Hoa-kỳ lập quốc thế nào, và bởi những duyên-cớ gì, bởi cái tài-năng nghị-lực thế nào mà người dân Hoa-kỳ trong khoảng hai thế-kỷ gây-dựng nên cơ-đồ vĩ-đại như thế. Phàm các nước văn-minh, nước nào cũng lấy làm danh-dự có một cuộc lịch-sử lâu dài. Yếu hèn như nước Việt-Nam ta cũng còn có thể khoe với thế-giới rằng dựng nước đã đến hai ba nghìn năm, và tự khoe riêng với mình là con Hồng, cháu Lạc. Đến như nước Hoa-kỳ thì cả lịch-sử chỉ gồm trong một khoảng hai trăm năm. Đương khi Bản-Triều đã khai-thác xứ Trung-kỳ, đương thực-hành cái đế-quốc-chủ-nghĩa, sắp kiêm-tính đất Thủy-lục-Chân-lạp và dựng nên dư-đồ nước Đại-Việt ta, đất Hoa-kỳ bấy giờ hãy còn là một cõi rộng bỏ hoang, người thì là mấy lũ mọi « Da-đỏ » (*Peaux-Rouges*) ở lỗ ăn lông, vật thì là từng đàn trâu rừng bò tót chạy dông trong rừng rậm. Thế mà đất ấy ngày nay chơm-chởm những nhà máy cùng nhà lầu, rậm-rịch những xe lửa

cùng xe hơi, từ bờ bể Đại-tây-dương cho đến bờ bể Thái-bình-dương, từ vùng « Ngũ-đại-hồ » (les Grands Lacs) cho đến vịnh Mạc-tây-kha (Golfe de Mexique), chín mươi triệu con người khai rừng, mở núi, lập xưởng, dựng thành, không đâu là không có tiếng còi thổi máy kêu, hơi truyền điện xiết ; thực cổ-kim chưa từng có một dân-đoàn nào gây nên một cuộc sinh-hoạt xầm-uất thịnh-vượng như vậy. Cái cảnh-tượng hùng-cường ấy mới trông thì lấy làm khiếp sợ, tưởng như thần-lực chớ không phải nhân-lực mà làm nổi. Nhưng xét kỹ ra thì cái lịch-sử sự tiến-hóa nước Hoa-kỳ thực là rõ tỏ như bàn tay, không có mập-mờ u-ám như lịch-sử các nước khác, vì các việc sảy ra không cách ta mấy tí, xa lắm không hơn ba thế-kỷ về trước, gần lắm là ngay ở hiện-thời ngày nay, sách vở biên chép đã tường, người đời quan-nghiệm cũng rõ, thực là một cái dịp độc-nhất-vô-nhị cho những nhà sử-học triết-học không phải khổ-tâm suy-tầm ức-lượng về những thời-đại quá xa đến nay không còn di-tích nữa, mà được trông thấy một dân-tộc như sinh-trưởng ngay trước mắt mình, phôi-thai như thế, tiến-thành như thế, mà nay toàn-thịnh như thế ! Cho nên từ xưa đến nay những sách vở bàn về nước Hoa-kỳ rất nhiều. Nào là các người du-lịch, nào là các nhà chuyên-môn, nào là các tay chính-trị, kinh-tế, đua nhau mà xô vào cái trường thực-nghiệm lớn của lịch-sử bầy ra cho người đời. Vì nước Hoa kỳ gặp được tình-thế riêng, ở vào cảnh-ngộ riêng, cuộc sinh-hoạt đã thành như một trường thực-nghiệm chung cho cả loài người vậy. Những nước đã già-cỗi coi đấy mà nghiệm cái cơ thịnh-suy của mình ; những nước còn trai-trẻ coi đấy mà dò con đường tiến-hóa về sau. Dân nào coi gương nước Hoa-kỳ cũng dủ phấn-chấn trong lòng, hưng-khởi trong trí, và biết tin ở cái nghị-lực con người ta có thể biến-hóa được mặt địa-cầu, tạo-thành nên cuộc lịch-sử. Càng những dân yếu hèn mà còn giữ được cái bụng tự-tồn, chưa đành chịu vào phần liệt-bại, thì biết đến lịch-sử sự tiến-hóa nước Hoa-kỳ, lại càng như tỉnh thần-hồn, tan giấc mộng, cứng chân tay mà bền trí-não, như người uống chén thuốc bổ, không sâm, nhung, quế, phụ nào bằng !

Mới đây tôi có đọc một quyển sách rất hay đề là « Khí-lực nước Mĩ » của một nhà danh-sĩ nước Pháp[1], trong ba trăm trang gồm được hết cái triết-lý của sự tiến-hóa nước Hoa-kỳ. Chỉ có những tay văn-sĩ nước Pháp mới có cái tài nói ít mà nghĩa nhiều, nhời văn giản-dị mà ý-tứ sâu xa, tưởng giá vào tay nhà làm văn nước khác thì phô-diễn đến mấy quyển sách, mà vào tay người Pháp chỉ rút trong một quyển gòn gọn, dễ đọc dễ hiểu, mà gồm được hết những điều cốt-yếu, giải được hết những lẽ quan-trọng, không thừa không thiếu, không nói quá ý để làm ra giọng hùng-hồn, không chịu hụt nghĩa để vụ lời văn bóng bẩy, văn-chương bao giờ cũng tùy theo cái tư-tưởng mà khi lên, khi xuống, khi nhặt, khi thưa, bao giờ cũng sảng sủa lưu-loát, như giòng nước suối chảy dưới mặt giời, không bao giờ cái tư-tưởng phải ép uổng với nhời văn cho câu văn êm tai vui miệng, hay là cho hợp những câu sáo cũ ; thiết-tưởng cái lối làm văn như thế mới thật là hay, và có giá-trị hơn những lối tiểu-sảo biết bao nhiêu ! Sách « Khí-lực nước Mĩ » bàn đây thực là một cái mẫu văn-chương như thế, văn-chương làm cái áo cho tư-tưởng, áo vừa-vặn,

(1) Firmin Roz. *L'énergie américaine Evolution des Etats-Unis*). 7e mille. Paris; 1917. (Bibliothèque de Philosophie scientifique). [Ouvrage couronné par l'Académie française].

không rộng, không hẹp, không dài, không ngắn, không sô-sếch, không bó-buộc, vừa gọn-ghẽ, vừa nghiêm-trang, mới biết người thợ lài-phùng không phải là tay thường vậy. Cho nên tuy sách này không phải là một sách thuần văn-chương mà đã được hội Hàn-lâm nước Pháp ban thưởng : những nhà văn-sĩ bên qui-quốc mà được các quan Hàn-lâm là những tay kỳ-cựu trong làng văn biệt-đãi như thế, là đã liệt vào những bậc trước-danh vậy. Vả sách này lại là thuộc vào một bộ « tùng-thư » đã nổi tiếng trong hoàn-cầu, đã truyền rộng cái danh-dự của học-thuật nước Pháp. Trong bọn tây-học ta, phàm những người hiếu-học ham biết các tư-tưởng mới, ai là người chẳng biết cái bộ sách bìa đỏ trói-lợi, nhan đề nghiêm-trang, bàn về khắp các vấn-đề, các khoa-học, tiêu những tên các nhà danh-sĩ trong học-giới nước Pháp? Bộ ấy là bộ « Triết-lý tùng-thư » (*Bibliothèque de Philosophie scientifique*) của quan bác-sĩ Gustave Le Bon làm tổng-tài vậy. Ngày nay bể học mênh-mông, thiên môn vạn loại, dẫu người thiên-tài cũng không thể nào thiệp-liệp cho hết được : nhưng đọc các sách trong bộ tùng-thư này cũng đủ có cái tri-thức cao-cao mà xét được cái công tư-tưởng học-vấn của nhân-loại văn-minh trong cái đời dụng não-lực nhiều nhất tự cổ-kim này. Nước ta ngày nay phải cần những người có học-thức, có cái học-thức thành-thực thâm-thiết, chớ không phải cái học-thức để huyễn-diệu người đời ; còn cái giống thợ thơ thợ văn thì đã đành là thuộc vào lệ đào-thải chung của giời đất vậy. Vậy dám khuyên những nhà tây-học trong nước muốn học muốn biết nên chăm đọc những sách có ích-lợi cho trí-thức như bộ « Triết-lý-tùng-thư » trên kia, và đừng nên say mê những sách phong-tình-tiểu-thuyết.

Bản-chí đã tự-nhiệm đem các tư-tưởng mới cố diễn ra nhời quốc-văn ta, vậy khi nào nhân đọc được quyển sách hay xin giới-thiệu cho các bạn biết, mong giúp được một phần vào việc gây-dựng một nền cao-đẳng-học-thức cho nước ta trong buổi giao-thời này.

Lần này nhân sách « Khí-lực nước Mĩ », bàn về sự tiến-hóa nước Hoa-kỳ. Đi thần-du sang đất Hoa-kỳ tưởng không có cái xe « chỉ-nam » nào chắc-chắn bằng sách này vậy.

***

Nước cốt ở người, người họp nhau lại thành xã-hội. Muốn biết một nước tiến-hóa thế nào, trước nhất phải biết cái « nguyên-chất » nó là người, cái « hợp-chất » nó là xã-hội có những đặc-tính gì đã. Vậy ta phải xét những « nguyên-chất » gì làm thành ra dân nước Hoa-kỳ, rồi xét đến địa-thế, đến lịch-sử, rồi hình-dung lấy cái tâm-lý người Mĩ và tả ra cái tình-trạng xã-hội nước Mĩ.

Dân Hoa-kỳ không phải là thuần một giống người, thực là gồm cả các giống Âu-châu mà đồng-hóa trong một cái lò chung. Sự đồng-hóa ấy hiện nay vẫn còn, vì không ngày nào là không có người Âu-châu sang di-cư bên Mĩ-châu và dần-dần biến thành dân Mĩ cả. Như thế thì sự đồng-hóa ấy tất phải mạnh lắm mới dung-hợp được những giống người khác nhau như thế mà làm thành một dân-quốc thuần-nhất. Bởi những nguyên-nhân gì mà nước Hoa-kỳ có cái sức đồng-hóa mạnh như thế ? Xét ra thì thứ nhất bởi cái tư-cách tốt của những người mới bắt đầu sang thực-dân ở đất Mĩ trước nhất, thứ nhì bởi cái thiên-thời địa-lợi riêng của nước Mĩ ; hai cái nguyên-nhân ấy cùng thi-hành, đủ luyện thành một giống người mạnh-mẽ siêng-năng nhất trong thế-giới, hơn cả các giống người cũ.

Ba trăm năm về trước đất Hoa-kỳ hãy còn là một cái bãi rộng bỏ hoang. Vào cuối thế-kỷ thứ 16, một người Anh tên là La-lặc (Walter Raleigh) khởi ra cái mưu muốn sang thực-dân bên Mĩ và đặt một « tiểu Anh-quốc » ở Mĩ-châu. Sau làm không lợi, trao lại cho một công-ti nhà buôn. Đến năm 1606, lại có mấy người Anh nữa muốn kế-thiệu và thực-hành cái chí ông La-lặc, xin phép nhà vua được mở hai công-ti để sang khai-khẩn đất Mĩ-châu : một công-ti gọi là « Công-ti thành Luân-đôn » (*Compagnie de Londres*), một công-ti gọi là « Công-ti thành Bối-lai-mục » (*Compagnie de Plymouth*) ; mỗi công-ti xin lĩnh một cõi đất riêng, công-ti Luân-đôn lĩnh đất Vi-đi-ni (Virginie), công-ti Bối-lai-mục lĩnh đất Bắc-Vi-đi-ni (Virginie du Nord), sau gọi là « Tân-Anh-quốc » (Nouvelle Angleterre), đều là một miền ở bờ bể Đại-tây-dương. Những người Anh sang thực-dân lúc đầu ấy toàn là những người gan-góc mạo-hiểm, cố chí làm to, nên tuy gặp gian-hiểm cũng không ngã lòng. Bọn sang đầu nhất phải khó nhọc về sự chống-chỏi với người thổ-dân, lại ngặt nghèo về đường lương-thực hãy còn ít-ỏi ; nhưng về sau cứ tiếp người tiếp lương sang mãi, nhờ có những tay đàn anh giỏi như ông Ti-mật (John Smith) không mấy lâu mà tiềm-tiệm nên cơ-đồ. Trong khoảng mười năm đã phá rừng mở ruộng, bắt đầu trồng thuốc lá, mỗi ngày thấy thêm thịnh-vượng, nhất là ở phía nam là đất Vi-đi-ni. Tháng 8 năm 1619 có một chiếc chiến-thuyền nước Hòa-lan đem đến bán 20 tên hắc-nô : ấy tục « mãi-nô » (*esclavage*) là khởi-điểm từ đấy, rồi sau này di-họa cho nước Mĩ biết bao nhiêu! Cũng một năm ấy mở nhà « Công-dân-hội-nghị » (*Chambre des Bourgeois*) để bàn-định việc tự-trị, từ đó đã có ý không muốn chịu thuộc về Mẫu-quốc là nước Anh ; cái mầm trận Độc-lập sau này cũng đã nhóm ra từ đấy vậy. — Nhưng sau khi đã lập thành dân-đoàn thì người Anh ở đất Hoa-kỳ không phải thuần là một bọn yêu-hãnh mạo-hiểm như hồi đầu nữa : về giữa thế-kỷ thứ 17, nhân bên nước Anh gặp cách-mệnh, đảng dân thắng, đảng vua thua, những nhà quí-tộc nhà quê thuộc về phái « Cần-vương » (*les Cavaliers*), chạy sang ở đất Vi-đi-ni nhiều lắm, thế-lực mỗi ngày một to, dần dần chủ-trương cả mọi việc trong xứ. Tức ông Hoa-thịnh-đốn sau này cũng là giòng-dõi những nhà quí-tộc ấy. Trước khi những nhà quí-tộc ấy vì lẽ chính-trị mà sang di-cư ở đất Vi-đi-ni, thì ở đất Bắc-Vi-đi-ni (tức nhất-danh là Tân-Anh-quốc) cũng nhận được một hạng người Anh khác vì lẽ tôn-giáo mà phải đi di-trụ tha-phương. Hạng người ấy rồi sau này thành như cái chủ-não của dân Hoa-kỳ, nên cần phải kể qua lịch-sử cho biết đầu-đuôi. Nguyên ở nước Anh sau đời « Tôn-giáo cải-cách » (*la Réforme*) thì quyền chúa-tể trong giáo-hội là thuộc về nhà vua. Cái tôn-giáo của Nhà-nước ấy gọi là « Anh-cát-lợi-giáo » (*anglicanisme*). Người nào không theo, hoặc theo phái khác thì bị Nhà-nước hành-hạ áp-chế. Bấy giờ có một phái gọi là phái « Thanh-tịnh » (*les Puritains*), không những không theo tôn-giáo Nhà-nước mà lại muốn phản-đối lại nữa. Sau bị khép tội phản-nghịch, kẻ thì bị giam, kẻ thì bị giáo. Nhiều người theo ông linh-mục Lỗ-tân-tôn (John Robinson) chạy sang ở nhờ đất Hòa-lan. Nhưng đất khách quê người, không phải là nơi ở vĩnh-cửu được, bèn lập-chí dời sang Mĩ-châu, đặt một nước nhỏ mình cai-trị lấy, không thuộc quyền ai. Tháng 9 năm 1620 khởi-hành, đi chiếc tầu tên là « Ngũ-nguyệt-hoa » (*Mayflower*), hai tháng sau mới đến Mĩ-châu, đỗ vào địa-phận của công-ti Bối-lai-mục. Công-ti cho phép ở, lập thành một dân-đoàn nhỏ, rồi sau vô-số những

người thuộc về phái « Thanh-tịnh » ở bên Anh cũng theo sang, cách mươi mười lăm năm đã thịnh-vượng lắm, lập được một tỉnh nhỏ, tức là thành Boston ngày nay. Năm 1636 mở trường học, tức là cơ-sở trường Đại-học Hạ-ngõa (*Harvard University*), ngày nay có tiếng trong khắp hoàn-cầu. Năm 1639 mở nhà in, pho sách xuất-bản thứ nhất là một tập ca ngợi-khen công-đức Thiên-chúa. Năm 1643 dân-số đã được 2 vạn 6 nghìn người, trong số ấy thì 5 nghìn người là để ở bản-xứ.

Ấy nước Hoa-kỳ khởi-điểm như thế. Nhưng ngay từ hồi đầu xem ra đã có cái thế bồng-bột, như muốn tiến lên thật cao, tràn ra thật rộng mà ra tay biến-hóa một góc địa-cầu. Vì những người sang dựng dân hồi đầu ấy, hoặc vị ham của mà đi, hoặc vì trung vua tin đạo mà phải bỏ nước lánh mình cho toàn cái chí, đều là những người cương-cường gan-góc, không quản khó nhọc, không hề ngã lòng, lại phần nhiều là những người có chí cao, có học rộng, nghiêm-nhặt trong đường cư-xử, khôn-ngoan về phép kinh-doanh. Túng-sử khi khởi-thủy không vào tay những người ấy mà vào những hạng khác, thì có lẽ cái đường tiến-hóa của nước Hoa-kỳ lại khác mà không được như bây giờ; biết đâu không giống như các dân-quốc ở Nam-Mĩ hay sao? Cho nên nước Hoa-kỳ được thịnh-vượng như bây giờ, nước Hoa-kỳ sở-dĩ là nước Hoa-kỳ, thực là phần nhiều nhờ có bọn vài mươi nghìn người Anh can-đảm vượt bể sang thực-dân tự trong khoảng đầu thế-kỷ thứ 17. Tự đấy người Anh cũng còn sang mãi cho đến năm 1820 mới bớt dần đi. Nhưng tự thế-kỷ thứ 17, người các nước khác đã có nhiều, và mỗi ngày cứ một nhiều mãi lên, trước còn các dân ở Bắc-Âu (Hà-lan, Thụy-điển, Đức, v. v.), rồi sau nhiều nhất là những dân Nam-Âu (Ý, Triết-khắc (*Tchèques*), Ba-lan, Nga, v. v.), có năm 80 vạn người, năm nhiều nhất là hơn 100 vạn người Âu-châu đổ sang Mĩ-châu để kiếm ăn. Cái *lượng* càng cao lên bao nhiêu thì cái *phẩm* lại càng thấp đi bấy nhiêu. Vì những dân di-cư về sau đại-để là những bọn hạ-lưu nghèo đói bên Âu-châu, nghe đất Mĩ-châu nhiều ruộng bỏ hoang, nhiều mỏ chưa khẩn, dễ đường kiếm ăn, dễ cách làm giàu, nên kéo sang như nước chảy. Những bọn ấy mà nhận lấy nhiều quá, không có phép đồng-hóa cho mau thì có thể thành sự nguy-hiểm to trong nước. Nhưng may sao nước Hoa-kỳ đã có bọn dân cốt-cách từ lúc đầu, là bọn dân Anh trên kia, khác nào như trong nhà đã có người chủ-trương chắc-chắn, ra công giám-đốc, khách lạ đến phải theo gia-pháp, không thể nhũng-nhiễu được. Cái thế-lực của bọn chủ-trương ấy đủ mạnh làm cho các hạng dân mới đến ngụ-cư hoặc nhập-tịch phải đồng lòng mà thiếp-phục. Bởi cái cảm-hóa của một bọn thượng-lưu đó mà dân nước Hoa-kỳ bác-tạp như thế không đến nỗi nhiễu-loạn, không những không nhiễu-loạn mà lại nghiễm-nhiên thành một dân-quốc hoàn-toàn. Ấy cái nghị-lực của một giống người mạnh bạo đủ tạo-thành được một nước như thế. Nước Hoa-kỳ vốn không có dân mà trong hai trăm năm tự gây thành một dân bằng những người của tứ-phương đem lại, lại tự luyện cho dân ấy có tư cách ra khai-khẩn một cõi đất bát-ngát mênh-mông, từ Đại-Tây-dương đến Thái-bình-dương, chỉ đợi có tay người phá-hoang là sinh-sản được của-cải vô-ngần.

Nay người đã có, lại gặp được thiên-thời địa-lợi cực tốt, thực cổ-kim chưa có đâu tốt bằng. Người ta thường nói đất Mĩ-châu là cái kho vàng của thế-giới, thiệt như thế. Mà cái kho Hoa-kỳ đến thế-kỷ thứ 17, chưa từng có ai đến lấy, vẫn còn chôn trong đồng rộng rừng sâu. Hồi đầu mới có một vài phía

đông, men bể Đại-Tây-dương là bắt đầu khai-khẩn, cầy cấy, trồng bông, trồng thuốc lá ; tuy người còn ít, máy móc cũng chưa có nhiều, mà trong khoảng mươi mười lăm năm cái cơ thịnh-vượng đã trông thấy. Còn cả miền trung-ương, rộng-rãi biết bao, đất tốt vô-ngần, cả vùng phía tây, mỏ sắt mỏ vàng vô-số, chưa hề có bước chân người đến bao giờ. Bấy giờ bao nhiêu những dân mới của Âu-châu đổ sang, xô nhau mà tràn về mặt tây, tựa-hồ như cái khoảng-không vô-hạn nó có cái hấp-lực rất mạnh mà hút người ta lại vậy. Lắm người hôm trước nghèo-đói xác-xơ, hôm sau đã biến thành ông chủ ruộng mấy nghìn vạn mẫu ! Ai bước chân xuống đất Mĩ như vào chốn Đào-nguyên, rũ sạch cả cái trần-cấu của Cựu-Thế-giới, mà thành ra trai-trẻ, mạnh-mẽ, hăng-hái, quả-quyết, chỉ có một cái chí làm giàu, sinh-sản cho được thật nhiều của cải, mở-mang cho được thật nhiều rừng ruộng, không còn tư-tưởng gì khác nữa. Ấy cái sức cảm-hóa của thiên-thời địa-lợi cũng lại mạnh như thế. Đương một đám người tạp-nhạp ở khắp mọi nơi kéo lại mà biến thành một quân-đội hùng-cường, đủ tài đủ sức ra quyết-đấu với tạo-vật để thu-hoạch lấy của-cải cho loài người ! Quân-đội ấy mỗi ngày một thêm binh, mà những lính mới đăng đã có sẵn công việc làm ngay, có tài có chí chẳng bao lâu có thể lập chiến-công mà mong bước lên hàng tướng-tá, vì ở thế-giới mới này, người ta thăng-trật dễ lắm, không có nhọc-nhằn khó-khăn như ở những nước già-cỗi ta.

Người ta mà đem đặt cho sinh-hoạt ở một nơi cảnh-vật mênh-mông, không phải cạnh-tranh với ai, không phải cái gì hạn-chế, biết rằng có tài có sức thì tự-nhiên chiếm được những của-cải vô-ngần, tất sinh cái bụng tự-tín, muốn ra thử sức xem được thua thế nào. Thử thấy được, mà lại được quá sự hi-vọng của mình, trách nào không đem hết cả tinh-lực vào đấy ? trách nào không lấy sự hoạt-động để sinh-sản của-cải làm cái mục-đích ở đời ? Đó là thiên-thời và địa-lợi đều khiến nên như thế.

Thiên-thời địa-lợi đã khiến nên như thế, mà lịch-sử cũng không hề ngăn-trở. Ở các nước cũ, người đời nay thường phải chịu cái áp-chế vô-hình của người đời trước, di-truyền lại cho mình những thói ăn cách làm, những lề-lối cũ, khuôn phép xưa, mình không thể bỏ hẳn mà không theo được, lắm khi làm cho mất cái quyền tự-do hành-động của mình. Ở đất Hoa-kỳ thì tuyệt-nhiên không có cái áp-chế vô-hình ấy. Người tự đâu đâu lại, xa cách nơi mình sinh-trưởng cũ, hình như bỏ hẳn cái hồn cũ, gây lấy cái hồn mới cho hợp với nơi mình phải sinh-hoạt bây giờ, mà nơi ấy chỉ cần cho mình quên cả những sự hạn-chế cũ để đem hết tài-lực mà thu-hoạch lấy thật nhiều những của-cải hiện còn tiềm-tàng trong đất.

Xét như thế thì ra nhất-thiết cái gì cũng khiến cho người dân Hoa-kỳ khuynh-hướng về đường kinh-tế, đường thực-nghiệp. Cái khuynh-hướng ấy mạnh cho đến nỗi thành một cái đặc-tính của cả dân Hoa-kỳ, của cả xã-hội nước Hoa-kỳ ; cho đến sự giáo-dục, văn-chương, triết-học, mĩ-thuật của nước Hoa-kỳ cũng không ra ngoài một cái đặc-tính ấy, cái đặc-tính ấy nó phân-biệt nước Hoa-kỳ với các nước khác trong thế-giới và làm cho nước Hoa-kỳ được cái địa-vị lớn-lao như ngày nay.

Nhờ cái đặc-tính ấy mà dần dần tự-nhiên gây thành một cái « kiểu » (*type*) người Hoa-kỳ, thực là khác hẳn người các nước. Những dân đến ở sau cũng cứ tự-nhiên biến theo một cái kiểu như thế không sai.

Cái kiểu ấy xét về hình-dạng bề ngoài thì mạnh-mẽ hoạt-bát, hay vận-động,

hay hăng-hái ; xét về tâm-lý ở trong thì có những tính-cách như sau này : thứ nhất là cái tính « hiếu-sự », ham làm, ham xuất-lực, lúc nào cũng muốn làm công nọ việc kia, không thể ở không được, dù kẻ bần-tiện cho đến kẻ giàu sang, dù những kẻ thợ thuyền còn nghèo kiết cho đến những bậc phú-hào vứt của đi không hết, không ai lấy sự an-nhàn làm sướng, ai cũng hết sức làm việc, làm để tiêu-dùng cái khí-lực dư-dũ, chớ không một làm để lấy của lấy giàu, cho nên dẫu người đã vào cái địa-vị không phải lấy sự lao-động làm sinh-nhai cũng tìm những cách thể-thao, cách vận-động cho mạnh mẽ thân-thể, cho phấn-chấn tinh-thần, thực là tư-cách một dân đương trai-trẻ, chưa biết sự mệt nhọc là cái gì ; — thứ nhì là cái tính « sáng-khởi », muốn đặt mới ra, không muốn làm theo người trước, không chuộng những việc đã sẵn, những nghề đã thành, cái gì không vững mới thích, cái gì không chắc mới ham, và làm nghề gì việc gì cũng cho là tạm cả, vì cái chí còn muốn làm mới mãi lên, chưa lấy thế là mãn-nguyện ; — nhân đó mà sinh ra cái tính « mạo-hiểm », coi những sự khó-khăn nguy-hiểm như chơi bời, lấy trường kinh-tế là một nơi chiến-đấu, người nào biết can-đảm liều mình là người ấy được, người nào hay nhù-nhờ dút-dát là người ấy thua, nên thấy việc là làm, càng việc khó lại càng thích, càng việc nguy lại càng ham, không quản sự lợi hại về sau thế nào, khiến có người làm sách đã nói : « Người Mĩ coi sự hại như người anh-hùng coi cái chết ». Xét trong tâm-lý người Mĩ, thì phần « ý » (*volonté*) là phần mạnh hơn nhất, vì đã có tính hiếu-sự tính mạo-hiểm, phải có cái ý quả-quyết luôn mới làm nên việc ; phần « tri » (*intelligence*) thì giản và trực, phàm suy xét chỉ chủ cho thẳng, cho tới nơi ngay, không vụ lấy sâu-sắc, lấy cao-minh ; đến phần « tình » (*sentiment*) thì kém nhất. Người ta thường nói người Mĩ tính vô-tình, nghĩa là không dễ cảm-động như người các nước khác. Đã lấy cuộc đời làm một trường chiến-đấu, ai khỏe được, ai yếu thua, thời ai thua là người ấy hèn, người được công đâu mà đem lòng thương xót làm gì ; vả việc khác còn nhiều, cũng không lúc nào nghĩ đến sự thương người, đánh xong trận ấy còn đánh trận khác, vì đời người là một sự chiến-tranh không cùng. Nhưng cái luân-lý của người Mĩ đó là cái luân-lý kẻ trượng-phu không ưa những giống yếu hèn, chớ không phải là cái chủ-nghĩa ác-nghiệp, cố-ý hại người để lợi cho mình, lấy cường-quyền mà áp-ức kẻ kém mình.

Ấy cái tâm-lý của người dân Hoa-kỳ như thế. Nay xét đến tính-cách của xã-hội nước Hoa-kỳ thì cũng là suy-nguyên ở cái tâm-lý ấy mà ra. Cả xã-hội nước Hoa-kỳ ví như một cái xưởng làm công lớn, hết thảy mọi người chỉ chủ một mục-đích, là hết sức làm cho sinh-sản được thật nhiều của-cải. Ai cũng là người thợ làm công cả, không có kẻ ăn không ngồi rồi, nhưng trong bọn thợ với nhau đều là bằng-đẳng, vốn không có phân-biệt kẻ sang với người hèn, không có chia ra đẳng-cấp như trong các xã-hội khác. Song người nào khéo chóng làm nên công to, hưởng phần phú-quí, người khác trông thấy không hề ghen tị mà lại tự phấn-lệ lên, biết rằng có tài gặp dịp cũng có thể tới kịp được ; người nọ làm gương cho người kia, cử-quốc đều một lòng một chí, trách nào nước chẳng giàu, dân chẳng mạnh ? Trong một xã-hội lấy sự « cực-lực-động-tác » (*travail intensif*) làm mục-đích, chắc rằng không có những lề-lối phép-tắc nghiêm-nhặt như các xã-hội khác, mỗi người được tự-do mà dùng hết tài hết lực cho làm nên sự-nghiệp, nhưng ai cũng chỉ chủ một việc ấy mà

không nghĩ đến sự gì khác nữa. Cho nên các việc công trong xã-hội, việc tư trong gia-đình, đều không coi là quan-trọng cả.

Ai ai cũng đều có chí làm người trượng-phu, ra độc-lập ở đời, thời còn ai cần gì phải ỷ-lại vào nhà vào nước mới đứng được? Người nào đã có cái nhiệm-vụ của người ấy, từ khi mới sinh ra đã biết cái việc mình phải làm, mà việc ấy không một là để làm sung-sướng cho thân mình, lại để làm giàu mạnh cho nước nhà nữa, như thế thì Quốc-gia cần gì phải giám-đốc công-việc của mỗi người, vì công-việc ấy càng để cho tự-do bao nhiêu càng thành nên công to bấy nhiêu? Bố mẹ cũng không cần phải kiểm-đốc các con, vì đến tuổi trưởng-thành tự-khắc trông gương người trước mà có chí tự-lập, người nào người nấy tự chọn lấy nghề, đã chọn nghề gì cố công làm cho được mới nghe, cho xứng tên « trượng-phu » ở đời. Người Mĩ không lấy câu gì làm tự-cao bằng câu: « Ta là người trượng phu » *(I am a man = Je suis un homme)*. Người thiếu-niên mới ở nhà trường ra đã biết lẩm-bẩm trong miệng: « Ta là người trượng-phu đây! », mà tự kỳ-vọng làm thế nào cho xứng đáng cái tên ấy. Ai phải ăn nhờ vào cha mẹ, ỷ-bạng vào Quốc-gia, thì lấy làm cái nhục không gì bằng. Cho nên người Mĩ không những ghét những kẻ không tự-lập được, làm con sâu ăn hại của xã-hội, mà lại cũng không ưa những kẻ làm nghề sẵn, như kẻ làm việc Nhà-nước, kẻ làm quan-lại, cứ tháng lấy tiền, theo kim đồng-hồ mà làm một cái công việc đã nhất-định, không phải thi-hành đến cái tính mạo-hiểm, cái tài ứng-biến, tưởng cách làm việc như thế là kém mất cái giá-trị của người ta vậy.

Nhưng trong một xã-hội như thế thì cái giá-trị ấy lấy gì làm bằng? Mỗi người đã có một cái nhiệm-vụ là làm ra tiền-của, thì tất người nào làm được nhiều tiền của là người ấy có giá-trị hơn người khác. Người Mĩ bình-phẩm nhau thường nói: « Người này đáng mười vạn, người kia đáng hai triệu, v. v. » Các nước khác lấy tài-năng, trí-tuệ, đạo-đức, tư-tưởng của người ta mà phân hơn kém; nước Mĩ lấy tiền-bạc mà phân hơn kém, người nào làm được nhiều tiền là người ấy hơn. Nhưng sự hơn đó, những người hãy còn kém, hoặc chưa bằng, đều cho là cái hơn nhất-thời mà thôi, vì ngày nay mình kém, an-tri ngày mai mình không hơn, ngày nay mình còn làm ít tiền, an-tri ngày mai mình không giàu gấp bội kẻ kia? Miễn là có công thì có của. Vả xã-hội là cái sòng bạc lớn, thua thua được được là sự thường, sự thua sự được là sự tạm-thời mà thôi, người được cũng không lấy làm tự-cao, kẻ thua cũng không lấy làm phiền-muộn, không ai khinh ai, không ai thèm ai, ai ai cũng cố dùng cho hết tài-lực của mình, cho xứng đáng kẻ trượng-phu ở đời! Thành ra trong xã-hội nhất-thiết cái gì cũng là tạm cả, không cái gì là định hết, vì cuộc may rủi là cuộc chung, ai dám bằng vào đấy mà dựng nên cơ-đồ vĩnh-viễn? Vả ai cũng vội làm cho nhiều việc, không thì-giờ đâu mà nghĩ đến kế trường-cửu. Chỉ có những dân đã già mới mưu sự bảo-tồn, những dân còn trẻ chỉ chăm đường sáng-tạo. Trong sách đã nói: « Xã-hội nước Mĩ là một cái trại quân lớn, gia-đình nước Mĩ là một cái đoàn-thể bất-thường, mỗi người chỉ đợi cơ-hội mà bay nhảy. » Vợ chồng là hai người cổ-phần của một công-ti nhỏ; cha con anh em là những người bạn họp mặt nhất-thời, rồi mỗi người đi một phương, làm một việc, không hề hệ-lụy đến nhau; con giai tìm lấy vợ, con gái kén lấy chồng, bố mẹ không hề can-thiệp vào; cho đến đầy-tớ cũng không phải là người trong nhà, làm

việc có giờ, vẫn giữ quyền tự-do độc-lập, có lương cao mới làm, không thuận bỏ lúc nào cũng được. Có người đã nói : « Người Mĩ ở đời như người lính đi trận » : nay đóng đây mai đóng đó, đâu có việc thì đi, gọi lúc nào cũng sẵn, chẳng phải là sự thường của kẻ chinh-phu ư ?

Không những việc gia-đình, việc xã-hội, đến việc chính-trị cũng vậy. Người Mĩ không thiết gì đến việc chính-trị cả, những người tài-giỏi thường không thèm nhìn đến, phó mặc cho những kẻ tầm-thường, làm việc khác chẳng nên, không có tài tự-lập, mới quay về ăn nhờ Nhà-nước. Cho nên ở nước Mĩ, những tay chính-trị đã có tiếng là những người bậy lắm, và thường bị quốc-dân khinh-bỉ. Ông Boutmy là một nhà khảo-cứu về nước Mĩ tinh lắm, đã nói rằng : « Người Mĩ coi nước mình cũng như một cái sòng bạc lớn ; miễn là mình đánh được bạc thì thôi, còn việc quản-lý trong sòng thế nào phó mặc cho những kẻ lĩnh-chưng. » Mà thiệt thế. Còn trong bọn đánh bạc với nhau thì ai cũng biết giữ kỷ-luật, vì ai cũng có lợi lấy sự thật-thà sòng-phẳng mà đãi nhau, mình đãi người ta như thế, người ta tất cũng đãi mình như thế, có thế thì mới thành ván bạc được. Đã như thế thì công việc của kẻ lĩnh-chưng còn phải khó nhọc gì nữa ? Cho nên dùng kẻ tầm-thường cũng không hại gì.

Song, một xã-hội, một nước, có thể cứ tạm mãi như thế được không ? Quyết rằng không. Cái *tạm* ấy cũng là *tạm* mà thôi, rồi có ngày phải định ra thế nào thì xã-hội mới thành, nước mới vững được. Việc tổ-chức ấy ngày nay đương làm, cứ tự-nhiên, cứ tiềm-tiệm mà thành, bởi tình-thế khiến nên như thế, hơn là bởi sức người dụng-ý làm. Hiện nay đã nhóm thành một bọn thượng-lưu người Mĩ, gồm các bậc phú-hào trong nước, những bậc ấy được quốc-dân sùng-trọng, ngày nay thực là chủ-trương các việc trong xã-hội. Bọn thượng-lưu ấy chắc không được lọc-lõi tinh-anh bằng các bọn thượng-lưu của Âu-châu, nhưng có thế-lực trong nước, và thứ nhất là có tinh hiếu việc công-ích công-lợi, nên thường lấy tư-bản, lấy thế-lực của mình mà thay quyền Chính-phủ làm những việc ích-quốc lợi-dân. Cứ xem như phần nhiều các nhà học to của nước Mĩ, có nhà to nhất nhì trong thế-giới, là toàn của những tay đại-phú-hào lập nên cả, thì đủ biết. Có thể nói cái tiền-đồ nước Mĩ là ở trong tay những bọn đó vậy.

* * *

Ấy người Mĩ như thế, xã-hội Mĩ như thế, nay ta xét sự tiến-hóa của nước Mĩ về đường kinh-tế, đường tinh-thần, đường trí-thức, đường chính-trị thế nào. Trước hết xét về đường kinh-tế, vì ta đã nói nước Mĩ là một nước chuyên trọng đường kinh-tế hơn cả, hồi đầu thành-lập cũng vì lẽ kinh-tế, rồi sau sinh-hoạt tiến-hóa cũng không ra ngoài lẽ kinh-tế.

Ta đã giải vì cớ gì mà đường kinh-tế ở nước Hoa-kỳ thịnh như thế : đất tốt, người mạnh, chỉ làm giàu, lại thêm địa-thế ở giữa hai bể lớn, xa cách những nước láng giềng mạnh, không cần phải binh-lực nhiều, không lo đến sự ngoại-hoạn ; chính-thể cũng tiện-lợi, nhân tình-thế mà thành nên cũng tùy tình-thế mà thay đổi, không phải vốn có từ trước mà có khi không hợp thời, thành ra nhiều sự nhiễn-loạn. Bấy nhiêu thứ đều như xui-giục dân Hoa-kỳ chú hết tinh-lực vào đường kinh-tế, lại khiến cho cái công kinh-tế ấy được toàn-thịnh, thành những sự kết-quả thực cổ-kim trong lịch-sử chưa từng thấy bao giờ.

Trong cuộc tiến-hóa của nước Hoa-kỳ về đường kinh-tế chia ra hai thời-

kỳ: thời-kỳ thứ nhất thuộc về nông-nghiệp, thời-kỳ thứ nhì thuộc về công-nghệ. Hồi đầu khi miền trung-ương và miền tây chưa khai-thác thì chỉ có một miền đông ở bờ bể Đại-Tây-đương là cầy cấy mà thôi. Chính miền đông ấy cũng lại chia ra phía bắc phía nam, là theo địa-phận của hai công-ti Luân-đôn và Bối-lai-mục đem người sang thực-dân lúc bắn đầu. Phía bắc thì cấy thóc lúa, chuyên nghề canh-nông mục-súc như bên Âu-châu: cách cầy cấy ấy còn là thuộc về lối « tiểu canh-tác » (*petite culture*). Phía nam thì trồng mẫu, nhất là bông và thuốc lá, nhưng trồng to, gồm từng vùng rộng một. Nghề trồng thuốc lá thịnh lắm, tự đầu thế-kỷ thứ 17 đã xuất-cảng ra bán ngoài nhiều. Sau nhân có hắc-nô ở Phi-châu đem sang, nghề thuốc lá lại càng phát-đạt lắm. Nhưng tự đấy phía nam phía bắc đường kinh-tế đã khác nhau rồi: phía bắc thì cầy cấy ít, sau chuyên hẳn về mặt công-nghệ, lập nhà máy, đặt máy móc, chế-tạo các đồ vật; phía nam trồng thuốc trồng bông có lợi, càng ngày càng nuôi nhiều hắc-nô để khai-khẩn rừng ruộng. Nhân đường kinh-tế khác nhau thế mà từ đấy Nam-Bắc đã có ý bất-bình nhau, rồi sau nhân tục mãi-nô mà thành ra đánh nhau, khởi ra trận Nam-Bắc-chiến-tranh (*Guerre de Sécession.*)

Đến sau dân mỗi ngày một nhiều, tràn mãi sang phía Tây. Nhờ được các nhà tư-bản xuất vốn ra, đặt đường hỏa-xa trước ở những nơi hãy còn rừng rú, để cho sự giao-thông tiện-lợi, người dân đến khai-khẩn mới đông. Đường hỏa-xa thực là một cái cơ-quan rất mạnh để biến-hóa đất Hoa-kỳ: trong cơ thịnh-vượng của nước ấy ngày nay hỏa-xa đã có một phần rất to. Mà khá khen thay là những nhà tư-bản Mĩ, có gan dám xuất của đặt đường sắt ở những nơi chưa có chân người bước đến bao giờ, đặt xong rồi mới cổ-động cho người ta đến làm ăn, cách ấy thật không gì diệu bằng. Thậm-chí có công-ti hỏa-xa đã đặt đường sắt rồi, lại còn cấp vốn, cấp nông-khí máy-móc cho những người đến khai-khẩn. Người dân được tiện-lợi như thế, ai mà chẳng đi? Những người mới đến thấy đất tốt quá chừng, mỏ nhiều vô-số, mở-mang trong ít lâu thành-sở rồi bán lại cho những người tới sau, mà mình thời cứ cùng cái đường sắt mà tiến mãi lên, tức như một bọn quân tiên-phong đi phá đường mở lối cho những quân-đội tới sau này. Nhờ có những nhà tư-bản biết trông xa như thế, nhờ có những tay khai-thác có mạo-hiểm như thế, mà nước Hoa-kỳ không đầy một trăm năm chiếm được một bờ-cõi mênh-mông như thế, thu được những của-cải vô-ngần như vậy. Trong lịch-sử nước Hoa-kỳ về đường kinh-tế, cái cuộc « tây-tiến » ấy thực là một đoạn vẻ-vang nhất cho tài-trí nghị-lực của người Mĩ vậy.

Những miền mới khai-thác ấy trước cũng còn thuộc về thời-kỳ nông-nghiệp, nhưng thi-hành cái lối « đại-canh-tác », cầy cấy hàng mấy vạn mẫu ruộng, chăn nuôi hàng mấy triệu con vật. Miền trung-ương ngày nay là cái kho thóc gạo, kho trâu bò của nước Mĩ, và của cả thế-giới nữa. Miền Cực-tây (*Far-West*) thì khoáng-nghiệp thịnh hơn: ở nơi gọi là Cựu-kim-sơn (Californie) mỏ vàng mỏ sắt rất nhiều. Đại-đề thì đương khi miền Đông đã qua thời-kỳ nông-nghiệp rồi và truyền sang thời-kỳ công-nghệ, miền Trung-ương và miền Cực-tây còn vào giữa thời-kỳ nông-nghiệp đương thịnh. Đến nay thì cái phong-trào công-nghệ đã tràn khắp cả cõi đất Hoa-kỳ, dù những miền rừng ruộng to chuyên nông-nghiệp cũng kiêm cả công-nghệ nữa, khiến nước Hoa-kỳ ngày nay đứng đầu thế-giới về đường công-nghệ.

Như nghề chế sắt và chế than trước kia vẫn nước Anh là hơn cả hoàn-cầu, mà bắt đầu từ năm 1890 thì giải nhất về tay nước Mĩ, không còn ai địch nổi được nữa : năm 1890 nước Anh sản 181.600.000 tấn than, nước Mĩ sản 141 triệu ; đến năm 1904 thì nước Anh tăng 232 triệu, nước Mĩ tăng 334 triệu, trước kém 40 triệu, sau hơn 102 triệu. Lại năm 1900 nước Anh sản 9 triệu 500.000 tấn sắt, nước Mĩ 13.800.000, đến năm 1904, có bốn năm mà tăng đến 18.000.000, trong số ấy thì 15.000.000 tấn chế ra thép.

Bởi cớ gì mà công-nghệ nước Mĩ tiến-bộ mau và dữ như thế ? Phần nhiều là bởi sự dùng máy móc, dùng nhiều hơn cả các nước khác. Nước Mĩ vào trường cạnh-tranh sau các nước, được một cái lợi to, là nhờ các nước đã thí-nghiệm các thứ máy trước mình, khi mình dùng đến thì bắt chước ngay những kiểu tối-tân, rồi lại sẵn cái tài chế-tạo riêng của người mình cứ nhân những kiểu tốt ấy mà dụng công cải-lương thêm mãi, thành ra mỗi ngày một tốt hơn diệu hơn máy các nước.

Khi công-nghệ mới nhóm thành ở miền Bắc, người Mĩ muốn giữ quyền-lợi cho các nhà chế-tạo trong nước, không muốn để đồ Âu-châu vào tranh nơi thị-trường nước nhà, đối với nhất-thiết các đồ ngoại-hóa vẫn giữ cái lối « bảo-hộ-mậu-dịch » (*protectionnisme*), nghĩa là đánh thuế nhập-cảng rất nặng cho đồ ngoài khỏi đem vào bán nhiều trong nước. Miền Nam chuyên nông-nghiệp, không chế được đồ dùng, cần phải mua đồ ngoài, vẫn không thuận cho thi-hành cái lối « bảo-hộ-mậu-dịch » ấy, nhưng Bắc không nghe, đó cũng lại là một cái cớ hai đàng hiềm-kỵ nhau và gây nên việc chiến-tranh năm 1860. Nhưng lối « bảo-hộ-mậu-dịch » nguyên đặt ra là để bảo-hộ cho quốc-hóa khi công-nghệ nước nhà còn chưa thịnh, mà lâu ngày thành một cái chính-sách nhất-định trong nước, khi công-nghệ đã quá thịnh rồi cũng không chịu bỏ. Xét ra thì do các công-ti chế-tạo lớn trong nước hợp nhau lại, muốn lợi-dụng cái lối « bảo-hộ-mậu-dịch » ấy để giữ lấy quyền-lợi riêng của mình, bèn cố xuất tiền vận-động trong chính-giới để ngăn-trở những nhà chính-trị xướng ra cái nghị giảm thuế ngoại-hóa, thành mấy lần muốn đổi thuế-ngạch mà không được, các nước ngoài lấy làm bất-bình lắm. Ấy duyên-do lối « bảo-hộ-mậu-dịch » của nước Mĩ trước vì công-lợi đặt ra mà sau vì tư-lợi không thể bỏ đi được. Nhưng đó chẳng phải là cái minh-chứng rằng tiền-bạc ở nước Mĩ có cái thế-lực vô-địch, và cái phong-tục trong chính-giới thực là bại-hoại hơn các nước khác ru ? Đó cũng là một điều khuyết-hám trong cuộc tiến-hóa của nước Hoa-kỳ vậy.

Sinh-sản chế-tạo mỗi ngày một nhiều, tất phải tìm nơi tiêu-thụ cho hết. Xuất-cảng bán cho nước ngoài thì mình đã lấy lối « bảo-hộ-mậu-dịch » mà đãi đồ hàng người ta, người ta tất cũng lấy lối bảo-hộ mà đãi lại đồ hàng mình ; song dù bán giá thật rẻ, các nơi thị-trường Âu-châu cũng không phải là nơi tiêu-thụ được nhiều. Vậy thế-tất phải tìm những nơi mà mình có quyền bắt được mua đồ hàng của mình : những nơi ấy trước thứ nhất là các thuộc-địa, thứ nhì là những nước nhỏ hay là nước yếu vốn chưa có công-nghệ, cần phải dùng đồ ngoài. Ấy bởi đường kinh-tế mà nước Mĩ phải xướng ra cái đế-quốc-chủ-nghĩa, và bắt đầu đi chiếm các thuộc-địa để làm nơi tiêu-thụ cho công-nghệ nước mình. Cũng bởi đường kinh-tế ấy mà phải cực-lực mở mang các đường giao-thông trên bộ dưới nước, lập một đội thương-thuyền ngày nay đứng bậc nhì trong thế-giới, sau nước Anh. Cho hay

việc gì ở nước Hoa-kỳ cũng là thuộc về đường kinh-tế cả, và cả vận-mệnh nước Hoa-kỳ thực là ở trong vòng kinh-tế vậy.

Xét sự kinh-tế-hoạt-động của nước Hoa-kỳ có hai tính-cách như sau này. Thứ nhất là các công-nghệ cùng một loại thường hay tập-hợp nhau lại thành những công-ti rất lớn gọi là « liên-hợp-công-ti » (*trusts, cartels*), lũng-đoạn cả quyền sinh-sản, quyền tiêu-thụ trong một xứ, có khi cả trong nước nữa. Trong thế-giới ai cũng biết tiếng mấy cái « liên-hợp công-ti » Mĩ to lớn lạ thường, như công-ti làm thép, làm đường ăn, làm dầu hỏa. Những công-ti ấy có thế-lực trong nước không gì địch nổi, năm xưa Tổng-thống Roosevelt ghét rằng quyền-hành quá đã cố công-kích mà không phá nổi. — Thứ nhì là nhân các nhà tư-bản tập-hợp nhau lại to như thế, bọn thợ-thuyền, bọn làm công, tức là bọn lao-động, cũng phải đặt cách bảo-hộ lấy quyền-lợi của mình, sợ các nhà có của kia xâm-đoạt mất, bèn cũng họp thành những hội « liên-hợp » lớn, để cốt nhất là giữ cho những người thợ có chân hội được tiền công vừa phải và giờ làm không quá, cùng khi tai-nạn được tiền bồi-cấp, tiền bảo-hiểm. Hiện nay có một hội tổ nhất gọi là « Mĩ-quốc Lao-động-giới liên-hợp-hội » (*American Federation of Labor*), lập từ năm 1888, hiện có 2 triệu người thợ có chân hội.

Nhờ có những hội « liên-hợp » to lớn ấy, đảng có của và đảng có công ở nước Mĩ được đồng-tâm hiệp-lực với nhau, không đến nỗi xung-đột như ở các nước khác. Đó cũng là một sự tiện-lợi cho đường kinh-tế trong nước vậy.

***

Nay xét đến sự tiến-hóa về đường tinh-thần và sự gây-thành cái quốc-hồn của nước Mĩ.

Một nước muốn cho thành « nhân-cách » một nước, phải có một cái quốc-hồn mới được, nghĩa là một cái chủ-não chung khiến cho người trong nước ấy biết rằng mình thuộc vào một đoàn-thể lớn, bền-chặt, vĩnh-viễn, mình qua đi vẫn còn lại, để tiêu-biểu mãi cái thanh-danh những sự-nghiệp vẻ-vang của người trước đã làm nên, của chính mình đương làm, và của người sau sẽ làm nữa. Nước không có quốc-hồn cũng như thân-thể không có linh-hồn, sống cũng như chết, không gọi là nước được. Như nước Mĩ, ví không gây thành một cái quốc-hồn cho xứng đáng với cái vận-mệnh lớn-lao của nước ấy, thì có khác gì một cái công-ti buôn lớn hay là một sòng bạc to như trên kia đã nói không? Nhưng một nước đã thịnh-vượng, đã phát-đạt như thế, không có lẽ không có một cái tinh-thần chung, không có lẽ chỉ sống về đường vật chất, về đường kinh-tế mà thôi được. Nếu thế thì thật là một cái quái-vật trong giới-đất. Nước Mĩ không phải là cái quái-vật ấy. Vả cái quái-vật như thế dù có cũng không thể sống được. Nước Mĩ thực là một cái gương quốc-hồn rất mạnh trong thế-giới. Mà cái quốc-hồn ấy sinh-trưởng ngay trước mắt ta, ta có thể chiêm-nghiệm mà biết từng trình-độ tiến-hóa thế nào.

Lịch-sử nước Mĩ rõ tỏ như bàn tay. Vả cũng không cần phải xét ngược đến lịch-sử mới biết cái quốc-hồn sinh-thành thế nào. Cái quốc-hồn ấy cũng do ở đường kinh-tế mà ra. Nhiều người cùng ở với nhau một nhà, cùng mưu một đường sinh-hoạt như nhau, cùng có bấy nhiêu sự lợi hại giống nhau, cùng liên-lạc với nhau về đường kinh-tế, thì dù có sự nghi-kỵ nhất-thời cũng không mấy nỗi mà tỉnh-ngộ, hoảng-nhiên biết rằng mình đều là người một hội một thuyền cả, và đã biết thế rồi chẳng bao lâu mà coi nhau

như đồng-bào vậy. Cái quan-niệm ấy rồi tùy theo vận nước phát-đạt mà mỗi ngày một thâm-thiết trước-minh ra, tức là cái mầm gây nên lòng ái-quốc rất mạnh vậy. Kể từ khi các nhà giáo-sư, nhà võ-sĩ nước Anh, mới đổ tàu bước chân lên đất Mĩ-châu, dễ trong bụng cũng đã khởi-điểm ra một cái quan-niệm như thế rồi. Nhưng hồi đầu ấy kẻ phương Nam người phương Bắc, người miền Đông, kẻ miền Tây vẫn còn cách-trở nhau, đối với nhau vẫn còn giữ cái « đặc-biệt-chủ-nghĩa.» Mãi về sau này nhờ có đường giao-thông tiện-lợi, Nam, Bắc, Đông, Tây thông-đồng với nhau, người Mĩ bấy giờ mới biết rằng mình là một dân và nhận-chân cái quan-niệm phồn-phất trên kia. Cái công-nghiệp đường hỏa-xa giúp cho việc gây thành quốc-hồn nước Mĩ cũng chẳng kém gì công-nghiệp giúp cho đường kinh-tế trên kia. Tự năm 1869 đặt luôn năm đường xe hỏa lớn, nối bờ bể nọ sang bờ bể kia, liên-tiếp các xứ với nhau, khác nào như mấy vòng đai sắt buộc các địa-phương lại thành một nước lớn bền chặt vững-vàng: năm 1869, mở đường « Thái-bình-dương-thiết-lộ » nhất-danh là « Trung-ương-thiết-lộ » (*Union Pacific Railway* ou *Central Pacific*), dài 5112 cây-lô mét, qua núi « Thạch-sơn » (Montagnes Rocheuses) cao 2000 thước, nối thành New-York ở bờ Đại-Tây-dương sang thành San Francisco ở bờ Thái-bình-dương, qua thành Chicago ở miền Đại-hồ ; năm 1881, mở đường « Đại-Tây Thái-bình thiết-lộ » (*Atlantic Pacific*), cũng từ New-York đến San Francisco, nhưng qua Saint-Louis, dài 7400 cây-lô-mét ; năm 1883 đặt đường « Nam Thái-bình thiết-lộ » (*Southern Pacific*) tự Nouvelle-Orléans đến San-Francisco, dài 4015 cây-lô-mét ; còn hai đường nữa là đường « Bắc Thái-bình thiết-lộ » (*Northern Pacific*), 5839 cây-lô-mét, và đường « Đại Bắc Thái-bình thiết-lộ » (*Great Northern Pacific*).

Mấy đường giao-thông to lớn như thế cũng ví như những mạch máu đem truyền huyết-khí đi khắp mọi nơi trong nước khiến cho một nước cũng sinh-hoạt như thân-thể người. Mà thực nước Mĩ là một cái đoàn-thể đương sinh-hoạt mạnh, vừa sinh-hoạt mà lại vừa biết cái khoái-lạc, cái vinh-dự của sự sinh-hoạt. Cái khoái-lạc, cái vinh-dự ấy, người Mĩ đều lấy làm sung sướng mà được cùng nhau hưởng chung : đó là nguồn gốc của cái lòng ái-quốc của họ. Ta ái-quốc là yêu cái vinh-dự đời trước của nước ta ; người Mĩ ái-quốc là yêu sự sinh-hoạt hiện-thời của nước mình. Nước không những không tiêu-ma mất người đi, mà lại phát-đạt nhân-cách người lên. Người Mĩ chưa đến cái bậc lấy rằng chết cho nước là sướng, nhưng hiện cảm biết rằng nhờ nước được sống vẻ-vang như thế này là thú. Trong hai cái cảm-tình ấy, cái trên tuy có hùng-hồn, mà cái dưới mới thật là chính-đáng. Vì làm dân một nước, trừ khi gặp bước nước gian-nan, cần phải đem sinh-mệnh mà cống-hiến cho nước, còn những lúc bình-thường biết sống cho nước là vui là sướng, cái lòng ái-quốc như thế tuy không kịch-liệt mà thâm, mà bền biết chừng nào. Chớ khi vận nước đã đến cái bậc mà người dân sống cho nước không biết là vui là thú nữa, thì bấy giờ dầu có chết cho nước cũng không có giá-trị vậy. Ấy lòng ái-quốc của người Mĩ có cái đặc-sắc như thế.

Một nhà làm báo trước-danh ở thành New-York, tên là Jacob A. Riis, vốn người nước Đan-mạch (danois) nhập-tịch làm dân Mĩ, sau có làm một quyển sách, đề là : « Thế nào mà tôi thành ra người Mĩ » (*Comment je suis devenu Américain*), đọc sách ấy thì biết cái lòng ái-quốc của người Mĩ thâm-thiết là nhường nào. Nay dịch một đoạn kết-luận sách ấy như sau này.

Nhà làm sách kể cái lịch-sử của mình xong, rồi kết mà nói rằng :

« Tôi đã kể chuyện thế nào mà tôi thành ra người Mĩ. Tôi lại xin kể thế nào mà tôi biết rằng tôi đã thành người Mĩ, mà thành một người Mĩ hoàn-toàn.

« Bấy giờ tôi lại về thăm mẹ tôi một lần nữa, đi qua cái đất mà thủa nhỏ tôi đã sinh-trưởng ở đấy. Tôi vừa đến thành Elsinore, thì tôi phải cảm sốt rét, nằm liệt-vị trong mấy tuần-lễ ở nhà một người anh em bạn ngay trên bờ vũng bể Ooresund, là nơi phong-cảnh đẹp có tiếng.

« Khi tôi đã bớt sốt, người nhà đem giường tôi nằm vào một cái buồng trông ra bể. Nằm đấy trông ánh sáng mặt giời như nhẩy như múa trên ngọn sóng, ngoài xa thì rẫy núi Thụy-điển (Suède) xanh biếc cả chân giời. Thuyền tàu đi lại, gió thổi giương buồm, cái chạy ngược cái chạy xuôi, rong-ruổi trên con đường giao-thông của vạn-quốc. Nhưng trông cái cảnh-sắc thanh-quang, mầu giời sắc nước đẹp như thế, mà trong lòng tôi không thấy cảm-động gì. Tôi nằm đó, chân đập vào cái mền, trong lòng chán-ngán, như lạnh-lẽo. như buồn rầu, — không hiểu vì cớ làm sao.

« Vụt thấy đi qua ngang đấy một chiếc tàu lớn, áp tận gần bờ, một chiếc tàu mà trên ngọn có phất-phơ lấm cờ tự-do, gió bể thổi lên trông rõ-ràng rực-rỡ từng ngôi sao một. Bấy giờ tôi mới biết trong lòng tôi đau đớn vì sự gì. Thôi, bệnh tật đi đâu cả, thôi, trong người không thấy buồn rầu chán-ngán gì nữa ! Thôi, quên cả những nỗng-nỗi yếu đau mệt nhọc, quên cả những nhời dặn của ông thầy thuốc, của người hộ-bệnh !... Tôi ngồi dựng dậy, vừa kêu vừa khóc, tay vung cái khăn mặt như chào như gọi tấm quốc-kỳ đương đi ngoài kia. Người nhà tưởng tôi mê sảng, tôi nói không, tôi vẫn tỉnh. Không những tôi không mê mà đến bấy giờ tôi mới thật là tỉnh, tỉnh cả thần-trí, tỉnh cả tâm-hồn. Bấy giờ tôi mới biết rằng cái lá cờ đó mới thật là cờ của tôi, cái quê hương của lũ con tôi mới thật là quê-hương tôi, mà ngày nay tôi thật đã thành hoàn-toàn là người Mĩ vậy. Rồi tôi cám ơn giời, thấy trong mình như người phải bệnh tê mới khỏi, đứng phắt dậy về nhà, tật-bệnh như không... »

Một nước mà khiến được người ta yêu-mến như thế, tất phải có cái quốc-hồn mạnh lắm mới được. Quốc-hồn nước Mĩ được mạnh như thế là nhờ cái sức chung của tôn-giáo, của sự giáo-dục cùng các sự-nghiệp của xã-hội.

Dân Mĩ là một dân có nhiều cái tôn-giáo-tinh-thần hơn các dân khác. Nói thế tất có người lấy làm lạ mà không hiểu rằng một dân chỉ vụ thực như dân Mĩ lại hay cảm được những sự vô-hình về tôn-giáo. Nhưng người ta bẩm-sinh ai cũng có một phần linh-tính; người các nước thì dùng cái linh-tính ấy về đường triết-học, đường mĩ-thuật, v. v. ; người Mĩ thì chung-đúc cả vào một đường tôn-giáo nên cái tôn-giáo-tinh-thần thịnh hơn các nước. Nhưng cái tinh-thần ấy cũng là vụ thực, chớ không ưa những sự huyền-bí. Người Mĩ tin đạo để cốt lấy một cái phương-trâm ở đời, để biết đường cư-xử hành-vi thế nào. Cho nên các phái tôn-giáo trong nước trọng đường nghiệp-vụ hơn cả. Tôn-giáo không phải là chỉ ở trong lòng tín-ngưỡng của mỗi người, mà phát-biểu ra thành cộng nọ việc kia có ích lợi cho xã-hội. Xã-hội sở-dĩ thành-lập được cũng là nhờ ở tôn-giáo, nên quốc-hồn cùng với cái tôn-giáo-tinh-thần không khác nhau. Người nào tin đạo là người ấy yêu nước, vì đạo trước đã dựng ra nước, nay vẫn

không dời với cái tinh-thần trong nước và ngày ngày vẫn giúp cho nước được bền được mạnh thêm ra. Nhờ có các giáo-hội, nước Mĩ mới đồng-hóa được những bọn di-dân mau như thế. Mà các giáo-phái cũng vì chỉ chủ một cái nghiã-vụ chung là làm sự ích-lợi cho nước, nên tuy tôn-chỉ có khác nhau mà không hề phản-đối nhau, không hề cạnh-tranh nhau bao giờ. Cứ xem năm 1893 ở thành Chicago có đặt một hội-nghị gồm cả các tôn-giáo cùng giáo-phái trong nước để bàn những điều ích-lợi chung thì đủ biết cái tôn-giáo-tinh-thần ở nước Mĩ khác các nước khác là chừng nào. Nhưng mà tôn-giáo chỉ vụ thực-nghiệp như thế, có sợ mất mất cái tính-cách cao-thượng đi không? Thiết-tưởng không, vì vụ thực-nghiệp để dễ ảnh-hưởng trong nhân-quần mà cải-lương cảm-hóa người đời, chẳng hơn là chỉ vụ những điều giáo-lý huyền-diệu ư? Nước Mĩ là một cái đoàn-thể lớn, còn đương mỗi ngày một bành-trướng mãi ra, cần phải có một cái sức mạnh vô-hình để chủ-trương cho được nhất-trí : sức mạnh ấy tức là tôn-giáo. Cái đoàn-thể ấy lại vì các lẽ đã nói trên kia chỉ chuyên về đường kinh-tế, đường vật-chất, phải có một cái sức mạnh gì để bảo-tồn phát-đạt lấy cái tinh-thần cao-thượng trong nước, kẻo nó tiêu-mòn đi mất : sức mạnh ấy tức là tôn-giáo. Như thế thì tôn-giáo nước Mĩ có hai cái nhiệm-vụ tối-cao tối trọng, không thể khuyết được, và thực đã tô-tạo ra quốc-hồn nước Mĩ vậy.

Sự giáo-dục cũng có một nhiệm-vụ như thế và cũng chủ một mục-đích như thế. Bởi thế nên người Mĩ coi việc giáo-dục cũng quan-trọng như tôn-giáo. Dân Mĩ là một dân rất hiếu-học, nhưng không phải vị ham sự học-vấn mà học. học là để có đủ cái trí-thức ra tranh đua với đời, học là để làm được nhiều tiền nhiều của, giàu có sang trọng. Nên sự giáo-dục ở nước Mĩ cũng chỉ vụ thực mà thôi. Trường-học trong nước như rừng, nhất là các trường chuyên-môn, trường thực-nghiệp. Như trong một thành Boston có đến 600 trường thực-nghiệp, dạy từ nghề nấu bếp cho đến nghề làm nhật-báo. Vì người Mĩ tin rằng phàm bách-nghệ nghề gì cũng có thể dạy được cả, vì nghề gì cũng ích-lợi, không nghề gì là đáng khinh. Cho nên giáo-dục chỉ vụ sự ích-lợi ngay, không vụ những sự cao-xa. Các nước khác dạy để luyện lấy nhân-tài, để gây lấy cái tư-cách con người nho-nhã-phong-lưu. Nước Mĩ dạy như rèn kịp lấy cái khí giới để vào tranh đua trong trường sinh-hoạt. Nên phép giáo-dục thật là giản-dị và thật là thiết-thực, đáng làm gương cho những nước chỉ trọng hư-văn mà hại thực-sự. Có nhà du-lịch đã thuật lại cái cách dạy học trong một nhà « Thương-nghiệp-học-hiệu » (*Business-College of Salt Lake City*), như sau này : « Tôi vào thấy đương dạy một lớp ngân-hàng, là dạy cái cách làm việc trong nhà ngân-hàng thế nào. Nhưng không phải là chỉ cho bài-học về phép tính-toán, phép giữ sổ-sách đâu. Quanh lớp học có hẳn một nhà ngân-hàng thật, chia ra từng buồng, mỗi buồng có học trò ngồi, có sổ quĩ, có sổ ngân-phiếu giá-phiếu y như thật, không sai một tí nào. Các việc mua bán trao đổi cũng làm y như thật, bằng tiền thật, biên chép bằng các thứ giấy má theo như kiểu trong các nhà ngân-hàng, nhà thương-quán. Cũng trả tiền, cũng thâu tiền, cũng phát ngân-phiếu trái-phiếu theo thời-giá hằng ngày.... Học trò ở đấy ra thời đã thạo việc lắm, có thể vào sở nào, làm việc gì cũng được, không sợ không quen. » Chắc cái cách học như thế thì phần triết-lý không có mấy, nhưng có hề gì, vì học để mà làm, chớ không phải học để ngồi bàn những nghĩa-lý hư-không.

Ấy cái mục-đinh thứ nhất của sự giáo-dục là dự-bị cho người ta ra tranh-cạnh với đời. Cái mục-đích thứ nhì là dạy cho người ta ra làm dân với nước. Nhà học-đường cũng như nhà giáo-đường là một chốn đồng-hóa người dân rất mạnh. Nhưng nhà giáo-đường thì đồng-hóa những kẻ lớn, mà nhà học-đường thì đồng-hóa ngay từ bậc đồng-ấu trở lên. Cách đồng-hóa ấy mới lại càng có hiệu-lực hơn nhiều. Người dân mới nhập-tịch để được đứa con cho vào trường tiểu-học, thế là tự-nhiên đứa con ấy biến-thành tâm-tính người Mĩ. Vì cách giáo-dục ở trường tiểu-học thực là diệu lắm. Cũng chỉ vụ-thực mà thôi, lấy những điều thiển-cận mà cốt gây lấy lòng ái-quốc trong tâm-hồn đứa trẻ con, không dạy làm chi những điều nghĩa-lý cao-xa. Có quốc-luật định ở các trường-học trong buổi học phải cắm quốc-kỳ ở ngoài cửa và treo quốc-kỳ ở trong lớp, học trò khi ra khi vào phải ngả mũ chào ; lại dạy cho học-trò thuộc những bài quốc-ca ngày ngày phải đọc như đọc kinh vậy. Trẻ con còn nhỏ lắm thời phát cho những lá cờ con làm đồ chơi, bắt vừa chạy vừa phất, hoặc vừa đứng vừa ôm vào ngực ra dáng yêu-giấu kính-trọng vô-cùng. Lớp dạy kỹ nhất là lớp học quốc-sử : không có một người nào hơi trước-danh, không có một việc nào nhỏ đến đâu, là không dạy. Ấy phép giáo-dục như thế, trách nào chẳng kích-lệ hưng-khởi tấm lòng ái-quốc của bọn thiếu-niên, nay mai là những bậc trượng-phu ra tranh-đua với đời ?

Tuy vậy, trong cách giáo-dục của người Mĩ không phải là vụ thực-nghiệp mà đến những bỏ cả sự học-vấn cao-xa. Các trường đại-học của nước Mĩ tuy trình-độ còn hơi kém các trường đại-học Âu-châu, nhưng nhiều nơi đã nổi tiếng trong hoàn-cầu. Phải nhớ rằng nước Mĩ là một một nước mới, như một người hãy còn trẻ tuổi : tuy đã làm được bấy nhiêu công-nghiệp, mà cái tiền-đồ còn lâu-dài, những sự-nghiệp sau này chưa biết đâu mà tư-lường được. Hiện nay có phần kém Âu-châu về đường học-vấn, nhưng đã hơn Âu-châu về đường kinh-tế ; ai-tri sau này không theo kịp Âu-châu về đường học-vấn kia ? Hiện các nhà văn-nhân bác-sĩ nước Mĩ đã đặt một hội Hàn-lâm theo như hội Hàn-lâm nước Pháp : thế là cái phong-trào đã khởi-điểm rồi, từ nay chỉ có cơ lan rộng ra thôi.

Tôn-giáo và giáo-dục là mưu sự lợi-ích cao-xa lâu-dài. Nhưng trong một xã-hội bác-tạp như nước Mĩ, tất có nhiều điều khuyết-điểm cần phải bổ-cứu ngay, sợ nhiễu-loạn đến cuộc sinh-hoạt chung, và làm hư-tổn cái quốc-hồn trong nước. Như những bọn di dân, mỗi năm kéo đến hàng trăm vạn người, lấy đâu mà được những người tốt cả, phần nhiều không biết đọc biết viết. Vì còn trẻ mới cho vào học trường được, chớ đã lớn rồi thời làm thế nào? Còn đàn-bà nữa thì giáo-hóa sao được? Người nào có theo đạo mới mong lấy tôn-giáo mà cảm-hóa, còn những kẻ khác thời làm sao ? Cho nên một nhà giáo-đường, học-đường còn chưa đủ, phải có những nhà « nghĩa-hội » mở được. Người Mĩ vốn tính vụt-lực, hiểu ngay sự yếu-cần ấy, nên các bậc phú-hào, các nhà thiện-nhân, thi nhau mà đặt hội này hội khác, để làm việc nghĩa-vụ giúp kẻ nghèo, hoặc để duy-trì phong-tục, khuyến-khích điều hay. Những hội trước-danh nhất là hội « Thanh-niên câu-lạc-bộ » (*Boy's Club*) ở San-Francisco, họp con trẻ lại để cho tập những cách chơi có ích-lợi, biết đường tự-do tự-lập, khỏi bê-tha lêu-lổng ; hội «Phụ-nhân thực-nghiệp hội» (*Women's Educational and Industriel Union*) để dạy cho đàn-bà các nghề sinh-nhai ; to nhất là hội « Thiên-chúa-giáo nam-nữ thanh-niên hội» (*Young men and Young*

Women Christian association), mục-đích là để cứu vớt người ta ra khỏi bể trầm-luân, khỏi đường ác-nghiệp, dạy cho có tư-cách ra đua tranh với đời, nói rút lại là dạy cho hay người ra và được hưởng cái hạnh-phúc ở đời. Vì đại-đề các hội nghĩa ở nước Mĩ đều là chủ cải-lương cho người ta, biến người hư thành người tốt, kẻ xằng thành kẻ hay, rồi giúp cho phương-kế mà tự-lập ở đời. Lại có những hội nửa là hội nghĩa, nửa là hội buôn, như các nhà « túc-xá » (Mill's Hotels) ở Newyork, tức là các nhà trọ cho những người nghèo, những bọn thuyền-thợ; ngủ đêm trong chẳng thiếu gì : buồng ngủ, buồng tắm, đèn điện, quạt máy, nước nóng, nước nguội, khăn mặt, xà-phòng mà mỗi đêm chỉ có hai hào, là có ý giúp cho những bọn hạ-lưu biết giữ cái nhân-cách của mình mà ăn ở cho chỉnh-đốn. Một nhà túc-xá có đến 1500 buồng, tối nào cũng có người ngủ. Lại có những hội là « cứu-tế-viện » (*settlements*), đặt ngay ở các phố thợ thuyền, các xóm nghèo-nàn, để cứu-khổ cứu-nạn cho các bọn hạ-lưu, không nề-hà gì. Những người ấy phần nhiều là đàn-bà cả, vì đàn-ông còn bận đường kinh-tế, việc cứu-tế là để riêng cho đàn-bà. Đàn-bà Mĩ không có ăn không ngồi rồi, làm điếm làm đót ; đàn-bà cũng cần-mẫn siêng-năng như đàn-ông, và chuyên-chí về những việc nghĩa, việc phúc. Đàn-bà cũng có công to với nước vậy.

***

Nước Mĩ đã nghiễm-nhiên thành một dân-quốc hoàn-toàn, cái linh-tính trong nước đã cố-kết thành một mối quốc-hồn bền-chặt, từ nay tất cứ tuần-tự mãi lên. Nhân thiên-thời địa-lợi, nhân cái tình-thế riêng trong xã-hội như ta đã giải trên kia, sự tiến-hóa về đường trí-thức còn chưa được cao bằng các nước Âu-châu. Song từ nay vận nước đã vững-vàng đường kinh-tế đã quá phần dư-dụ, người Mĩ có thể chuyên-tâm về đường trí-thức cũng không phải là muộn. Nay ta xét qua sự tiến-hóa về đường trí-thức ấy như thế nào.

Kể cho đến cuối thế-kỷ thứ 18, nước Hoa-kỳ vẫn còn chưa có văn-chương học-thuật gì riêng, và đường trí-thức vẫn còn nội-thuộc các nước Âu-châu. Đó cũng là một lẽ tự-nhiên, vì xưa văn-chương học-thuật là cái của riêng của những nước cũ đã lọc-lõi lắm, đã tập-luyện nhiều đời mới thành được. Nước Mĩ mới thành nước, còn chuyên-trọng về đường kinh-tế mưu kế sinh-tồn phát-đạt, đã kịp đâu nghĩ đến văn-chương cùng học-thuật ? Còn phải chuyên về phần *xác*, tất phải nhẵng về phần *hồn*. Vả muốn thoả-mãn những sự yếu-cần về phần hồn, đã nhờ ở tôn-giáo cũng đủ, tôn-giáo vừa hàm-dưỡng tinh-tinh, vừa chỉ dạy cho cái đường ăn ở, vừa an-ủi cho những lúc nguy-nan. Chỉ một tôn-giáo cũng đủ thay cả văn-chương, triết-học, mĩ-thuật. Đã được yên-ổn về phần hồn như thế rồi, chỉ việc cực-lực mà kinh-doanh về phần xác. Dù khi nào thứ-nhân có muốn hưởng cái thú cao-thượng về văn-chương triết-lý thì sách-vở của Âu-châu đã vô-số đấy, cũng đủ tiêu-khiển trong những giờ phiền-muộn. Cho nên trong thời-kỳ cuối thế-kỷ thứ 18 đầu thế-kỷ thứ 19, tuy văn-chương đã nhớn lên, mà ngoài những sách cần dùng như sách học, sách đạo, sách chính-trị, chưa có sách gì là tuyệt-tác. Trước-danh nhất trong hồi bấy giờ thì có ông Benjamin Franklin, người Mĩ coi là nhà văn-sĩ thứ nhất trong nước ; về sau một ít thì có ông Washington Irvin, là một nhà tiểu-thuyết « hoạt-kê », nghĩa là tài giọng khôi-hài ; rồi đến ông Fenimore Cooper, khéo tả những cảnh rừng bể cùng những nhân-vật thô-lỗ mộc-mạc hồi

khai-thác. Sách chính-trị thời có một bộ có tiếng nhất, là một tập những bài thuyết-luận của mấy nhà đại-chính-trị hồi mới lập-quốc (như ông JEFFERSON, JOHN ADAMS, MADISON, PAINE, v. v.) bàn về chính-thể liên-bang, để là : *Le Fédéraliste*. Sách ấy ngày nay người Mĩ cũng còn sùng-trọng lắm, mà coi là gồm cả cái tư-tưởng chính-trị của nước Mĩ.

Qua cái thời-kỳ còn phải nội-thuộc Âu-châu về đường trí-thức ấy, đến thời-kỳ độc-lập. Những cái tinh-thần của tôn-giáo cũ chưa đủ dựng nên nền độc-lập còn phải nhờ đến ảnh-hưởng nước ngoài Bấy giờ cái siêu-hình-triết-học, cái duy-tâm-chủ-nghĩa của các nhà tư-tưởng nước Đức mới bắt đầu thâu-nhập vào đất Mĩ thực là kinh-động tinh-thần người Mĩ vô-cùng. Nhà triết-học kiêm văn-sĩ hiển-hách nhất thời bây giờ là ông EMERSON. Chủ-nghĩa của ông là lấy sự tự-nhiên, lấy cái sức thành-thực, lấy cái mối trực-giác trong lòng mà thẳng tới đứng Tuyệt-đích trong giới đất, mà thông-quán cả muôn sự muôn vật trong thế-gian. Ông nói người ta ai cũng có toàn-trí, toàn-năng, toàn-lực, không cứ ít nhiều to nhỏ, hễ biết dùng thời không gì là không làm nổi. Ông có câu rằng: « Ta đứng giữa trong không-khí, nếu trong người ta không có cái gì đương lại thì cái áp-lực của không-khí nó đè bẹp ta mất, nhưng trong người ta cũng có không-khí mà đủ chống lại. Một cái ống pha-lê mỏng thả xuống giữa sóng bể, nếu trong ống không có nước thời chịu sao được sức sóng đánh. Cho nên tạo-vật đã có sức mạnh mà công-kích ta, trong người ta cũng đủ sức mạnh mà phản-kích lại tạo-vật. » Cái sức mạnh ông nói đó tức cũng giống như trong sách nho ta gọi là cái khí *hạo-nhiên* nó sung-tắc cả giới đất, mà ở lòng người thời làm nên những bậc thánh-nhân quân-tử, hào-kiệt anh-hùng vậy. Nhưng cái đặc-sắc của ông là ông muốn cho nước Mĩ thoát-ly quyền áp-chế của văn-minh tư-tưởng Âu-châu. Trong một bài diễn-thuyết đề là « Nhà bác-sĩ nước Mĩ » đọc ngày 31 tháng 8 năm 1837 ở hội *Phi Bêta Kappa Society* ở thành Cambudge, bài đó như là cờ độc-lập của nước Mĩ về đường tinh-thần tri-thức mới phất lên, ông đã nói rằng : « Ta đã quá mê văn-chương tư-tưởng của Âu-châu lâu lắm rồi. Thiên-hạ đã khinh ta mà chê ta là không có tinh-thần, chỉ biết bắt-chước người ta mà thôi... Hỡi, anh em đồng-bào ! tôi thiết-tưởng người Mĩ ta không phải đến thế, ta nên cầu Thiên-chúa cho không phải đến bực ấy. Từ nay ta có chân ta đi, ta có tay ta làm, ta có óc ta tư-tưởng, lọ phải nhờ đến ai ! »[1] Nhời ấy xướng lên giục-giã như tiếng kèn đồng; người Mĩ từ đấy mới tỉnh-ngộ biết rằng nước mình có một cái tinh-thần riêng và cố công phát-biểu cái tinh-thần ấy ra văn-chương ra triết-lý.

Từ nay đến thời-kỳ sáng-tạo. Đồng-thời với ông EMERSON, đã có hai nhà văn-sĩ có tài : ông LONGFELOW, và ông NATHANIEL HAWTHORNE, làm cho văn-chương nước Mĩ có sinh-sắc hơn xưa nhiều. Một nhà phê-bình có tiếng bên Mĩ, ông WOODBENY, đã bình-phẩm về cái sự-nghiệp văn-chương của ba ông ấy như sau này : « Nhờ có ba ông mà cái tinh-thần nước Mĩ mới xuất-hiện ra ở đất Mĩ, mà tả những cảnh-sắc đất Mĩ, phát-biểu được sự sinh-hoạt của dân Mĩ. Tự ba ông văn-chương Mĩ mới thật là cái hình-ảnh của nước Mĩ vậy. »

Tự đây bờ-cõi trong nước càng rộng về mặt Tây thì cái phạm-vi của văn-chương lại càng khuếch-trương mãi ra. Cái tinh-cách của văn-chương cũng

(1) FIRME ROZ. — *L'idéalisme américain : Ralph Waldo Emerson* (Revue des Deux Mondes 1902)

càng tiêu-biểu rõ ra, mà tính-cách ấy thực là tính-cách chung của cả dân Mĩ. Văn-chương thực là hình-ảnh của quốc-tính. Có cái tính rõ nhất là tính « hoạt-kê » nghĩa là khéo kể truyện cho có thú-vị, khiến người nghe phải buồn cười ; nhân tính ấy mà lối văn-chương khôi-hài ở nước Mĩ thịnh lắm, nhưng cũng nhân tính ấy mà những lối cao-nhã nghiêm-trang thường hiếm có. Ngày nay các tay phê-bình Âu-châu công-nhận nhà thi-nhân Mĩ WALT WHITMAN là người biểu được rõ nhất cái tinh-thần riêng của nước Mĩ : thi văn của ông thực-thà, mạnh-mẽ, hùng mà trực, không biết những lối điêu-sức như các nhà khác, nhưng diễn-tả cái gì thời như cái thế-lực hùng-nghị vô-cùng.

Về đường triết-học, khoa-học, mĩ-thuật, thì sự tiến hóa hãy còn chậm. Nhưng hiện nay nước Mĩ đã có một nhà triết-học đại-tài là ông WILLIAM JAMES. Ông xướng ra cái chủ-nghĩa gọi là « nghiệp-vụ-chủ-nghĩa » nghĩa là chỉ trọng đường công-nghiệp, sự gì có kết-quả là sự ấy hay, không xét đến cái nguyên-lý phải hay là không. Chủ-nghĩa ấy thật cũng hợp với cái tính vụ-thực của người Mĩ. Ông có một cái lý-thuyết lạ, là cái lý-thuyết về sự cảm-động. Ông nói rằng người ta cảm-động không phải tự trong lòng mà cảm-động, thực là nhân sự cử-động ở ngoài mà thành ra cảm-động. Như ta thường nói vì ta sợ mà ta run ; thực không phải thế, chính là vì thân-thể ta run mà trong lòng ta thành ra sợ. Như thế thì có thể lấy sự cử-động ở ngoài mà ảnh-hưởng được sự cảm-động ở trong. Ta muốn được mạnh-bạo, nên làm ra bộ-dạng người mạnh-bạo, đi đứng cho hùng-dũng, nói-năng cho to-tát, lực-khắc trong người sinh ra mạnh-bạo. Bởi cái lý-thuyết ấy mà người Mĩ trọng sự thể-thao, sự vận-động như thế.

Về đường khoa-học thì có ông EDISON là một nhà chế-tạo có tài, bình-sinh ông nghĩ được đến 600 thứ máy mới. Đại-để các nhà khoa-học cũng vụ nhất là thực-nhiệp. Nước Mĩ là nước khéo lợi-dụng khoa-học được nhiều việc hơn cả các nước. Còn cái thuần-túy khoa-học thì ít người chuyên-trị.

Về đường Mĩ-thuật thời cũng có nhiều nhà họa, nhà điêu-khắc, nhà kiến-chúc có tiếng trong nước. Nhưng chưa có tay nào là tay đại-tài. Vả vẫn còn chưa thoát-ly được các lề-lối mẫu-mực của Âu-châu. Về đường này tiến-hóa còn kém hơn cả.

*
* *

Nay bàn đến sự tiến-hóa về đường chính-trị.

Ta đã nói người Mĩ không lấy sự chính-trị làm quan-trọng như các nước khác. Là vì ở nước Mĩ, các đoàn-thể đã thành-lập, đã tự-trị trong lâu năm rồi mới dựng ra quốc-gia, ra chính-phủ, khi dựng ra ấy đã hạn-chế cho một cái phạm-vi nhất-định, không thể xâm-phạm đến quyền tự-trị của các đoàn-thể, đến quyền tự-do của quốc-dân. Sự đó cũng là một sự hay, một cái hạnh-phúc cho nước Mĩ. Các nước khác chính-trị phân ra bè đảng, chỉ những tranh-cạnh nhau mà làm ngăn-trở cả việc nước. Nhiều nước coi chính-trị là một cái vạ không gì khổ bằng. Ở nước Mĩ thì chính-trị có một cái chức-phận nhất-định là thay mặt quốc-dân mà quản-trị các việc công, ngoài những việc ấy không được can-thiệp vào cuộc sinh-hoạt của quốc-dân, Người Mĩ đã quen tính tự-lập tự-chủ, khi nào có công việc to thì hợp nhau thành hội mà kinh-doanh quản-trị lấy, không cần gì phải ỷ-lại đến cái thế-lực gì. Dẫu đến ngày nay nước Hoa-kỳ đã thành một cường-quốc, có địa-vị to trong vạn-quốc, mà chính-phủ

nước Hoa-kỳ vẫn là giản-dị hơn các nước khác. Nay ta kể qua lịch-sử và và tính-cách của cái Quốc-gia Mĩ như sau này :

Một nhà bác-sĩ Mĩ đã nói rằng : « Cả chính-thể nước Mĩ tức là do cái « địa-phương-tự-trị-đoàn » đem khuếch-trương rộng ra đó mà thôi. » Lúc mới đầu, khi những người đến thực-dân đã đông-đông thời họp nhau lại mà công-cử một người để thay mặt cả dân-đoàn coi-sóc những việc công : tức là gọi là một « xã » (*townships*). Nhiều xã họp nhau lại thành từng « xứ » (*commonwealths*), cái cách tự-trị cũng như trong một xã, có nghị-hội, có người ủy-nhiệm, do dân công-cử, xứ nào xứ nấy, trong lâu năm vẫn cách-biệt nhau, rồi sau dần-dần biết sự lợi-chung mới chịu liên-kết với nhau, cũng đặt nghị-hội, cũng bầu uỷ-viên, để thay quyền cả các xứ mà quản-trị các việc công cho khắp cả mọi xứ. Nghị-hội ấy rồi thành Quốc-hội, và uỷ-viên ấy tức là Tổng-thống. Ay quốc-gia nước Mĩ thành-lập như thế, nhưng không phải nhất-đán mà được ngay như thế, phải dần-dần cho mỗi xứ hiểu ra sự ích-lợi chung, bỏ hết lòng tây riêng, rồi mới tiềm-tiệm thành được ngày nay đã nghiễm-nhiên là một quốc-gia hoàn-toàn, chẳng kém gì nước khác mà có phần lại giản-tiện hơn. Như thế thì ra nhân những tự-trị-đoàn nhỏ mà bởi cái tình-thế tự-nhiên lập thành một chính-phủ trung-ương lớn, nhưng cái chức-quyền của chính-phủ trung-ương ấy đã có hạn-định : « Năm 1787, tổng-thống Jefferson tuyên-cáo cho quốc-hội nói rằng : Cái ý tôi như thế này : thuộc về những việc ngoại-chính thì ta làm một nước, mà thuộc về những việc nội-chính thì xứ nào vẫn giữ chính-thể tự-trị của xứ ấy ; mỗi xứ là một nước nhỏ vậy ». Ấy nguyên lúc đầu chức-quyền của chính-phủ trung-ương chỉ có việc ngoại-chính mà thôi, vì các địa-phương cố giữ không cho can-thiệp đến việc nội-chính của mỗi xứ. Nhưng rồi sau nhân dị-dân sang mỗi ngày một nhiều, thời những hạng người ấy tự ngoài đến chưa thuộc vào xứ nào, tất chỉ biết có một chính-phủ trung-ương mà thôi, dần-dần cái quyền của chính-phủ trung-ương mỗi ngày một to ra, rồi sau giám-đốc được cả các chính-phủ địa-phương. Lại thêm việc ngoại-giao mỗi ngày một thịnh, cái quyền của trung-ương lại càng to hơn nữa. Ngày nay thì Tổng-thống Hoa-kỳ nghiễm-nhiên là một ông quân-chủ, chỉ khác uỷ-nhiệm có kỳ-hạn mà thôi. Trong khi tại-chức thì muốn chiến, muốn hòa, muốn xử-trí việc gì cũng được, quốc dân uỷ cho toàn-quyền. Cho nên có người đã gọi chính-thể nước Mĩ thực là một lối « tổng-thống chính-thể » (*république présidentielle*), chớ không phải là dân-chủ chính-thể nữa. Nhưng một người mà lũng-đoạn cả quyền chính-trị trong tay như thế thì có sợ lạm-dụng mà sinh ra áp-chế không ? Xét ra người Mĩ không sợ phải áp-chế như thế, mà cũng không có cái quan-niệm gì về sự áp-chế, vả xưa nay cũng không biết cái thói áp-chế là cái gì. Dân Mĩ uỷ toàn-quyền vào một tay ông tổng-thống, cũng tức như những người có cổ-phần trong một công-ti uỷ cả toàn-quyền vào tay một viên chánh hội-đồng trị-sự, vì người Mĩ lấy rằng mình đã ứng-bầu ai lên thay mặt mình thì phải để cho người ta tự-do thi-thố thì mọi việc mới chạy được : như một viên chánh hội-đồng trị-sự mà nhất-cử nhất-động phải hỏi ý các hội-viên thời việc trong công-ti hỏng mất ; miễn là đến cuối năm sổ-sách đâu đấy, tiền lãi được nhiều, thế là các hội-viên mãn-nguyện, còn việc trong hàng năm xử-trí thế nào mặc lòng. Còn như viên chánh hội-đồng kia đã có chức-trọng quyền

cao, cũng không bao giờ có cái dã-tâm muốn đánh lừa các hội-viên, vì việc là việc chung cả công-ti, mình cũng có phần vào đấy. Ấy đến việc chính-trị mà người Mĩ cũng lấy con mắt nhà buôn mà sắp đặt ; thực là tiện mà diệu thay !

Nói đến các chính-đảng thì nước Mĩ hầu như không có. Tuy cứ danh-hiệu thời có một đảng « dân-chủ » (*parti démocrate*), một đảng « cộng-hòa » (*parti républicain*), mà cứ thực-tế thời không thành ra hai đảng khác nhau nữa, chớ không những là không phản-đối nhau, vì chẳng có đảng nào là có chương-trình, có chính-kiến nhất-định. Cũng là một cái hay, vì bớt được những sự cạnh-tranh vô-ích.

Ấy cái máy chính-trị của nước Mĩ giản-tiện như thế. Nước ấy ngày nay đã vào cái thời-kỳ đi chiếm-lĩnh thuộc-địa. Cái máy chính-trị kia có thể giữ được giản-tiện như thế mãi không ? Vì đã dùng đến cái đế-quốc chủ-nghĩa thì tất phải dùng đến những chính-sách quyền-mưu. Song xem như nước Mĩ cai-trị đất Phi-luật-tân, thời chưa phải đã mất cái tính-cách thành-thực giản-tiện, mà cái tính-cách ấy thực là lợi cho người dân thuộc-địa vô-cùng.

∴

Ta đã xét xong sự tiến-hóa của nước Hoa-kỳ về đường kinh-tế, đường tri-thức, đường chính-trị. Ta đã biết cái quốc-hồn nước ấy sinh-trưởng thế nào. Ta đã rõ cái cơ thịnh-vượng của nước ấy, và biết rằng còn có cái thế bồng-bột cao-thàng hơn nữa. Nhưng một nước cường-thịnh như thế, khỏi sao có những vấn-đề nan-giải, những vấn-đề ấy chính bởi sự cường-thịnh kia mà ra. Đã hay rằng nhờ cái vận-mệnh trong nước nhờ cái nghị-lực người dân thế nào sớm trưa cũng giải quyết được, song hiện nay có kẻ ưu-thời cũng lấy mấy cái vấn-đề ấy làm mấy điều khuyết-hám to trong cuộc tiến-hóa nước Hoa-kỳ. Nay ta đã biết sự tiến-hóa kia thế nào, ta cũng nên xét qua điều khuyết-hám này làm sao

Thứ nhất là cái vấn-đề về chính-trị. Đế-quốc-chủ-nghĩa (*impérialisme*) xưa nay vẫn đi liền với Quân-quốc-chủ-nghĩa (*militarisme*). Nay nước Mĩ đã dùng đến cái đế-quốc-chủ-nghĩa, đã muốn đi chinh-đông phạt-tây mà chiếm-lĩnh thuộc-địa, thì tất phải có hải-quân mạnh, lục-quân nhiều, tất phải thành một quân-quốc như nước Đức, nước Anh, tất phải phí-tổn vào việc ấy hàng vạn triệu, tất việc nội-chính ngoại-chính nhân đó mà thay đổi nhiều, chưa biết sau này ra làm sao. Cái vấn-đề đó trước cuộc chiến-tranh này lấy làm nan-giải lắm nhưng từ khi nước Mĩ đã vào cuộc với Đồng-minh thì biết rằng cũng không khó, một nước đến cái bước cần phải có quân-lực mạnh thì dẫu trước không có nay tạo-thành ra cũng dễ. Nước Mĩ ví dù sau này thành một « quân-quốc » như nước Anh, nước Đức cũng phải là một sự lạ vậy.

Thứ nhì là cái vấn-đề về xã-hội. Một nước càng lắm người giàu tất càng nhiều người nghèo : bần-phú-bất-quân là cái tật chung của các xã-hội ngày nay, mà ở nước Mĩ lại càng hiển-nhiên lắm nữa. Người giàu vứt tiền đi không hết, kẻ nghèo cực khổ chẳng đủ ăn, càng cạnh-tranh kịch, càng xô-xát dữ, càng lắm kẻ dập-gẩy, khỏi sao thành từng đẳng-cấp xung-đột lẫn nhau, khỏi sao gây nên lắm sự nhiễu-loạn trong xã-hội ? Tuy người giàu ở nước Mĩ thường hiểu cái nghĩa-vụ đối với xã-hội, với nhân-quần, hơn bọn giàu các nước, mà hết sức ra tay cứu-tế ; song một nước to lớn như nước Mĩ, thế nào cho xuể, cho khắp được ? Vả như ta đã nói, người Mĩ vốn ham đường cạnh-tranh

mà lắm khi quên cả cái đạo nhân-từ, coi mình như ở giữa nơi chiến-trường, lấy kẻ chết kẻ bị thương là sự thường, như thế thì cái tình-cảnh bọn hạ-lưu, cái tình-cảnh của những kẻ yếu-hèn, tranh-cạnh không nên, những kẻ bị ngã, lại càng đáng thương biết bao nhiêu ? Mà bọn thượng-lưu kia thì tiền-của sẵn trong tay, tiêu dùng vô-độ, dễ sinh ra những phong-thói dâm-dật, chẳng khác gì bọn thượng-lưu các nước, mà lại có lẽ vì cái tính thô-hùng của người Mĩ lại có phần tệ hơn bọn thượng-lưu các nước nhiều. Đó cũng là một vấn-đề nan-giải cho tiền-đồ nước Mĩ vậy.

Nhưng còn cái vấn-đề nan-giải hơn nữa, là cái vấn-đề về chủng-loại. Sau trận Nam-Bắc-chiến-tranh, bao nhiêu những miêu-duệ của giống hắc-nô ngày xưa — nay tổng-số là 10 triệu người — nhất-dán được giải-phóng, được tự-do cả, và được thăng bằng-đẳng với người da trắng. Những giống da đen vốn là một giống kém hèn, dẫu hết sức giáo-dục cũng không bao giờ thành một dân có tư-cách được, chớ không những là mong dạy cho bằng được dân Mĩ. Mà ngày nay cái giống kém hèn ấy cũng được đủ quyền công-dân như người da trắng, cũng được quyền bầu-cử, quyền tham-dự quốc-chính, có đâu đủ tư-cách mà thi-hành cho chính đáng được. Lại thêm trong cách giao-tiếp người trắng với người đen, người trắng không chịu coi người đen là bằng-đẳng với mình, thường đem lòng khinh-miệt, người đen nhân đó sinh ố-kỵ người trắng, hai giống xung-đột nhau lắm khi đến lưu-huyết, nhất là ở những nước thuộc về trung-ương và về phía nam, số dân đen có nơi ngang bằng với dân trắng, có nơi nhiều hơn nữa. Vấn-đề đó mới thật là khó giải thay ! Có người Mĩ đã nói : « Cái vấn-đề này không giải-quyết được, vì cái chủng-loại cũng không giải-quyết được Người Mĩ lại còn sợ cái « hoàng-hoạ » (*péril jaune*), sợ người Tầu người Nhật di-dân sang nhiều, tranh mất lợi-quyền của quốc-dân mình, nhất là ở phía giáp Thái-bình-dương. Nhưng cái « hoàng-hoạ » có thấm vào đâu với cái « hắc-họa » ?

Đó là mấy cái vấn-đề mà nước Mĩ phải giải-quyết cho xuôi thì cuộc tiến-hóa mới thực được hoàn-toàn. Nhưng ta đã nói nước Mĩ là một nước trai-trẻ, cái nghị-lực rất mạnh, sự gian-nan, sự trở-ngại gì mà chẳng thắng-đoạt được ? Tuổi trẻ là tuổi hi-vọng ; ta nên hi-vọng cho nước Mĩ và tin ở cái khí-lực dân Mĩ có ngày giải-quyết được mấy vấn-đề kia, không đến nỗi lưu-hoạ về sau.

Có người nói chính-thể xưa nay thường quan-hệ đến quốc-vận nhiều. Nước Mĩ ngày nay sở-dĩ được phú-cường như thế, có phải là tại nước ấy theo « dân-chủ-chính-thể » không ? Ta đã giải trên kia về cái « dân-chủ-chính-thể » của nước Mĩ mà nói rằng cái chính-thể ấy là một chính-thể đặc-biệt, không giống « dân-chủ-chính-thể » của các nước. Vả cứ lấy cái gương các nước ở Nam-Mĩ, cũng theo « dân-chủ-chính-thể » mà ngày nay chính-sự nát như thế, quốc-vận suy như thế, thì đủ biết cái cơ phú-cường không phải ở chính-thể mà ra. Dám quyết là ở cái nghị-lực của người dân, và nước Hoa-Kỳ ngày nay sở-dĩ hơn các dân-quốc đồng-châu kia, là hồi đầu đã có cái hạnh-phúc được một bọn người gan-góc mạo-hiểm của một giống gan-góc mạo-hiểm trong thế-giới là giống Anh sang thực-dân trước nhất, rồi bọn đó sau thành cái chủ-não của cả dân Mĩ ngày nay. Chắc thiên-thời địa-lợi ở Nam-Mĩ cũng chẳng kém gì Bắc-Mĩ, mà khiến nên sự tiến-hóa khác nhau như giời với bể như thế, chẳng phải là chỉ bởi cái nghị-lực con người ta mà nên như thế ru ?

Ôi ! nghị-lực ! cái nghị-lực là cái chi chi, mà làm nguồn-gốc mọi sự phú-cường mọi sự ưu-thắng, mọi sự đắc-lợi ở đời này ?

Vẫn biết rằng thế-giới là một chốn cạnh-trường lớn *ưu-giả-thắng, liệt-giả bại*, là cái công-lệ của giời đất. Nhưng trong cơ ưu-thắng liệt-bại, cái ý-chí con người ta cũng có một phần to ở đấy, có người đã nói : ta muốn khỏe được khỏe, ta muốn yếu được yếu, ta muốn thua được thua, ta muốn được được được- Vận nước chỉ còn bằng sợi tóc mà cái nghị-lực người ta có thể vãn-hồi lại được. Vận nước đương vào hồi toàn-thịnh mà cái thói nhu-nhược yếu-hèn có thể làm cho nguy-vong được. Được thua là ở tự mình, đừng có trách phận cùng than giời, mà cũng đừng có ỷ-lại sức người quen thân. Ta nên nhớ cái lý-thuyết của nhà triết-học Mĩ (William James) mà biết rằng người ta muốn sao được vậy, muốn mạnh-bạo nên làm ra bộ-dạng hùng-dũng, muốn yếu-hèn cứ đeo lấy nét mặt u-sầu, thân-thể hùng-dũng tất thần-trí cương-cường, bộ-diện u-sầu tất là gan mòn óc héo. Cho hay một nước muốn sống muốn khỏe, tự-chế ngay được cái triết-học cổ-động sự khỏe sự sống, nhưng thực-hành cái triết-học ấy, chẳng đã phải có cái nghị-lực phi-thường mới được ru ?

PHẠM QUỲNH.

Cách-ngôn tây

— Sự hi-vọng làm một cái linh-hồn thứ hai cho người thất-ý.

— Khôn thật, hay là ngu thật đều không hại ; chỉ có kẻ nửa khôn nửa ngu mới là rất nguy-hiểm mà thôi.

— Phàm làm việc gì lúc sắp thành-công, thời càng bị khốn-nạn lắm.

— Chớ nên cho rằng ta biết rồi mà đã tự-túc, phải đem ứng-dụng cái sự biết ấy ra mới được. Chớ nên cho rằng ta muốn rồi mà đã tự túc, phải nên thực-hành cái điều muốn ấy ra mới được.

— Cái hay cái đẹp mình không sao tự biết được mình.

— Cái sáng của bùn-lầy thời cứ bóng mặt giời chiếu làm hơn

SONG-KIM *thuật*

VĂN-HỌC

KINH-TẾ-HỌC [1]

(Dịch sách *Kinh-tế-học-tổng-luận* của quan luật-khoa tiến-sĩ A. Touzet)

III

Kinh-tế-học quan-hệ với luân-lý và pháp-luật thế nào.

Kinh-tế-học là thuộc về hạng các môn-học « hình-nhi-thượng » [2], nên đối với những môn học cùng một hạng ấy có cái quan-hệ rất mật-thiết : như triết-học, chính-trị-học, luân lý-học, pháp-luật-học. Kinh-tế-học phải nhờ triết-học cho biết cái tâm-lý người ta, và chính-trị-học thì phải nhờ kinh-tế-học để lấy tài-liệu mà giúp cho các chính-phủ kinh-lý mọi việc trong xã-hội. Nhưng nhất là đối với luân-lý học và pháp-luật-học là kinh-tế-học mới có cái quan-hệ mật-thiết hơn cả.

Lâu nay người ta thường nhầm lẫn kinh-tế-học với pháp-luật học và luân-lý-học, kỳ-thực kinh-tế-học là biệt hẳn với hai khoa kia. Pháp-luật-học là học sự công-bằng, luân-lý-học là học sự nhân-thiện, kinh-tế-học là học sự lợi-ích. — Pháp-luật phải châm-chước những phép-tắc của kinh-tế đặt ra ; nhà làm luật phải làm thế nào cho khỏi trái với phép kinh-tế. Sự công-bằng và sự lợi-ích cũng là đồng nghĩa với nhau. Đến như kinh-tế thì cũng lại phải điều-hòa với luân-lý. Sự nhân-thiện và sự lợi-ích thường vẫn là hòa hợp với nhau. Dân nào tinh-ý chính, phong-tục thuần là dân ấy làm ăn sinh-sản thịnh-vượng.

1° Kinh-tế quan-hệ với luân-lý thế nào ? — Luân-lý và kinh-tế là hai đằng khác nhau : sự nhân-thiện và sự lợi-ích không phải là chúng nhau. Về thế-kỷ thứ 18, phái « chủ-nông » (*les Physiocrates*) thường lẫn hai sự với nhau : phái đó nói rằng phàm sự hành-vi của người ta mà hợp với lẽ thiên-nhiên của tạo-vật, thì tất-nhiên là có lợi-ích cho loài người. Ngày nay thời lại có nhà học-giả nói rằng đường kinh-tế vốn trái với đường luân-lý, dù không trái cũng là không quan-hệ gì với luân-lý. Nói thế lại là nhầm lắm nữa. Tuy kinh-tế không cần phải nhất-thiết theo các phép-tắc của luân-lý đặt ra, nhưng cũng không nên trái-ngược cái nào.

Tuy sự nhân-thiện và sự lợi-ích không phải là giống nhau mà cũng không phải là trái nhau ; thực là liên-tiếp với nhau. Sự nhân-thiện và sự lợi-ích tuy thi-hành ra phương-kế có khác nhau mà rút lại sự kết-quả cũng là một. Thí-dụ như thế này thì hiểu : luân-lý dạy nên lấy lòng nhân-từ mà cứu-tế kẻ nghèo-nàn ; nếu kinh-tế lại dung-túng những kẻ lười biếng, kẻ ăn hại thì ra kinh-tế trái với đạo nhân-từ, nhưng kỳ-thực kinh-tế cũng mưu thiết-pháp để trừ cái bần-họa (*le paupérisme*) ; lại như luân-lý cấm không được bắt kẻ thợ-thuyền làm cực-lực quá, kinh-tế cũng dạy rằng bắt thợ làm nhiều quá thì làm không được việc. Như thế thì phép-tắc của kinh-tế và phép-tắc của luân-lý không phải là trái nhau vậy. — Lại như theo phép-tắc của luân-lý thì dùng thợ phải

---

(1) Xem *Nam-Phong*, từ số 12.

(2) Kinh *Dịch* có câu : *Hình-nhi-thượng giả vi chi đạo, hình-nhi-hạ giả vi chi khí.* 形而上者謂之道，形而下者謂之器. Nghĩa là : cái gì ra ngoài hình-tượng thì gọi là đạo, cái gì ở trong hình-tượng thì thuộc về đồ dùng. Ngày nay những môn học như triết-học, chính-trị, phàm thuộc về vô-hình thì gọi là « hình-nhi-thượng ». — Tức tiếng tây là *sciences morales et philosophiques* đối với *sciences physiques et naturelles* (vật-lý, bác-vật, hoa-học, v. v.) là thuộc về « hình-nhi-hạ ».

giả công cho phải chẳng ; kinh-tế cũng dạy như vậy mà chứng ra rằng phàm thợ công càng cao thời làm càng được việc. — Luân-lý là khởi tự cái lương-tâm người ta, mà truyền cho người ta phải nên làm thế này là phải, không nên làm thế kia là trái : nhưng nếu cái mệnh-lệnh của luân-lý truyền ra mà lại trái với sự lợi-ích nhỡn-tiền của người ta, thì người ta tất không chịu theo ; cho nên kinh-tế-học lấy sự lợi-ích nhỡn-tiền mà định cái cách cư-xử của người ta, như thế thì kinh-tế không thuộc luân-lý.

2. — *Kinh-tế quan-hệ với pháp-luật thế nào ?* — Pháp-luật là cái phần luân-lý thiết-dụng, phải cần để bảo tồn cho một xã-hội vào một thời buổi nào. Kinh-tế thì đặt phương-pháp thế nào cho mọi người ở trong xã-hội khỏi phải khó-nhọc lắm mà được thỏa-mãn những sự mình cần dùng. Pháp-luật định cái cách người ta phải ở trong xã-hội thế nào : pháp-luật giám đốc việc phân-phát tài-sản, bắt mọi người phải tuân theo khế-ước, giữ cho trong xã-hội được hòa-bình. Kinh-tế thì theo sự yếu-cần thiên-nhiên của người ta mà chỉ cho nhà làm luật những phép-tắc nên thi-hành ; nhà làm luật nhân những phép-tắc ấy mà định ra luật-pháp bắt mọi người phải theo

Thí-dụ như sau này thì dủ biết. — Kinh-tế-học dạy rằng cái quyền sở-hữu riêng cho từng người (*propriété individuelle*) thì tiện-lợi cho việc sinh-sản tài-hóa và thỏa-hợp với sự yếu-cần trong xã-hội. Sự đó xét ra đã quả đúng rồi, pháp-luật bèn nhân đấy mà đặt thành luật-lệ, rồi các luật-pháp cũng khuynh-hướng cả về một dường ấy. Kinh-tế-học lại dạy rằng phàm khế-ước đặt ra có tuân theo thì sự sinh-sản tài-hóa mới tăng-tiến lên được, vì người sinh-sản mới chắc được hưởng-lợi cái công mình làm. Pháp-luật bèn nhân đó mà định rằng khế-ước đã đặt ra hai bên phải tuân theo, người nào phản-bội có tội. Lại như khi nào kinh-tế-học xướng lên rằng quyền sở-hữu phải tập-hợp lại, không nên để tán-mạn ra, thì bấy giờ trong dân-luật cũng nhân đó mà định quyền người con cả được kế-thừa cả ruộng đất của bố mẹ, để cho đất-đai khỏi phân-lìa vụn-vặt ra. Kịp đến khi kinh-tế-học lại xướng lên rằng nên hạn-chế cái quyền sở-hữu, thì bấy giờ trong dân-luật cũng lại theo mà định của gia-tài phải quân-phân cho cả các con, như thế thì ruộng đất lại phân-lìa vụn-vặt ra — Lại như khi kinh-tế-học đã xướng lên rằng trong việc buôn-bán các nhà buôn phải được tự-do tranh-cạnh nhau, thời hình-luật cũng nhân đó mà định rằng những kẻ phải ở tù mà được phép làm để kiếm tiền thêm thì cái công-việc làm ấy phải sắp đặt thế nào cho khỏi ngăn-trở quyền tự-do tranh-cạnh của các nhà buôn. — Nhưng cũng có khi luật-pháp của người ta đặt ra phản-đối với cái phép-tắc tự-nhiên : như cứ lẽ tự nhiên thì người nào cũng có quyền trao-đổi các đồ hóa-vật của mình chế ra hoặc ở trong nước hoặc ra ngoài nước theo cái giá nào là cái giá lợi nhất cho mình ; nhưng pháp-luật lại đặt ra các hạng thuế thương-chính làm sai cái cách trao-đổi các hóa-vật theo lẽ tự-nhiên.

Vậy thì học kinh tế phải kiêm cả pháp-luật, mà học pháp-luật phải kiêm cả kinh-tế mới được. Có đối-chiếu hai đằng như thế thì mới biết rằng làm luật-pháp mà chỉ lấy một cái lẽ công-bình tự-nhiên cũng chưa đủ, mà làm kinh-tế không châm-chước với lẽ công-bình cũng không xong

Tổng-luận về cái nhiệm-vụ của Quốc-gia

Nhân bàn về sự quan-hệ của kinh tế-học với luân-lý-học và pháp-luật-học tưởng cần phải nên khái-luận mấy nhời về cái nhiệm-vụ của Quốc-gia (*Etat*)

1° Cái nhiệm-vụ của Quốc-gia có phản-trái với quyền tự-do của mỗi người không ?

— Quốc-gia là cái cơ-quan hữu-hình của pháp-luật để tài-chế mọi việc. Mới xét ra thì xem như cái quyền của Quốc-gia có phản-trái với cái quyền tự-do của mỗi người. Cứ lấy lẽ kinh-tế mà xét thì người ta có quyền tự-do nghĩa là được tùy-ý muốn dùng cái nhân-thân tài-sản của mình thế nào thì dùng, không có cái gì hạn-chế, miễn là không xâm phạm đến quyền tự-do của người khác thì thôi. Nhưng mà cái người đó là « người trong kinh-tế (*homo œconomicus*) mà thôi, chớ thực thì không có. Người thực thì phải ăn ở trong xã-hội, không thể cái gì cũng tùy-ý mình được. Ta xét là chỉ có thể xét « cái người ở trong xã-hội » (*homme social*) mà thôi. Vả tuy người ta bề ngoài phải theo sự yếu-cần về phần vật-chất, mà ở trong vẫn giữ được cái tư-tưởng tự-do.

Phải làm thế nào mà điều-hòa được hai đằng : một bên là cái quyền tự-do của mỗi người, một bên là cái quyền của Quốc-gia được can-thiệp vào việc người ta. Người ta dẫu có quyền tự-do thì cái quyền ấy cũng là có hạn-định mà thôi : mình thi-hành quyền tự-do của mình không được ngăn-trở đến người láng diềng kia cũng thi-hành quyền tự-do của người ta ; quyền tự-do ấy như giam trong một cái phạm-vi không thể vượt qua được. Quốc-gia cần phải can-thiệp vào để vừa giữ cho quyền lợi của mỗi người, vừa giữ cho quyền lợi của xã-hội. Bấy nhiêu cái quyền-lợi thường phản-trái nhau, nên phải có một cái sức mạnh cao hơn để điều-hòa hết thảy cho khỏi sinh ra xung-đột nhau.

Hồi các xã-hội mới thành thì cái quyền tài-chế ấy là thuộc về các đoàn-thể tự-trị nhỏ, như ở nước La-mã ngày xưa là các « tộc-đoàn » (*familia, gens*), ở nước Nam ta là các « xã-đoàn » (hàng xã). Rồi sau việc giao-tế trong xã-hội mỗi ngày một rộng ra, và các đoàn-thể nhỏ lúc bắn đầu cũng tan dần đi nên quyền tài-chế ấy phải thu về một đoàn-thể vừa to hơn vừa rộng hơn, tức là Quốc-gia (*Etat*) vậy.

2o *Quốc gia là gì và Quốc-gia có những quyền-chức gì ?* — Quốc-gia là một cái cơ-quan chỉ-huy chung dùng võ-lực và tô-thuế để bắt mỗi người phải giúp vào xã-hội cho được bảo-toàn, cho được phát đạt (1 .

Chức-quyền của quốc-gia thì rất rộng, thường chia ra ba hạng : quyền lập-pháp (*pouvoir législatif*), quyền hành-chính (*pouvoir exécutif*) và quyền tư-pháp (*pouvoir judiciaire*). Thi-hành những quyền ấy thì hoặc do những người đại-biểu của dân, hoặc do những người ủy-nhiệm của quyền trung-ương. Những quyền ấy phát-biểu ra thành mệnh-lệnh, có thể lấy võ-lực mà bắt thi-hành được.

Nước Pháp là một Quốc-gia có hoàn-toàn cả các quyền tự-chủ. Đông-dương thì không phải là một quốc-gia, tức là một cái « danh-hiệu về địa-dư » (*expression géographique*), gồm những đất « thuộc-địa » (*colonies*) là Nam-kỳ, Ai-lao, những đất « bảo-hộ » (*protectorats*) là Cao-man, Trung-kỳ, Thượng-lào (Luang-Prabang), một đất « tòng-nghiêm bảo-hộ » *protectorat-colonie*), là Bắc-kỳ (lối « tòng-nghiêm bảo-hộ » ấy không có định trong vạn-quốc công-pháp), một đất « tô-địa » (*territoire à bail*) là Quảng-châu-loan. Nhưng không phải là cái « danh-hiệu về địa-dư » ấy không có ngày thành một cái « hiện-thể về chính-trị » (*réalité politique*), mà xuất-hiện ra hoặc một Quốc-gia liên-hợp cả các xứ làm một (*Etat fédéral*), hoặc một hội liên-hợp mấy Quốc-gia khác nhau (*fédération d'Etats*), đặt dưới chủ-quyền nước Pháp.

(1) « On appelle Etat un organe collectif de commandement imposant à l'aide de la force et de l'impôt la contribution de l'individu à la conservation et au développement de la société

Hiện nay thì quyền Quốc-gia ở Đông-dương này là thuộc quan Toàn-quyền được gồm cả và được thi-hành

Ở những xã-hội cổ, Quốc-gia hãy còn đơn-sơ lắm. Ba quyền lập-pháp, hành-chính và tư-pháp gồm cả làm một và trước nhất thuộc về « tộc-đoàn » (*famille*), rồi đến « phiên-đoàn » (*clan*), rồi đến « xã-đoàn » (*commune*), rồi đến « nghiệp-đoàn » (*corporation*).

Ở nước La-mã đời xưa, quyền lập-pháp không thuộc Quốc-gia, tri-dân toàn theo tục-lệ, dân có quyền lập-pháp lấy. Nhưng ít khi họp thành hội công-đồng để đặt ra một cái luật mới. Quyền tư pháp cũng do người thường-dân được thi-hành : hai bên tranh-tụng bầu một người giữa để phân-xử, ấy việc hình-an khởi-điểm chỉ có thế thôi

Quyền hành-chính hồi đầu cũng thuộc những đoàn thể nhỏ như « tộc-đoàn », v.v. Ở La-mã thì đến quyền dụng-binh cũng giao cho « tộc-đoàn ». Ở Tây-ban-nha thì xưa có một cái hội (gọi là *Santa-Hermandad*) chuyên coi về việc cảnh-sát và trừng-trị những kẻ trộm cướp. Ở nước Pháp ngày xưa đã có lần trong một trăm năm các « xã-đoàn » được quyền nuôi binh-lính, thành từng quân-đội. Về đời Phong-kiến người dân phải làm lính cho chúa, và thuế nộp bằng lính. Ở sự sinh-sản tài-hóa ở La-mã do người trưởng-tộc qui-định, ở nước Pháp thì do ông chúa. Nói rút lại thì đời xưa chưa đâu có Quốc-gia. Quốc-gia là một cái thể mới thành về Cận-đại này. Ngay như ngày nay ở nước Mĩ, quyền cảnh-sát vẫn còn thuộc người tư-dân đó cũng là một cái di tục của đời xưa vậy.

(Kỳ sau xét về Quốc gia thành lập thế nào và có những phân-sự gì)

PH. Q.

NAM-ÂM THI VĂN KHAO BIỆN

Nghề thơ rất khó, tôi đâu dám ban thơ. Nhưng trước tôi có theo cách thức làm thơ của các bậc tiền-bối dạy bảo, mà lược biên ra quyển : *Cổ-xúy nguyên-âm* [1], trước là để ghi-giữ lại những phiến-văn chích-tự của các bậc tiền-bối ; sau nữa cũng mong lối văn-chương quốc-âm ta trông theo bậc tiền-bối mà mỗi ngày một tiến-bộ lên. Vậy nay tôi lục thấy ở tập *Tạp-ký* của cụ LÝ VĂN-PHỨC và sưu-tập những câu truyền-tụng, mà biên ra mục này, cũng có lạm phẩm-bình phán-đoán một đôi nhời, và có lược kê-cứu lịch-sử các cụ, để cho biết các bậc tiền-bối nước ta cũng nhiều cụ hay thơ nôm, hoặc hay về cách ứng-khẩu tự-nhiên, hoặc hay về cách văn-từ điêu-luyện ; cũng có cụ kiêm cả hai cách mà đều hay, như cụ ÔN NHƯ tiên-sinh ở về đời Lê, lối thơ nào cụ cũng hay cả, truyền lại có mấy bài sau này :

I

Khi cụ sai tên Cam đi ra tây-hiên hái hoa và lấy các thức đồ-vật, có đọc bài rằng :

Cam tốc ra thăm gốc hải-đường,
Hái hoa về để kết làm tràng.
Những cành mới nhánh [2] *đừng vin nặng*
Mấy đóa còn xanh chớ bứt quàng.
Với lại tây-hiên tìm liễn xa,
Rồi sang đông-viện lấy bình-hương.
Mà về cho chong đừng thơ-thẩn,
Kéo lại rằng chưa dặn kỹ-càng.

Lại có khi cụ ra xem cảnh vườn, thấy những khóm gừng khóm tỏi, bị mưa gió tôi-tan, cụ có đọc mấy câu ngũ-ngôn tứ-tuyệt, cảm-khái rằng :

---

(1) Quyển này bán ở hiệu Đông-kinh Ấn quán số 16 hàng Bông Hà-nội. Bản chi chú bút Phạm tiên-sinh đã phẩm bình ở mục văn-học kỳ thứ năm.

(2) Cũng như là mới nẩy ra.

Lép-nhép vài hàng tỏi,
Lơ-thơ mấy luống khương.
Vẻ chi tèo-teo cảnh,
Thế mà cũng tang-thương.

Hai bài thơ trên này đều là lối ứng-khẩu tự-nhiên, đọc chuốt một hơi không vướng-vấp một chữ nào. Bài thất-ngôn trên thì cực kỳ bình-đạm ; bài ngũ-ngôn dưới thì vô-hạn cảm-khái, đều là hay cả.

Cụ lại còn những câu thơ đặt điêu-luyện từng chữ, như là câu vịnh *ngũ-canh* rằng :

Dế gọi người nằm thiên-cổ dậy,
Sương trùm cảnh đứng tứ-canh đi.

Câu *niệu-nội* : (1)

Đập cồ-kính ra tìm lấy bóng.
Xếp tàn-y lại để dành hơi. (2)

Câu *vịnh-cảnh* :

Đưa lọt kẽ mành khuôn gió dẹp,
Luồn qua cửa sổ nếp giăng vuông.

Cũng giống như câu truyền-tụng rằng :

Gió dựa tường ngang lưng gió thẳng,
Giăng dòm cửa sổ mặt giăng vuông.

Đó đều là những câu khắc-hoạch từng chữ, mà ý-tứ lại cao-kỳ lắm.

Cụ lại có bài gửi cho tình-nhân rằng :

Khạc chẳng ra cho nuốt chẳng vào,
Miếng tình nghẹn mãi biết làm sao.
Muốn kêu một tiếng cho to lắm,
Rằng ối ai ôi khốn thế nào !

Bài này kiêm cả hai cách : vừa tự-nhiên mà vừa điêu-luyện, lối thơ đủ giọng như thế mới thực là hay.

Tiếc thay lịch-sử cụ khảo-cứu chưa được rõ, chỉ thấy truyền rằng bản *Cung-oán ngâm-khúc* cũng là của cụ làm ra, mà đề là « Ôn-như hầu 溫如侯 ». Nhưng cứ xét như tập *Tạp-ký* của cụ Lý Văn-Phức chép những bài thơ của cụ thì đều xưng là « Ôn-như tiên-sinh 溫如先生 », thế thì hai chữ « Ôn-như » thiết-tưởng là biệ.-hiệu của cụ, chớ vị tất đã phải là tước hầu. Chỉ vì thói ta hay kiêng tên mà đề hiệu, cho nên những văn thơ của các bậc tiền-bối, thường có khi không xét ra đích-thực là của cụ nào làm ra.

Lại xét bài tựa của ông Cao Chu-thần 高周臣, đề ở truyện *Hoa-tiên* có câu rằng : « Ôn-như cổ cận, qui-mô Thiếu-lăng ; Bằng-quận cung-từ, trì sậu Hán Ngụy. 溫如古近。規模少陵。鵬郡宮詞。馳驟漢魏 ». Nghĩa là khen cụ Ôn-như làm lối thơ nôm cổ-thể (3) hay là cận-thể (4) qui-mô phép-tắc cũng chẳng kém gì thơ ông Đỗ Thiếu-lăng 杜少陵 (Đỗ-Phủ 杜甫), có tiếng ở đời nhà Đường. Mà bài cung-từ của Bằng-quận-công (Nguyễn Hữu-Chỉnh 阮有整), từ-điệu cũng đua ganh bằng giọng văn Hán, Ngụy đời lục-triều bên Tàu.

Xem đó thì Bằng-quận-công cùng với Ôn-như tiên-sinh đều là bậc tài văn thơ nôm ở về đời cuối Lê, mà cụ Ôn-như lại là bậc có danh tiếng ở trong nghề quốc-âm thi-xã, mong rằng các ngài có xét rõ được lịch-sử của cụ thì bảo cho.

II

Thơ cũng có thể xem khẩu-khí mà nghiệm được sự-nghiệp về sau. Nguyễn Hữu-Chỉnh người làng Chân-lộc xứ Nghệ Khi mới lên 9 tuổi, đến bái-niên ông thầy học, thầy cho một tràng pháo bảo thử vịnh bài thơ. Chỉnh ứng-khẩu đọc rằng :

Xác không vốn những cậy tay người,
Khôn khéo làm sao đốt cũng rời.

---

(1) Là khóc vợ.

(2) Hai câu này cứ theo như Tạp-ký của cụ Lý Văn-Phức, thì là của cụ Ôn như hầu chớ không phải của đức Dực-tôn. Lại có người đọc ra thế này : « Chắp mảnh gương tàu tìm lấy bóng, gói phong hương hà để dành hơi. » Ý tứ cũng cao kỳ.

(3) Cổ-thể 古體 là lối thơ trường-thiên không đối.

(4) Cận-thể 近體 là lối thơ luật-thi chỉnh-đối.

Kêu lắm lại càng tan tác[1] *lắm,*
Thế nào cũng một tiếng mà thôi.

Thấy nghe đọc bài thơ, ngạc-nhiên, nói với người ta rằng : « Sự-nghiệp thằng bé này về sau không biết đâu mà lượng được, nhưng sau này loạn thiên-hạ tất là thằng bé này ! » Đến khi 16 tuổi, đỗ hương-cống [2] khoa văn, 18 tuổi, đỗ tam-tràng khoa-võ, có tiếng hay văn nôm, tự hiệu là Bằng-lĩnh hầu 鵬嶺侯, muốn làm sự-nghiệp như Quách Tử-Nghi đời nhà Đường, có làm bài phú *Quách Lịnh-công* bằng quốc-âm để tự-tỉ. Sau Chỉnh theo làm môn-khách quận Việp là Hoàng Ngũ-Phúc, sau lại theo quận Huy là Hoàng Đình-Bảo, phù-lập chúa Cán. Quận Huy sau bị quân Tam-phủ giết, chúa Cán bị phế. Chỉnh khi ấy giữ quân thủy phòng ngự ở mặt bể xứ Nghệ, nghe tin quận Huy chết, sợ tai vạ đến mình, bèn vượt bể trốn vào Quảng-nam, bày mưu thiết-kế cho anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ. Năm *bính-ngọ* thời Lê Cảnh-hưng (1786), Chỉnh xui Huệ đem quân *Tây-sơn ra lấy Bắc-hà*, phù Lê diệt Trịnh.

Nhưng Huệ vẫn ghét Chỉnh cậy tài. Khi kéo quân về, bỏ Chỉnh ở lại, Chỉnh theo kịp, Huệ cho Chỉnh ở lại Nghệ-an. Khi ấy ngoài Bắc-hà đảng Trịnh lại nổi lên, vua Lê Chiêu-thống lại triệu Chỉnh ra giúp, phá tan đảng Trịnh, được phong-tước Bằng quận-công 鵬郡公, cầm binh-quyền, giữ quốc-chính, sự-nghiệp lừng-lẫy. Nguyễn-Huệ nghe tin cho gọi về, Chỉnh thoái-thác không về, Huệ liền đem quân ra đuổi bắt được Chỉnh ở núi Tam-tằng (Bắc-ninh), điệu về phanh thây giết chết. Đến bây giờ đọc bài thơ vịnh pháo của ông ấy, thì ai cũng cho là thi-sấm.

III

Thơ cũng có lối nói nửa nhời, dẫu hết câu rồi mà nghĩa vẫn hãy còn chửa hết, như bài truyền tụng sau này :

Thác bức rèm châu chợt thấy mà...!
Chẳng hay người ngọc có hay đà...
Nét thu rợn sóng hình như thể...,
Cung nguyệt quang mây nhác ngỡ là...!
Khuôn-khổ ra chiều người ở chốn...,
Nết-na xem phải thói con nhà...
Dở-dang nhắn gửi xin thời hãy...,
Tình ngắn tình dài chút nữa ta...!

Bài này thì rõ tả ra người con gái nhà sang trọng, sắc đẹp mà lại có nết-na. Nhưng trong tám câu nào câu thơ cũng chưa nói rứt nhời, thực là một cách thơ mới, mà từ-điệu cũng êm-ái.

IV

Xưa có người mới làm đến Lại-mục huyện, mà tính hay bắc-bậc kiêu-kỳ, hễ bạn-hữu đến thăm, thì dặn người nhà nói thoái-thác rằng : « Ngài còn ngơi ». Một hôm cụ đề ngủ ngày có người cố-hữu tự phương xa đến hỏi thăm. Người nhà không đám đánh thức, bảo rằng : « *Cụ tôi còn ngơi* ». Cố-hữu từ ra về, mà để lại câu thơ rằng :

Một buổi hầu rồi một buổi ngơi,
Nào còn nhớ chữ « viễn-phương-lai ».
Ấy sang chừng ấy ngơi chừng ấy,
Sang nữa thời ngơi biết mấy đời.

Bài này giọng thơ cũng nhất-khí, mà nhời nhẽ mát-mẻ, giá cụ đề kiêu-kỳ ấy lúc thức giấc mà ngó thấy mấy câu thơ này, cũng phải bừng con mắt mà ngồi choàng dậy !

V

Trong bài thơ có tám câu mà phần câu trạng (3-4) có 14 chữ, vậy thì thích-thực làm sao cho hết được nghĩa dẫu đề, thực là khó. Xưa có người thích câu ngạn-ngữ : « Bán hàng giấu miếng, mà nuôi thợ kèn », câu trạng rằng :

Cóp-nhặt mấy đồng mới bỏm-bẻm[3],
Nưng-niu một miệng lưỡi te-tỏ.

(1) Tác có bản là chữ Xác.
(2) Người ta thường gọi là Công Chỉnh.
(3) Tục ngữ : *Bỏm bẻm nhai giẫu, khủng khẳng ho*

Câu thích-thực ấy cũng đã khéo mà gọn, chỉ chừng ấy chữ mà hết được cả nghĩa đầu đề.

Lại tục-truyền xưa có người học trò thi đỗ cao, khi về vinh-qui linh-đình. Anh em bạn lấy làm tức, mà nói rằng : « Cóc chết mà có minh-tinh, thất-nghiệp nằm đình có trống cầm canh ». Rồi bắt người ấy phải thích-thực được hai câu ấy, thì mới chịu là học giỏi. Người ấy đọc ứng-khẩu :

Cung thiềm (1) *lần bóng danh cao lắt,*
Mảnh chiếu ơn vua trống điểm thùng.

Anh em bạn bấy giờ mới lắc đầu chịu là học giỏi, đã không thiếu nghĩa đầu đề, mà lại có nghĩa bóng rằng mình nhờ ơn chiếu-chỉ nhà vua mà được đỗ cao, thơ như thế là có khẩu-khí tài giỏi.

VI

Lại còn lối trong một câu nôm có cả tiếng chữ mà nghĩa vẫn là nôm, như câu :

Con rể nết-na xem tử-tế,
Ông chồng cay-đắng kể công-phu.

Đó là mượn chữ « tử-tế 子 婿 » mà nghĩa lại là con rể ; đối với chữ « công; phu 工 夫 » (2) mà nghĩa lại là ông chồng. tuy đối chưa được chỉnh lắm, nhưng mượn tiếng chữ mà đối được như thế, cũng đã khéo.

Xưa có ông quan Thừa-ty 承 司 ít học mà tính hay tham. Một hôm có người học trò làng Thạch-lỗi 石 磊 vào sát-hạch, có ý ngông nghênh ngạo-nghễ. Ông quan mới ra cho câu rằng :

Lỗi 磊 *kia đã trọng bằng ba* thạch 石,

Người học trò ứng-khẩu rằng :

Ti 司 *nọ xem khinh đáng nửa* đồng 銅.

Bởi vì chữ *đồng* 銅 cũng đồng âm với chữ *đồng* 同, bỏ một nét sổ đi là chữ *ty* 司 ; đối với ba chữ *thạch* 石 là chữ *lỗi* 磊, chữ đối cũng chỉnh, mà ý lại khẳng-khái, sau người học-trò ấy quả-nhiên cũng làm nên.

Lại có một người trước làm Lại-ty, sau thăng Kinh-lịch, rồi lại phải giáng làm Lại-ty. có ngâm câu rằng :

Bởi hay về lắm nên xoăn sợi,
Hà vụng xoe ru phải lộn vòng.

Bởi vì chữ ty 司 cũng đồng-âm với chữ ty 絲, nghĩa là tơ, nên mới nói ví truyện vò tơ xe sợi mà tả tình-cảnh mình phải giáng làm Lại-ty, ý-tứ cũng công-sảo.

Có ông tự-thọ bốn mươi tuổi ngâm câu :

Nghe nhời « bất-hoặc » 不 惑 chừng long
[ráy, (3)
Thấy chữ « vô-văn » 無 聞 dáng hổ
[ngươi. (4)

Hai câu này dụng điển tứ-thập tự-thọ, thực là đích-đáng. mà mượn tiếng *long* đối với *hổ* thực tài.

VII

Thơ có cách muốn đọc ngược hay đọc xuôi cũng được, gọi là cách *hồi-văn*, như bài vịnh cúc sau này :

Thanh thu cảnh chiếm thú đình-viên,
Cúc não người thay vẻ lạ nhìn.
Mảnh lọt gió đưa hương nức cửa,
Trạo kề giăng dãi ngọc lồng hiên.
Cành phô gấm dệt hoa cao thấp,
Đóa dãi vàng thưa nụ dưới trên.
Tình khách nức xôn đào với mận,
Xinh xinh sắc cúc đặm-đà duyên.

Đó là lối hồi-văn, nếu đọc ngược cả lên thì đổi ra những vần sau này : *xinh, tinh,*

---

(1) Thiềm là con cóc, cung thiềm là cung giăng. Người thi đỗ cũng ví như lên cung giăng bẻ quế.

(2) Công 工 chính nghĩa là chữ công 公 này mới đúng nghĩa.

(3-4) *Luận ngữ* có câu : Tứ thập nhi bất hoặc 四 十 而 不 惑. Lại có câu : Tứ thập nhi vô văn yên 四 十 而 無 聞 焉.

cảnh, mành, thanh, mà nghĩa cũng hay. câu đọc cũng êm-ái.

VIII

Xưa có quan Giáo làm trên Thượng-du, ít học-trò học, nhân vịnh bài tức cảnh :

Bốn bề nhà giáo vắng teo-teo,
Quan Giáo ăn xong lại ngủ khoèo.
Một mụ vú già đi sốc-sếch.
Hai thằng linh xác bước leo-kheo.
Khách vào đãi rượu bầu hôi-rích,
Quan tới pha trà ấm mốc-meo.
Bà Giáo xin về buôn-bán đỡ,
Bao giờ phủ huyện lại xin theo.

Bài này nhiều vần ái-oăm, rõ tả ra một cảnh dinh quan Giáo cồ, vắng ngắt như chùa bà Đanh. Câu kết lại tả được chân-tình của bà Giáo rất là lý-thú.

IX

Lối thơ hạn-vận, có khi hạn vần hiểm quá, phi tài cấu-tứ không thể hạ nổi, như thơ *voi* mà hạn vần *gà*, thơ *chuông* mà hạn vần *uông* thì hạ sao cho được. Truyền rằng ông Nguyễn Quỳnh (đỗ Cống-sinh đời Lê, ta thường gọi là *Trạng Quỳnh*) có đáp lại câu thơ voi rằng :

Boong boong cồng đánh tiếng xa xa,
Chẳng phải voi, xin cuộc một gà.

Câu thơ chuông rằng :

Một đàn trẻ ngọng rủ xem chuông,
Cùng bảo nhau rằng ấy « ái uông ».

Đó dẫu là văn-chương du-hí, nhưng cấu-tứ mà hạ được cho trôi vần, thì cũng là tài.

Truyền rằng ngày xưa có hai người chè rượu say-sưa, một người đọc mấy câu để tả cái chân-tướng say rằng :

Sống ở nhân-gian đánh chén cay,
Trăm năm ngày thác giữ be đầy.
Diêm-vương phán hỏi rằng ai đó ?
..... Say ! (1)

Người kia nói : Đó mới tả được cái ý say mà thôi, chứ chưa thực là say lắm », bèn đọc :

Sống ở nhân-gian đánh chén khè,
Trăm năm ngày thác giữ dầy be.
Diêm-vương phán hỏi rằng ai đó ?
..... Nhè ! (2)

Lại còn bài ngũ-ngôn rằng :

Cứ nghĩ mình rằng ngắn,
Ai ngờ cũng dài đườn.
Thế lại còn chê chạch...
..... Lươn !

Đó là lối thơ *yết-hậu*, câu sau cũng chỉ có một chữ vần mà thôi. Dẫu rằng nhời thơ hơi tục, nhưng cũng lý thú buồn cười

(Còn nữa)

Đông-châu Nguyễn Hữu-Tiến

(1-2) Hai bài thơ này ở quyển *Cổ-xúy nguyên-âm* chép hơi khác.

TRIẾT-HỌC

TRIẾT-HỌC NƯỚC PHÁP [1]

VI

Ta đã kể lượt qua các nhà triết-học Pháp, cốt biểu lấy cái phần mới lạ trong học-thuyết của mỗi nhà, để biết các nhà ấy đã giúp cho cái công tư-tưởng của thế-giới được những gì. Nay ta thử xét xem các nhà ấy có những tính-cách gì giống nhau, những tính-cách ấy gồm lại mà làm ra cái đặc-sắc của triết-học nước Pháp vậy.

Cái tính-cách rõ-ràng hơn cả là khi ta đọc sách-vở của các nhà ấy thấy nhời văn thực là giản-dị. Trừ về nửa sau thế-kỷ thứ 19, trong một khoảng 20, 30 năm, có mấy nhà triết-học chịu ảnh-hưởng ở ngoài, dùng một lối văn kỳ-khu trắc-trở, thực là trái với cái tính sáng-sủa quốc-văn, — còn thì suốt triết-học nước Pháp từ xưa đến nay vẫn lấy một điều này làm tôn-chỉ ; là không có một cái tư-tưởng về triết-học nào, dù sâu-sắc, dù huyền-diệu đến đâu mà lại không thể đem ra diễn bằng nhời nói của mọi người được. Các nhà triết-học Pháp không phải là chỉ làm sách cho một bọn chuyên-môn xem ; thực là muốn nói cho cả nhân-loại nghe vậy. Muốn thấu được hết cái tư-tưởng sâu-sắc của các nhà ấy, thì phải là người triết-học, người bác-học mới được ; nhưng muốn đọc được những sách chính của các nhà ấy để lấy bổ-ích cho sự tư-tưởng riêng của mình, thì phàm người nào đã có học-thức là cũng có thể hiểu được. Khi các nhà ấy phải cần đến những lối văn mới để diễn cái tư-tưởng mới, thì không như ở các nước khác đặt ra những danh-từ riêng, — sự đặt tiếng mới ấy thường chỉ là dùng những tiếng còn sốc-nổi chưa luyện để chỉ những tư-tưởng còn mập-mờ chưa rõ [2] —, nhưng lấy những tiếng thường-dùng mà khéo sếp-đặt lại thành ra nghĩa mới, mới có thể diễn được những tư-tưởng rất huyền-diệu mà rất sâu-sắc. Bởi thế mà những nhà triết-học như ông Descartes, ông Pascal, ông Rousseau — ấy là chỉ kể có mấy nhà ấy thôi —, dù nghiên-cứu về cái lý-tưởng (ông Descartes), hay dù nghiên-cứu về cái cảm tình (ông Pascal, ông Rousseau), thực là đã có công to với quốc-văn giúp cho tiếng Pháp được thêm mạnh-mẽ, thêm mền-mại ra. Vì rằng trong trí mình có cái tư-tưởng gì tất phải phân-tách nó ra cực tinh-vi thì mới có thể diễn nó ra bằng nhời thường được. Cái nhà triết-học Pháp, kẻ ít người nhiều đều là có cái tư-cách riêng biết phân-tách cái tư-tưởng như thế cả.

Cái tư-cách ấy cũng tức là một cái đặc-tính của triết-học Phát từ xưa đến nay vậy.

Những nhời văn mới là cái hình-thể ở ngoài, nay xét đến cái cốt thực ở trong thì thấy triết-học Pháp còn có những đặc-tính như sau này :

Trước hết triết-học Pháp bao giờ cũng có quan-hệ một cách rất mật-thiết với các khoa-học thực-nghiệm,

(1) Xem *Nam-Phong* số 13, trang 24-26.

(2) Văn quốc-ngữ ta cũng không tránh khỏi cái tật ấy. Người dịch bài này cũng hiểu nhẽ đó lắm, nhưng quốc-văn ta xưa nay chưa có, chẳng phải sáng-tạo ra những chữ, những câu, những nhời mới thì đủ dùng sao được.

ở các nước khác thì thảng-hoặc có nhà triết-học kiêm bác-học, hay nhà bác-học kiêm triết-học : nhưng những người như thế, thực là ít có, họa may mới có một đôi người, như ở nước Đức tuy có được một ông LEIBNIZ vừa là nhà đại triết-học vừa là nhà số-học có tài, nhưng xét ra sự tiến-hóa của triết-học nước Đức trong khoảng nửa đầu thế-kỷ thứ 19 thực là không có quan-hệ gì đến các môn-học thực-nghiệm cả. Triết-học nước Pháp thì không thế ; ở nước Pháp, triết-học với khoa-học vẫn là liên-tiếp với nhau, nương-tựa lẫn nhau. Như trong các học - thuyết của ông DESCARTES, phần triết-học với phần số-học thực đã hóa-hợp với nhau, khó biện được rằng cái kỷ-hà-học của ông là bởi cái siêu-hình-học của ông mà ra, hay là cái siêu-hình-học của ông bởi cái kỷ-hà-học của ông mà ra. Ông PASCAL thì nguyên là một nhà số-học tuyệt-luân, một nhà lý-học đại-tài, rồi mới thành một nhà triết-học sâu-sắc. Triết-học Pháp về thế-kỷ thứ 18 phần nhiều là trong vòng những nhà số-học, bác-vật-học, y-học (như ông D'ALEMBERT, LA METTRIE, BONNET, CABANIS, v. v.). Về thế-kỷ thứ 19, mấy nhà đại-tư-tưởng như AUGUSTES COMTE, COURNOT, RENOUVIER, v. v., cũng là xuất-thân số-học rồi mới đến triết-học. Ông HENRI POINCARÉ thì thực là một tay số-học tuyệt-luân. Lại ông CLAUDE BERNARD đã dựng ra cái triết-học về phép thực-nghiệm thực là người sáng-lập ra khoa sinh-lý-học. Đến những nhà triết-học Pháp trong thế-kỷ mới rồi chỉ chuyên quan-sát trong nội-tâm người ta, cũng thấy thường tham-bác đến các khoa thực-học khác, như sinh-lý-học thần-kinh bệnh-học v. v., để nghiệm rằng không phải mình học những sự huyền-ảo không thực. Ông MAINE DE BIRAN là người khởi-xướng ra cái phép nội-quan cũng đã thấy chuộng thực-học như thế. Nói rút lại thì ở nước Pháp triết-học với khoa-học thực là liên-tiếp với nhau, sự đó là một sự thường từ xưa đến nay ; tức là một tính-cách riêng của triết-học Pháp vậy.

Còn một tính-cách nữa tuy không phải là riêng cho triết-học nước Pháp, nhưng rõ-ràng hiển-nhiên hơn ở các nước là cái tính chuộng tâm-lý học, chuộng sự quan-sát về nội-tâm. Chắc là một tính ấy cũng chưa đủ giải được cái học-thống của nước Pháp, vì cái tư-cách biết tự cứu-xét trong tâm-tính mình, mà nhân cứu-xét được tâm-tính kẻ khác, thì người Anh người Mĩ cũng có bằng người Pháp. mà đem so với các nhà triết-học Đức thì xét ra các nhà ấy, dù những nhà đại-danh nữa (như LEIBNIZ, KANT), cũng chưa từng thấy có tư-cách riêng về tâm-lý-học, họa là chỉ trừ một ông SCHOPENHAUER là nhà siêu-hình-học có kiêm tâm-lý-học mà thôi. Đến như các nhà triết-học Pháp thì không có một nhà đại-danh nào là không thông-tỏ cái tâm-lý của người ta. Chẳng cần phải nói ai cũng biết trong sách ông DESCARTES, ông MALEBRANCHE có những đoạn nghiên-cứu về tâm-lý rất tinh-vi, sen lẫn với những đoạn thuyết-lý về siêu-hình-học. Lại xem như ông PASCAL, dù khi ông nghiên-cứu về vật-lý-học, số học, triết-học, hay dù khi ông quan-sát đến những nơi u-ẩm trong tâm-tính người ta, cũng là sáng-suốt mà sâu-sắc cả. Ông CONDILAC thì vừa là nhà luận-lý-học, vừa là nhà tâm-lý-học. Đến những nhà như ông ROUSSEAU, ông MAINE DE BIRAN thì đã vào những bậc khai đường mở lối mới cho cái phép nội-quan rồi. Trong suốt thế-kỷ thứ 17, thứ 18, cái công của triết-học nước Pháp cứu-xét về nội-tâm người ta, thực là mở đường sẵn cho các môn tâm-lý-học thực-nghiệm của thế-kỷ thứ 19 về sau này. Đến thế-kỷ ấy nữa, những nhà đã có công gây-dựng

ra các môn học ấy cũng là những người Pháp cả (như ông MOREAU DE TOURS, ông CHARCOT, ông RIBOT). Vả cái phương-pháp của các nhà ấy — nhờ phương-pháp ấy tâm-lý-học đời nay mới phát-minh được nhiều điều quan-trọng — cũng là do phép nội-quan suy rộng ra mà thôi. Vì phàm học tâm-lý bao giờ cũng phải dùng đến cái « ý-thức » (conscience), là cái sức tự biết của người ta, nhưng tâm-lý-học ngày nay khác ngày xưa là không những xét người ta khi bình-thường mạnh-khỏe, mà xét cả trong khi bệnh-trọng nữa, để biết cái tâm-lý lúc biến lúc thường thế nào.

Đó là hai cái đặc-tính chính nhất của triết-học nước Pháp vậy.

Hai cái điều-hòa với nhau mà gây cho triết-học Pháp một cái hình-dung riêng. Nhờ có cái đặc-tính ấy mà triết-học Pháp vừa thu được cái chân-tướng ở ngoài là cái chân-tướng của nhà vật-lý-học, vừa thu được cái chân-tướng ở trong là cái chân-tướng của nhà tâm-lý-học. Cũng bởi đó mà triết-học Pháp không ưa kết-cấu tư-tưởng thành « thuyết-hệ » lấy cái độc-đoán-chủ-nghĩa cùng cái kiểm-điểm-chủ-nghĩa của triết-học Đức là những chủ-nghĩa quá-đáng cả. Không phải rằng người Pháp không có tài kết-cấu giỏi. Nhưng các nhà triết-học Pháp hình như tự nghĩ trong bụng rằng dựng « thuyết-hệ » thì có khó gì, lấy một cái tư-tưởng suy cho đến cùng thì tưởng cũng là một việc dễ, khó ấy là biết suy đến đâu là nên thôi, biết đi đến đâu là nên rẽ, mà biết thế thì tất phải đã nghiên-cứu sâu các khoa thực-học, tiếp-súc luôn với sự thực mới có thể được. Ông PASCAL đã từng nói người ta có một cái « trí khúc-triết » (*esprit géométrique*) không đủ, nhà triết-học phải có thêm cái « trí tinh-nhuệ » (*esprit de finesse*) nữa mới được. Ông DESCARTES là nhà siêu-hình-học hiển-hách như thế cũng tự nói bình-sinh không có chuyên-tâm về siêu-hình học mấy tí, tức là muốn nói rằng không có chủ-ý về việc suy-diễn, việc kết-cấu trong lý-tưởng, việc ấy là tự-nhiên nó thành. — Hoặc giả có người nói: Triết-học mà không dựng thành « thuyết-hệ » thì chẳng phải là sai mục-đích ư? Vì mục-đích của triết-học tức là gồm, là thống-nhất cả sự-thực. — Xin đáp rằng: Triết-học Pháp bao giờ cũng chủ sự thống-nhất ấy. Duy chỉ có không dùng cái lối thường mà thôi, cái lối ấy là lấy một cái lý-tưởng nào ra, làm khuôn rồi cố nhét cả sự-vật vào trong cái khuôn ấy, gọi thế là một cái « thuyết-hệ » không biết rằng mình lấy cái lý-tưởng ấy người ta lấy cái khác đối lại cũng được, mà cứ dùng một lối ấy cũng đủ dựng được một cái « thuyết-hệ » khác chẳng kém gì; hai cái « thuyết-hệ » có thể đem ra đối-chỉ với nhau được, vì hai cái cũng là không thể kiểm-điểm được. Như thế thì triết-học thành ra một trò chơi, một đám những nhà thuyết-lý ngồi cãi xuông với nhau, không có ích gì. Lại phải biết rằng một cái lý-tưởng là một phần nhỏ của cái trí-thức ta, mà trí-thức ta cũng lại là một phần nhỏ của cái chân-tướng trong giới đất như thế thì một cái lý-tưởng là một bộ-phận của một bộ-phận, gồm sao được toàn-thể của sự-vật?, Thống-nhất sự-vật là một việc khó-khăn, lâu-dài mà tinh-tế: cái trí tư-tưởng của người ta không phải là đem cái chân-tướng mà rút lại cho vừa khuôn một cái lý-tưởng riêng của mình, nhưng phải tự mình khoáng-trương ra cho mỗi ngày gồm được một phần to hơn trong chân-tướng. Nhưng muốn được thế phải công phu tích-lũy trong mấy mươi đời mới được. Hiện nay thì cái nhiệm-vụ của mỗi nhà triết-học là phải dựng lấy một cái quan-niệm về vạn-vật trong cái quan-niệm ấy cũng có thể

đúng được một vài phần, còn những phần khác thì tất là phải tạm mà thôi. Cái quan-niệm đó muốn gọi là một cái « thuyết-hệ » cũng được, nhưng nguyên-lý của cái thuyết-hệ ấy thì không có nhất-định, tức là một cái nguyên-lý uyển-chuyển, có thể khoáng-trương ra đến vô-cùng được. Ấy chúng tôi thiết-tưởng cái tôn-chỉ của triết-học Pháp là thế. Cái tôn-chỉ ấy mãi đến sau này mới công-nhiên xướng-suất ra. Nhưng nó phát-biểu ra chậm thế chính là bởi nó liền với tinh-thần nước Pháp, mà tinh-thần nước Pháp thì uyển-chuyển và có hoạt-động, không có tính-cách cứng-cỏi như cái máy vô-hồn ; cái tinh-thần ấy lại có tính « duy-tha » nữa, không ưa những sự kết-cấu riêng của từng người, mà chỉ vị nghĩa công cho nhân-loại vậy.

Bởi đó, bởi mấy cái tính-cách ta vừa mới kể đó mà triết-học nước Pháp tự xưa đến nay vẫn có cái tài sáng-nghĩ, sáng-tạo ra tư-tưởng mới. Bởi triết-học Pháp xưa nay bao giờ cũng phải dùng đến nhời nói của mọi người, nên không thành ra cái đặc-quyền của một đẳng triết-học ; người thường ai cũng có thể kiểm xét được, nên không thể cách-tuyệt với cái tri-thức thông-thường được. Phàm nhà triết-học vốn là những nhà tâm-lý-học, sinh-lý-học, vật-lý-học, số-học, nên cái triết-học ấy vẫn liên-tiếp với thực-học mà không xa-cách với việc đời. Bởi không xa-cách với việc đời, bởi thường liên-tiếp với thực-học, bởi không cách-tuyệt với cái tri-thức thông-thường, nên cái triết-học ấy thường được rõi-rào phong phú ; cũng bởi thế mà khỏi thành ra một món thanh-đàm cho các nhà cao-sĩ lấy cái lý-tưởng siêu-hình mà kết-cấu lại cái thế-giới hữu-hình vậy ! Nhưng nếu triết-học Pháp đã đằm-thắm trong tinh-thần nước Pháp mà sinh-hoạt được, thì chẳng phải là cái tinh-thần ấy cũng có khuynh-hướng riêng về đường triết-học rư? Thực thế, ở nước Pháp, không có mấy nhà bác-học, nhà văn-sĩ, nhà mĩ-thuật là chỉ biết chăm-chăm về phần hình-thức của nghề mình không biết quan-niệm về cái nghề ấy để dựng lấy một cái triết-học riêng của mình. Suốt trong nước đều có cái tính hiếu triết-học : phàm nghị-luận về việc gì, dù việc buôn-bán nữa, cũng muốn bàn cao lên đến cái nguyên-lý của nó. Xem thế thì biết cái tính hiếu triết-học ấy thực là biểu-hiệu cho cái lòng cao-thượng của nước Pháp, chỉ ưa những sự công-đồng, quảng-đại. Như thế thì cái hồn nước Pháp với cái hồn triết-học cũng là một vậy.

PH. Q. *dịch*

VĂN-UYỂN

THI-VĂN CŨ

Tế Phụ-mã chưởng-hậu-quân Vũ-Tính và Lễ-bộ Thượng-thư Ngô-tùng-Chu [1]

(Lễ-bộ ĐẶNG ĐỨC-XIỂU soạn)

Than rằng :

Đạo thần-tử hết lòng thờ chúa ; gian-nan từng giãi dạ trung-thành.

Đấng anh-hùng vì nước quyên-sinh ; điên-bái chẳng sai lòng tiết-nghĩa.

Ngọc dàu tan vẻ trắng nào phai ; trúc dẫu cháy tiết ngay vẫn để.

Nhớ hai ngươi xưa :

Thao-lược ấy tài, kinh-luân là chí.

Phù vạc Hán thủa ngôi giời chếch-lệch ; chém gai đuổi lũ hung-tàn.

Với xe Đường khi thế nước chông-chênh ; cầm bút ra tay kinh-tế.

Mối nghĩa sánh duyên gác tía ; bước gian-truân từng cậy dạ khuông-phù.

Màn kinh giúp sức cung xanh ; công mông-dưỡng đã đành lòng ủy-ký. [2]

Hậu-quân thủa trao quyền tứ-trụ ; chữ ân-uy nhớn nhỏ đều phu.

Lễ-bộ phen làm việc Chính-khanh ; bề trung-ái sớm khuya chẳng trễ.

Ngoài cõi vuốt nanh ra sức ; chí tiêm-cừu [3] đành giãi xuống ba quân.

Trong thành vững dạ chia lo ; bề ưu-quốc đã thấu lên chín bệ.

Miền biên-khổn đôi năm chia sức giặc : vững lòng tôi bao quản thế là nguy.

Cõi Phú-xuân một trận thét uy giời : nặng việc nước phải lấy mình làm nhẹ

Sửa mũ áo lạy về bắc-khuyết ; ngọn quang-minh hun mát tấm trung-can.

Chỉ non sông giã với cô-thành ; chén tân-khổ nhắp ngon mùi chính-khí.

Há rằng ngại một phen thỉ-thạch ; giải trùng-vi mà theo tới quân-vương.

Bởi vì thương muôn mạng tì-hưu ; thà nhất-tử để cho toàn tướng-sĩ.

Tiếng hiệu-lịnh mơ-màng trước gió. ân-tín xưa. người bộ-khúc thương-tâm.

Bóng tinh-trung thấp-thoáng dưới đèn. phong-nghi cũ, kẻ liêu-bằng sái-lệ.

Cơ đăng-định kíp chầy đành hẹn buổi ; xót tướng-doanh sao vắng mặt thân-huân.

Phận truy-tùy gang tấc cũng đền công ; tiếc nhung-mạc bỗng thiệt tay trung-trí.

Nay gặp tiết thu, bày tuần úy-tế.

Hai chữ cương-thường nghĩa nặng ; rõ cỗn-hoa cũng thỏa chốn u-minh.

Nghìn thu hà-nhạc khí thiêng ; sắp mao-việt để mở nền bình-trị.

Thượng-hưởng.

ĐÔNG-CHÂU *sao lục*

---

(1) Hai ông phụng mệnh trấn thủ giữ thanh Bình-định, quân Tây-sơn vào vây hơn một năm giời. Đến năm Tân-dậu (1801) hết cả lương-thực, không thể chống giữ được nữa ; ông Chu uống thuốc độc chết ; ông Tính tự-phẫn tử-tiết ở lầu Bát-giác ; để cho đức Thế-tổ đem quân ra thu-phục được thành Phú-xuân.

(2) Cung xanh là cung Thái-tử ở. Mông-dưỡng là dạy từ thủa còn nhỏ, là nói ông Tùng-Chu có dạy đức Đông-cung Cảnh học.

(3) Chí giết giặc.

Bạch vân thi-tập

Tập thơ này của cụ Nguyễn *tiên-sinh* Bỉnh-Khiêm, *người làng Trung-am, huyện Vĩnh-lại, tỉnh Hải-dương.*

Cụ thi đỗ Trạng-nguyên năm Đại-chính *thứ 6 đời nhà Mạc, làm quan Tả-thị-lang, Đông-các học-sĩ, phong Trình quốc-công, bởi vậy người ta thường gọi là cụ Trạng Trình.*

Khi cụ làm quan, có dâng sớ hặc 18 người lộng-thần, rồi cáo quan về ở nhà, tự hiện là Bạch-vân cư-sĩ. *Cụ tinh-thông lý-học, chí-khí cao-thượng, không muốn làm quan đời nhà Mạc. Vậy phát ra thơ văn có ý ẩn-dật tự-cao ; nay có truyền lại tập thơ* Bạch-vân *này toàn bằng quốc-âm, ước đó 100 bài, làm theo « trường-đoản-cách »; có câu ngắn sáu chữ* (lục-ngôn), *có câu dài bảy chữ* (thất-ngôn), *có bài đủ 8 câu, có bài chỉ có 4 câu, 6 câu mà thôi, cũng là một lối thơ riêng về thời bấy giờ. Vậy xin khảo-hiệu mà chích-dịch ra sau này, có câu nào sai-nhầm, xin để chất-vấn chư bác-nhã quân-tử.*

Đông-Châu

. . .

I

Lần-lữa ngày qua tháng qua,
Một phen xuân tới một phen già.
Ái ưu vắng-vặc giăng in nước,
Danh lợi lưng-lưng gió thổi hoa.
Án sách hãy còn án sách cũ.
Nước non bạn với nước non nhà.

II

Giàu chềnh-chện, khó lơi-thơi,
Vận chuyển lưu thông há của ai.
Vũng nọ ghê khi làm bãi cát,
Chồi kia có thuở lọt hòn thai.
Khôn-ngoan mới biết thăng thời giáng,
Dại dột nào hay tiểu có đài. (1)
Đã khuất bao nhiêu thời lại tủi,
Đạo giời lồng-lộng chẳng hề sai.

III

Giàu ba bữa, khó hai niêu,
Yêu phận thời hơn hết mọi điều.
Khát uống chè mai hơi ngọt-ngọt,
Sốt kề hiên nguyệt gió hiu-hiu.
Giang-sơn tám bức là tranh vẽ,
Hoa cỏ tư mùa ấy gấm thêu.
Thong-thả hôm khuya nằm, sớm thức,
Muôn vàn dã đội đức giời Nghiêu.

IV

Giàu cơm thịt, khó cơm rau,
Yên phận là tiên lọ phải cầu.
Sớm uống chè thông hơi ngọt-ngọt,
Hôm kề hiên nguyệt tỏ lầu-lầu.
Vun thông, tưới cúc ba thằng mọn,
Chửa lửa hâm chè một mụ hầu.

V

Giàu sang người trọng khó ai nhìn,
Mấy dạ yêu vì kẻ nhỡ-nhàng,
Thuở khó dẫu chào, chào cũng lảng,
Khi giàu chẳng hỏi, hỏi thì quen,
Quen hiềm dan-díu điều làm bạn,
Lảng kẻo lân-la nỗi bạ men,
Đạo nọ nghĩa này trăm tiếng,
Nghe lui thinh-thỉnh lại đồng tiền.

VI

Ngày diễn giải-phiền cờ một cuộc,
Đêm thanh làm bạn sách hai bên,
Thửa nơi xuất-xử đâu là phải ?
Ở ắt nên về cũng ắt nên.

VII

Thấy dặm thanh-vân bước ngại chen,
Được nhàn ta xá dưỡng-thân nhan,
Ba gian am-quán lòng hằng mến,
Dòi chốn sơn hà mặt đã quen,
Thanh-vắng thú quê giàu bao-nả,
Dữ lành miệng thế mặc chê-khen,
Mai kia chửa dễ thu nên muộn,
Xuân nọ tin hoa cũng mấy phen.

(1) Đài là đại, nghĩa là khi nhỏ cũng có khi nhon.

VIII

Tháng mảng đã qua ngày đã rồi,
Hay yên thửa phận mới nên vui,
Bóng hoa lay động am chư-phật,
Măng chúc còn tươi bếp mới sôi,
Hội đám công-danh nhiều thỏa chí,
Thư-nhàn sơn đã mới hay mùi,
Làm người chớ thấy tài mà cậy,
Có nhuệ bao nhiêu lại có đời (?)

(còn nữa)

(Những bài thơ này nhời cổ, chúng tôi sao ở một tập nôm cũ ra, nhiều câu chưa dám chắc rằng đúng, song cũng cứ đăng để lưu lấy một áng văn-chương cũ của nước nhà. Các chỗ nghi xin để chất-vấn chư bác-nhã-quân-tử).

DỊCH ĐƯỜNG-THI (1)

XXII

石城頭
Thạch-thành đầu

山圍故國周遭在
Núi rêu vây lấy một thành,
湖打空城寂寞回
Ầm-ầm tiếng sóng kêu quanh mái ngoài.
淮水東邊舊時月
Giăng già giong bóng sông Hoài,
夜深還過女牆來
Đêm đêm dạo cảnh độ vài trống canh.

烏衣巷
Ô-ỷ hạng

朱雀橋頭野草花
Bên cầu phó mặc cỏ hoa,
烏衣巷口夕陽斜
Lối vào chỉ thấy bóng tà rạng soi.
舊時王謝堂前燕
Nhà vàng yến vẫn đưa thoi,
飛入尋常百姓家
Mà nay am cỏ loi-thoi mấy hàng.

十五夜望月
Thập-ngũ dạ vọng-nguyệt

中庭地白樹棲鴉
Bóng giăng soi lọt cành nha,
冷露無聲濕桂花
Giọt sương đầm-thắm cho hoa đua cười.
今夜月明人盡望
Trông giăng, giăng lại trông người,
不知秋思在誰家
Đêm thu giăng một chiều ai bây giờ.

漢苑行
Hán-uyển hành

水精池上太液池
Ao tiên in bóng nhạn tà,
太液池邊花草新
Rừng cao cành thấp mấy hoa cũng mầu.
花草新時賞遍
Chơi xuân nào thiếu đâu đâu,
賞遍人間總不知
Này xuân vườn cấm dễ hầu ai hay.

登樓
Đăng-lâu

槐柳蕭疎繞郡城
Quanh thành cây cối đìu-hiu,
夜添山雨作江聲
Mưa chan đỉnh núi, sóng reo mặt [doành.
秋風南陌無車馬
Cõi thu xe ngựa vắng tanh,
獨上高樓故國情
Lên lầu một ngẫn-ngơ tình về đâu.

聞白樂天左降江州司馬
Nghe Bạch-nhạc-Thiên phải giáng làm quan Tư-mã Giang-châu

殘燈無焰影幢幢
Lờ-mờ khêu ngọn đèn tàn,
此夕聞君謫九江
Chợt nghe tin khách Cửu-giang nực cười

(1) Xem *Nam-phong*, số 13, trang 3.

垂死病中驚坐起
Giật mình ngồi gượng canh dài,
暗風吹雨入寒窗
Một cơn mưa gió ai cài rèm thưa.

雨淋鈴
Vũ lâm linh

雨淋鈴夜却歸秦
Tiếng vàng chen tiếng mưa bay,
猶是張徽一曲新
Hỏi chàng Trương hát khúc này bởi đâu?
長說上皇垂淚教
Xin ai sẽ gạt giọt châu,
月明南內更無人
Vắng người đã bóng giăng lầu Nam-cung

渡桑乾
Qua đò Tang-càn

客舍并州已十霜
Mấy năm là khách châu Tinh,
歸心日夜憶咸陽
Mà lòng vẫn ở nơi thành Hàm-dương
無端更渡桑乾水
Bến Tang ai khéo đưa đường,
却望并州是故鄉
Thinh-châu so với Hàm-dương thế nào?

夜雨寄托
Dạ vũ ký-thác

君問歸期未有期
Hỏi về rằng chửa được về,
巴山夜雨漲秋池
Tiếng mưa đâu đã gần kề bên tai.
何當共剪西窗燭
Có chăng đuốc ngắn đêm dài,
却話巴山夜雨時
Mái tây để khách một hai tự-tình.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU sao lục

Hát nói

I

Thất-tịch

Chẳng biệt-ly ai dễ biết chữ tình, (1) hỏi Ô-thước doành ngân khơi mấy dặm? Ngao-ngán nhẽ! Rẽ bảng vàng, thêu chữ gấm. Ngậm-ngùi thay! Trênh bóng quế, chếch gương thu, *nhỡn-xuyên tràng-đoạn vị Khiên-ngưu*, 眼穿腸斷爲牽牛。mười hai tháng mới đêm nay là Thất-tịch; cung nguyệt gác đầu non chếch-chếch, lũ hồng-nhan còn ngất-nghều trên lầu, giọt lay-thay trận mưa ngâu.

II

Giải-cấu-nan

Tài-tử với giai-nhân là nợ sẵn, *giải cấu-nan* là chữ làm sao? Trải xưa nay chừng đã xiết bao, kia tan-hợp nọ khứ-lưu đâu dám chắc. *Giai-nhân khứ khứ hành hành sắc, Tài-tử chiêu chiêu nộ mộ tình.* 佳人去去行行色。才子朝朝暮暮情。Ấy kia đâu! Như mây tuôn, như nước chảy, như gió mát, như giăng thanh, lơ-lửng khéo trêu người chi mãi-mãi? Giời đất có xan đi mà xẻ lại, hội tương-phùng còn lắm lúc về sau, yêu nhau xin nhớ nhời nhau (2), (nam chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy, chén đưa nhớ bữa hôm nay.)

III

Kiếp nhân-sinh

Nhân-sinh như ký nhĩ, đắc-ý tu tận-hoan; 人生如寄耳。得意須盡歡。*hữu mã, hữu thuyền, hữu thủy, hữu san, tức bỉnh-chúc dạ-du lương*hữu dĩ. 有馬有船有水有山。卽秉燭夜遊良有以。Đành vũ-trụ ấy ngô-nhân phận-sự, cũng tiêu-giao cho tuế nguyệt thêm trường. *Vân xương-xương hề thủy ương-ương*, 雲蒼蒼兮水泱泱。phong

(1) Câu này dùng điển hay, nhưng cũng khi đặt như thế thường khi dụng vận trắc là phần nhiều.
(2) Bài hát nói đến đây là hết. Có khi đọc thêm hai câu sau này nữa, đạo nương gọi là *hạt nợt*.

quang ấy người sao nên phụ. *Nhược đãi công-thành danh-toại hậu, nhất đôi lão-cốt dĩ lăng-tằng.* 若待功成名遂後。一堆老骨已崚嶒。Thế thời sơn chi nam, sơn chi bắc, chi Tung, Hằng, chắc đâu chuyện phù-bình tán tụ. Lưng bầu rượu say cồ kim kim cổ, một túi thơ pha hoa nguyệt nguyệt hoa ; Khi cờ vây, khi bài lá, khi tiếu ngạo, khi cầm ca, nhận phong-vị hảo hoa làm lạc-thú. Chỉ Lỗ Tản ngắm cùng thảo-thụ, cuộc tỉnh say say tỉnh ai hay. Thử xem cổn tạo sau này !

IV

Liệt-nữ (1)

Chiều Lê-quí có nàng tiết-liệt, hai mươi thu chẳng bận thù tây. Đem tàn dung nương chốn am-mây, đạo thần tử, tinh trong phu phụ. *Vạn cổ di-luân chiếu vũ-trụ, nhất soang trung nghĩa đáp quân vương* ; 萬古彝倫昭宇宙。一腔忠義答君王。hai vai một gánh cương-thường, chén tân-khổ nhắp ngon mùi chinh-khí. Đã nên đấng trung-thần bất nhị (2) 忠臣不二, lại nên tài liệt-nữ bất canh (3) 烈女不更, rõ-ràng hai chữ Trung Trinh !

V

Hàn-Tín

So tam-kiệt ai bằng ngươi Hàn-Tín, một tay thu muôn dặm nước non ; những ngỡ rằng khoán thiết như sơn, *Thái-sơn như lệ, Hoàng-hà như đái.* (4) 泰山如礪。黃河如帶。*Hạp tảo ngũ-hồ song Phạm-Lãi, khước giao tam kiệt độc Trương-Lương.* (5) 盍早五湖雙范蠡。却教三傑獨張良。Đau-đớn thay điểu-tận cung-tàng, (6) đầm Vân-mộng (7) phải mắc mưu con trẻ. Nếu biết chữ : *khả hành khả chỉ* (8), 可行可止。thời Ngũ-hồ một lá cho xong, làm chi lúng-túng trong vòng ?

VI

Thế-sự

Thế-sự thăng trầm quản mạc vấn, yên-ba thâm-xứ hữu ngư-thuyền (9) : 世事升沈君莫問。烟波深處有漁舟。vắt tay nằm nghĩ truyện đâu đâu, đem mộng-sự đối với chân-thân thì cũng mệt. *Duy giang thượng chi thanh-phong, dữ sơn gian chi minh-nguyệt* (10), 惟江上之清風。與山間之明月。kho giời chung mà vô-tận của mình riêng. Cuộc vuông tròn phó mặc khuôn thiêng, mặc thành-thị mặc ai lâm-tầu (11). Gõ dịp lấy đọc câu « Tương-tiến-tửu » : 將進酒。*Quân bất kiến Hoàng-hà chi thủy thiên-thượng lai* (12), 君不見黃河之水天上來。làm chi cho mệt một đời !

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHUÀ sao lục

---

(1) Là bà Nguyễn-thị-Kim vợ vua Chiêu-thống, khi quân Tây-sơn ra chiếm Bắc-hà, vua Chiêu-thống chạy sang Tầu, bà theo không kịp, phải ẩn-núp ở chùa chiền chốn dân-gian. Đến năm Gia-long bà nghe tin đưa ma vua Chiêu-thống về đến cửa quan, bà lên đón rước về, táng xong, bà liền uống thuốc độc mà tự-tử.

(2) Là người bầy tôi trung không hai lòng.

(3) Là người liệt-nữ không trải qua hai đời chồng.

(4) Hai câu này là nhời thề của Hán Cao-tổ khi phong công-thần. Nghĩa là bao giờ Thái-sơn mòn như hòn đá mài, Hoàng-hà nhỏ như dải thắt-lưng, thì nước mới mất.

(5) Sao chẳng về ở ẩn như ông Phạm-Lãi đi thuyền chơi năm hồ. Trong ba kẻ kiệt nhà Hán, chỉ có Trương Lương là khôn, còn Tiêu-Hà, Hàn-Tín đều bị tội cả.

(6) Khi bắt hết chim rồi thì xếp cung lại.

(7) Hán Cao-tổ giả cách ra chơi đầm Vân-mộng để bắt Hàn-Tín.

(8) Lúc nên làm, lúc nên thôi.

(9) Việc đời chìm nổi chẳng hỏi làm chi, chỉ bơi chiếc thuyền câu đi dạo chơi chốn khơi nước.

(10) Chỉ có gió mát ở núi, giăng trong ở sông, là thú vui chung.

(11) Là rừng rậm.

(12) Lúc sắp dâng rượu thì đọc bài phú « *Tương tiến-tửu* » có câu ....—Nghĩa là chẳng chẳng xem như nước sông Hoàng-hà kia chẳng tự trên giời xuống, rồi cũng chút cả vào bể, nghĩa bóng là người ta ai cũng phải chết.

Bài văn-tế sống

Bài này nguyên của một cậu học-trò ở Quảng-bình soạn ra, nghe nói cậu là người có tiếng hay chữ một thời, trước đã cùng với một cô kia dan-díu, mà cô ấy cũng là người có tiếng lịch-sự buổi ấy. Hai đường đã sắp được cùng nhau xe tơ kết tóc, sau cha mẹ cô kia gả con cho một người khác, làm cho cậu thất-vọng, thương tiếc cho thân cô bị duyên nài phận ép cũng chẳng khác gì biệt-hạc li-loan vậy. Ngày bữa hôm mà bên kia rước dâu, thì bên nầy đặt bàn tế sống, có đủ cả các phẩm-nghi — gần xa nghe đồn đến xem đông lắm, cậu tự làm lấy văn, tự đọc lấy, những câu thảm-thiết khiến cho lắm người phải rơi châu.

Việc ấy mới đâu trong khoảng vài mươi năm nay, còn có người biết rõ, nhưng chỉ hiềm vì tên họ không tường, và văn-chương tam-sao thất-bản, giảm mất tinh-thần, thực đáng tiếc lắm. Tuy vậy mà còn chán câu hay, thứ nhất là những chỗ tả cái hình-dạng anh tán lang, sự-tình nhà biển-dã. Khen cho thật khéo kiếm được nhiều ý rất thần-tình: lại những chỗ tả hình-dung, tính-hạnh một cô con gái An-nam, mà không phải mượn đến điển-cố của Tàu mấy nỗi.

Người sao-lục

* * *

Văn-tế rằng !

Hỡi ôi ! Vàng lẫn cùng than, ngọc lầm với đá. Kén khách mà không gặp khách, nghĩ vuông tròn thương đến phận thuyền-quyên ; trao duyên mà lỡ vì duyên, thấy đôi lứa ngán thay cho thiên-hạ. Phận đã đành, còn chút chửa đành ; tiếng không dở, nói càng thêm dở.

Nhớ nàng xưa :

Đứng bậc nữ-trung, vốn hàng lịch-sự. Lưng eo vú xách, ngọc chuốt vàng trau ; má phấn răng đen, miệng cười hoa nở. Mấy lúc chơi đình dạo quán, dịu-dàng dải-đào yếm thắm, nết đứng ngồi say mắt khách tài hoa ; đòi phen đi chợ về quê, lân-la điếu thuốc miếng trầu, bề ăn ở xiêu lòng người thanh-giả. Ngoài phong-lưu mọi vẻ đủ rồi ; trong khuê-khổn trăm điều giỏi cả. Nhà môn-hộ treo gương hiếu kính, nết trinh-nhàn mà thay mặt nam-nhi ; việc cửi-canh rất mực kiệm-cần, bề công tắc đã nên tay thục-nữ. Kẻ cát-sĩ gần xa nô-nức, những lăm-le bắn sẻ rút dây ; khách phong-lưu ong bướm ra vào, toan sắp-sửa đề thơ ném quả. Nhà phú-hữu, ruộng vườn ao mẫu, mong-mỏi duyên ưa phận đẹp, bảy thụ-tròn chờ-đợi ước non sông ; khách văn-chương tai thánh mắt hiền, ước-mơ gái sắc giai tài, ba tháng chẳn đi về tin nhạn cá. Dẫu lòng có hay nghĩ hay suy, thì đó cũng là đôi là lứa. Phải phận gái kết-duyên người nhất-sĩ, may mắn rồng mây gặp hội, ắt chồng loan vợ phượng sum-vầy ; ép duyên chăng trao mối kẻ nhi-nông, sớm khuya trâu ruộng trăm bề, cũng đống lúa kho tiền chan-chứa. Nghĩ bàn thế-sự thiệt cùng hơn, chưa biết nơi nào duyên với nợ.

Bồng-chốc quên nơi quyền-quí, không nghĩ đũa so với nả (?) chắc những nơi trướng gấm màn thêu, võng đào sáo vẽ, thấy vàng son mà xui dạ mơ màng ; uổng công chờ-đợi mấy lâu, quản chi dạ cạn như dầu, cũng có khi dưới nguyệt bên hoa, trên Bộc trong dâu, đem sắt đá kết-duyên lòng hương lửa.

Những tưởng ông Tơ dành-dập đó, bậc bố-kinh mà lựa chốn trâm-anh ;

(1) Những chỗ có đánh dấu hỏi là nghi, không biết có phải thế không. Các nhà đọc báo ai biết xin sửa lại cho.

nào hay con Tạo ghét-ghen chi, xui thành-thị xô vào miền biển-dã. Giai-tế hình-dung coi cũng lạ, tóc rễ tre, da đồng điếu, tưởng chừng trong một nước được mấy người ; tân-lang tuổi-tác có bao nhiêu, hột cau rụng, quả mướp xơ, nghĩ ngoại bốn tuần thêm lẻ nữa.

Duyên-phận ngán cho duyên-phận, trâm cài lược dắt, uổng công trình trau chuốt bấy lâu nay ; chồng con sao khéo chồng con, nón gõ quai mây, ngắm hình-dạng thêm chiều buồn-bã.

Đành bến nước mười hai là phận, trong gia-đạo không ai coi-sóc, sao cô không kiếm nơi gần cảnh, nỡ để mẹ thầy tuổi-tác, lấy ai khi mưa dầu nắng lửa, gió kép sương đơn ; rằng quả mai ba bảy phải lo, trong thôn-trang có kẻ yêu-vì, sao cô chẳng nghĩ nguồn-cơn, nỡ đem thân-phận liễu-bồ, trao vào nơi nước biếc rêu xanh, cát vùi sóng vả.

Hay cô thử mùi đời mặn nhạt, quên nỗi đồng bùi nước ngọt, thú sinh-nhai ngày tháng đủ no ; hay cô muốn dò lòng thế cạn sâu, nên ham nơi thuyền rộng chèo dài, câu thích-chí sớm khuya nghiêng ngửa.

Hay là bởi mẹ thầy lẫn-khuất, quen những thói mở tôm sàng cá, qua lại của làm ngọng miệng, ép uổng duyên cô nông-nỗi thế, nặng tiền-tài mà nhẹ gánh chung-tình ; hay là ắt mối lái đèo bòng (*khuyết một câu*)..., nói phô mặt rót đầy tai, giá nhơn-sự phải non quyền tạo-hóa.

Nài mai ép liễu, cơn-cớ vì đâu ; phụ mận êm chanh (?) ai xui lắm tá ! Mối xích-thằng ước một trăm năm lẻ, phải một ngày mộ, mà không nghĩ thiệt hơn ; tiết thanh-xuân chừng hai mươi bốn tuổi tròn, đã đến nỗi chi, mà xui mình đày-đọa.

Hỡi ôi ! Hồng ngâm chuột vọc, liễu ủ đào phai, mình ngọc ngâu vày, hoa tàn nhị rã !

Lúc vãng-sinh qua miền Tĩnh-dã, cảm-cảnh duyên nài phận ép, vật sầu nhân, cây cỏ ủ dầu-dầu ; ngày vu qui qua bến Vĩnh-giang, ngán-ngao vợ trẻ chồng già, cảnh trêu khách cá tôm cười rả-rả.

Mây Hàng-lãnh, khi tan khi hợp, tủi lòng cô bèo bọt nước non xa ; dòng thủy-triều, cơn ngược cơn xuôi, thương phận gái nỗi chìm quê-quán lạ.

Muốn lấy chữ « duyên » than chị Gió, gió qua cửa bể, dường phất-phơ như giục mấy cơn buồn ; toan đưa lá « số » hỏi bà Trăng, trăng gác đầu non, dường hiu-hắt để soi cùng tấm dạ. Mong quyết lẽ thì trả lẽ, mà thế đã, câu vừa miệng cá, không lẽ đưa dây chỉ bứt làm hai ; tính bề duyên lại phụ duyên, mà làm chi, ván đã đóng thuyền, không lẽ cắn dải đồng chia lấy nửa.

Ông thôi thôi ! hương bay bởi gió, hết nỗi năn-ni ; trăng ám vì mây, hết đường than-thở.

Hoa-lưu động-khẩu ưng tràng tại, phận hồng-nhan chi quản bước dan-truân ; *Thủy-đào nhân-gian định bất hồi*, cửa xuân-tỏa tha hồ ai khép mở. Chỉ một mối không vương chân bạch diện, nọ tình chi nói, nói nữa mà chi ; giấy đôi hàng thấu mặt hồng-nhan, đã chớ thôi, thôi đành phận chớ.

Một người đọc báo ở Trung-kỳ lai-cảo

VĂN XUÔI

Vật cũng có đoàn-thể sao ?

Tôi có một người bạn, tên là Mỗ..... tính ưa cảnh sơn-thủy, nên làm nhà ở miền núi-non. Khi ruộng nương rảnh việc, thời săn bắn vui chơi ; hễ có thú vui, thời rủ-ren bè-bạn, hoặc lên đỉnh núi để câu thần nối thơ, hoặc dựa hiên mai, mà bàn cờ điểm nước. Người ta cho anh ta là một bậc « lục-địa-thần-tiên. »

Hôm nọ nhân ngày rảnh, tôi đi dạo chơi, thừa-hứng thẳng đến thăm bạn. Chỗ anh ta ở, nơi cửa ngõ, thời tùng trúc sum-sê, một mầu xanh ngắt. Khi tôi đến, có năm ba đứa trẻ-con, xúm lượm hoa rơi, quăng lên trời giả làm chuồn-chuồn bay đi bay lại. Vừa thấy khách đến, biết là người quen, liền đứng lại một bên, để nhượng khách vô, rồi lật-đật chạy báo chủ-nhà biết.

Cái vườn của người bạn tôi đó tuy không lớn mấy mà ở trong có lắm cảnh xinh : Nào đình, nào lạ, nào hồ, nào ao ; dưới gốc cây cao, sắp đá làm non, trên non lại có một đôi con gà trống đứng gáy ; trong hồ nước biếc, bóng sen đua nở, dưới sen lại có vịt lội từng bầy. Vô cửa rồi lại đi quanh đi quẹo mới đến sân nhà. Giữa sân lại càng lắm thú lạ nữa : Tuy giữa mùa hạ, mà bông hoa trăm thức, đón gió hoe cười, muôn tía ngàn hồng, thơm bay ngàn dặm ; chim-chóc nhiều thứ lông-lá lạ thường, vấn-vít bên người, líu-lo nhiều tiếng.

Vừa đâu, bạn tôi ra sân rước, nắm tay cười mà nói rằng :

— Đã lâu ngày không thấy, lẽ cũng bứt-rứt lắm chăng ?

Liền mời vô nhà. Nhà thời lợp tranh, mà sạch-sẽ phong-nhã lắm. Chủ-nhơn kêu chế nước, trà ướp hoa sen, ngạt-ngào trên tiệc. Hai bà-con ham ngồi nói chuyện, cho đến đổi ác-vàng, dã chen lặn non tây, mà còn chưa biết trời tối. Khi ấy chủ-nhơn cầm khách ở lại, nói rằng .

— Mấy lâu nay, nắng khét nam nồng, không đánh được một trộ săn nào cả, thiệt bực quá. Nay gặp bạn lành, mà tiếc không có thịt rừng đãi khách.

Rồi ngập-ngừng một lát, lại nói rằng:

— Ta dọn đỡ lấy thịt nhà nuôi, cũng được chăng ?

Liền kêu trẻ biểu khua gà vịt về. Một đứa trẻ-con chạy ra, tay cầm cái mõ nhỏ-nhỏ, đánh ít tiếng, thời gà-vịt về cả bầy, vãi gạo cho ăn. Thấy gà chỉ có vài con, mà vịt thời hơn hai chục. Nghe chủ-nhơn biểu bắt một con gà làm thịt uống rượu. Tôi lấy làm lạ, mới hỏi rằng :

— Vịt thời nhiều, sao không ăn, gà đã ít, sao không để nuôi, mà lại ăn đi ?

Chủ-nhơn đáp rằng :

— Tôi nuôi gà vịt, để khi lỡ mà dùng, nguyên trước số gà số vịt bằng nhau. Gà thời đầu đội mũ, mình mặc áo bông, chưn mang gươm, ra dáng trượng-phu thiệt, nhưng mà mỗi khi gặp ăn, thời giành miếng ăn mà cắn mổ nhau. Coi ăn to như trời; chẳng kể chi đồng-loại. Chớ như vịt thời không thế, ngày ngày tắm lội hồ sen, giữ mình sạch-sẽ ; khi đi thời một con đi trước, cả bầy theo sau ; khi ăn thời con này nhường con kia, tới đều tới, lui đều lui với nhau, không có cái thói xấu giành nhau cắn nhau như gà vậy. Ấy cho nên hễ gặp khi lỡ-làng thời tôi làm gà mà không nỡ làm vịt là vì vịt có « đoàn-thể »……

SONG-CỬ.

Ghi lời chị Nguyệt

(Giấc mộng đêm hè)

Một đêm tháng sáu, bốn bên hàng xóm, người lớn ngủ yên, trẻ con nín thít, tiếng chó cắn dữ, tiếng gà gáy thưa, dun dì-dì dưới đất, dế tỉ-tỉ trong vườn, gió im giăng sáng sân ngoài, cảnh giời tịch-mịch khiến người vẩn-vơ.

Quái-lạ cho ông Hóa-công, sao đã bày ra cuộc thế, đã sinh ra người ta, mà chỉ có những cảnh buồn-rầu, những nỗi u-uất, con người ta không ai là thoát khỏi được sự thương, sự sầu, sự lo, sự nghĩ, sự nhớ, sự mong, sự căm, sự giận, sự đau-đớn, sự ủ-ê ; dẫu cho cuộc say đầy tháng trận cười suốt

đêm, mà cũng vẫn thấy cay như gừng, mặn như muối, chua như giấm-thanh, chát như bồ-hòn, đắng như mật lợn! Ôi! bầy, tám mươi năm nào có mấy phen được sướng thực hoàn-toàn?

Ngọn đèn xanh-ngắt, thư-phòng một ai, lòng chẳng nung mà nóng, mình chẳng đốt mà bừng, tri-âm xa-cách, đồng-tâm đợi chờ, nhớ ai không cánh bay tìm được, tương-tư một mối chất nên sầu. Luống những giận cho thói đời điên-đảo biết đâu lạc-quốc mà hòng, hỡi ai?

Mở cửa đem ghế ra ngoài để cùng giãng than-thở.....

— Hỡi chị Hằng-nga, một mình trên cung Mày lạnh-lẽo như thế có thú hay chăng? Ta đây ở trong khổ-hải, mà ai có thấu nỗi-niềm dấy không? Ước chi quả bước xuống đây mà vì ta dạy bảo một đôi lời trong lúc sầu này thời thực là cảm-bội vô-cùng.....

Khách vừa thôi giọng hỏi, chợt có ngay một đám mây kéo đến che mất cái gương giời vằng-vặc đương chiếu xuống chốn nhân-gian! Ngồi ngắm chờ xem, mãi chẳng thấy tan, mãi đến ba giờ đêm, mà vẫn như trước, từ nửa đêm đến bấy giờ dần-dọc đã mệt, gục đầu vào ghế ngủ vất đi một hồi, chiêm-bao lên tới cung Thiềm cùng chị Hằng-nga họp mặt. Phảng-phất như người Quảng-hàn nói rằng:

— Vừa rồi, nghe thấy chàng ân-cần nhắn gọi, cũng biết rằng chàng sẵn deo lòng yếm-thế, buồn nỗi cuộc đời éo-le, trò đời giăng-mắc, thấy làm mãi điều hay mà chẳng ai biết bụng, mong được bạn hiền mà còn xa-cách nơi nao! Theo lý-tưởng cụ Thích-ca, cụ Cơ-đốc mà cho ở đời là bể trầm-luân, thân mình là người có tội, nên muốn qua ngày qua tháng ở nơi gió bụi mà khi cửu-tiêu kia mới là nhà phải không? Ôi! Chàng thiếu-niên dồ-dại kia ơi, sao chàng không rõ rằng giời kia đã bắt làm người có thân, thời có lạ gì cái thói hồng-quần..... Suốt trong vũ-trụ này cổ kim có ai là thực sướng. Này thiếp đây, mấy vạn năm nay bao phen vinh-nhục, thôi nhưng chàng cứ xem như thiếp một đêm hôm nay, từ chập tối cho đến sáng thời đủ biết. Chao ôi! Thiếp chẳng qua thương người hạ-giới phải bị trong vòng hắc-ám, mà quyết cầm đuốc quang-minh thay ngọn đèn giời, để cho sông núi sáng, cho cây cỏ mừng, cho người có thú. Lòng này quảng-đại biết là bao? Thế mà! Từ lúc mọc cho đến lúc lặn, trải đám mây đen che, lại đám mây vàng lấp, che che lấp lấp biết mấy muôn hồi! Ấy đấy! chàng xem mà xem bao giờ chẳng thế, cái việc càng to thời nhiều điều trắc-trở, cái danh càng lớn thời lắm kẻ chực xóa-nhòa, nhưng ta cứ hết bổn-phận ta, sao cho lúc thân-tiêu hình-tán còn tiếng lại ở đời là thỏa, có ngại chi hiềm-trở gian-nan. Nếu ai cũng muốn trông thấy ngay cái kết-quả của việc mình làm, nếu ai cũng làm chi nên ấy, không có bị bước khó-khăn, không phải người đời ánh-ỏi, thời thế-gian làm gì có người cao-thượng, kẻ đê-hèn, người quân-tử, kẻ tiểu-nhân, mà trong tấn tuồng trần-giới có gì là đoạn thương, nỗi thảm, giọng hát, nhời than, câu cười, tiếng nói. Ôi! dẫu sao cũng đã ra đời, theo giời mà giả nợ đi cho xong, mai sau cái danh kia cùng ta cùng thọ, thời là đôi ta dài mãi cùng nhau, chứ chàng hết hạn thôi về, thiếp nghìn nam còn lại, yêu nhau không có duyên gì cùng nhau hay sao? Thôi hãy kính tiễn chàng về.. ..

Giấc hòe tỉnh dậy, bừng mở mắt ra, giăng đà gác núi, chống đà tan canh, tiếng quốc ngoài đồng, tiếng ve trong bụi, tiếng chim hót sườn non, tiếng trâu cày ngoài nội, tìm chén nước, lấy cái thau, vội vào thư-viện, mượn ngòi bút sắt, ghi lời người tiên. Mong cho nguyền được vẹn nguyền, nghìn thu gọi chút làm duyên chị Hằng.

MÀN-CHÂU

DỊCH HÁN-VĂN

Bắc-sơn di-văn[1]

(của ông KHỔNG-KHUÊ *soạn*)

Ông KHỔNG-KHUÊ *người đời Nam bắc-triều, nhân thấy người đời ấy tên là Chu-Ngung. trước ẩn núi Chung-nam, sau lại ứng-chiếu ra làm quan, mãn-lệ về Kinh, lại qua núi ấy, cho nên ông ấy giả làm nhời thần núi, làm bài thơ này. để tư-bảo cỏ, cây, đá, suối, cấm Ngung không được đến nữa. Đại-ý trong bài này, là chỉ trách Ngung giả cách ẩn, để kiếm lối ra làm quan vậy.*

勒 馳 章 鍾
移 煙 掌 山
山 驛 之 之
庭。 路。 靈。 英。

Núi Chung-sơn thần-oai hách-hách,
Chốn thảo-đường linh-phách dương-dương.
Thét mây giong-ruổi lên đường,
Truyền van bá-cáo một phương núi này :

矣。 直 方 之 之 夫
卞 潔。 想 標 以
吾 下 廋 管 取
乃 尚 自 洒 爾
知 雲 雪 出 拔
之 而 以 塵 俗

Kìa ! như kẻ liêm ngay khác tục,
Tấm lòng riêng cấn-dục cũng thanh.
In tuyết trắng, sắc mây xanh,
Bậc này thiệt bậc cao-danh hiếm đời.

有 歌 吹 乘 金 皎 若
焉。 於 於 其 而 皎 其
延 洛 如 不 霞 亭
濱 浦。 脫。 勝。 外。 亭
固 植 開 屣 芥 物
亦 薪 鳳 萬 千 表。

Lại như bậc tính người cao-thượng,
Trắng phau-phau tựa dáng bên giời.
Nghìn vàng cỏ chẳng thèm coi,
Muôn xe dép nát rứt rồi như không.
Thổi khúc phượng trên dòng Lạc-phố,
Hát thái-tiều bên só Duyên-tân.
Cũng người ẩn-dật cao-nhân,
Đã hay thế-giới có phần một hai.

哉。 真 迴 悲。 黃 豈
而 迹 慟 反 其
後 以 朱 覆。 終
蟾 心 公 淚 始
何 染 之 翟 參
其 或 哭 子 差
曠 先 乍 之 音

Hà lại giống như ai phản-chắc,
Trước cùng sau đổi sắc xanh vàng ?
Mắt hoe gã Mặc thấy Dương,
Thấy tơ xùi-xụt gặp đường thở-than.[2]
Tạm lánh dấu lòng còn vướng tục,
Tiết kiên-trinh đã nhuốc-nhơ dần.
Gớm cho những mặt khi-nhân,[3]
Nỡ nào ngụy-ẩn cầu-văn với đời.[4]

誰 寂 既 不 焉
言 寒, 往。 存 呼
千 山 伸 尚
載 河 氏 生

---

(1) (Di) nghĩa là tự-bảo

(2) Ông Mặc-Địch thấy tơ trong nhà khóc vì nhuộm đen cũng được, nhuộm vàng cũng được, Dương-Chu thấy đường dệt mà khóc, vì đi nam cũng được, đi bắc cũng được, nói vì tri không nhất-định.

(3) Khi-nhân là người

(4) Ngụy-ẩn-cầu-văn là cách ẩn lấy tiếng.

Từ gã Thượng xa chơi dấu hạc,
Cùng Trọng-sinh đã bước đường tiên.
Than ôi! vắng-vẻ nghìn niên,
Ấy ai thưởng-thức tới miền sơn-a?

亦 既 篤 世
玄 文 俗 有
亦 既 之 周
史。博。士。子。

Đời bỗng có một nhà Chu-thị,
Tiếng một tay toán-sĩ trong trần.
Cũng tài cũng bác cũng văn,
Cũng huyền cũng sử Tử-vân Tử-Trường. (1)

好 江 雲 誘 章 習 然
爵。泉。壑。我 堂。隱 而
乃 雖 松 濫 南 學
攖 假 桂。巾 郭。遁
情 名 欺 北 竊 東
於 於 我 岳。吹 簫。

Mà trốn lánh học trường Đông-Lỗ, (2)
Lại ẩn mình đua cụ Nam-Á. (3)
Thảo-đường trộm lối vào ra.
Giả màu khăn séo làn-la sơn-thủy. (4)
Khèo khuyên dỗ tùng kia quế nọ,
Cố lọc-lừa nước thú non thanh.
Dẫu ngoài mượn thú bên vành,
Mà trong mơ-tưởng những rình trước cao.

比。玄 不 歎 風 拉 其
消 玄 遊。幽 情 許 始
子 於 談 人 張 山。至
不 道 空 長 日。傲 也
僊。流。空 往。霜 百 將
務 於 或 氣 世。欲
光 釋 恐 橫 蔑 排
何 都。王 秋。王 巢
足 數 孫 或 侯。父。

Trước toan gạt cụ Sào cụ Hứa,
Ngạo cồ-nhân miệt cả vương-hầu.
Gió tình ái bóng giời cao,
Sương hơi lộng-lẫy tiết thâu hãi-hùng;
Khi than-tiếc sơn-ông vắng tá,
Lúc phàn-nàn vương-tử đâu xa.
Không không bàn nghĩa Phật-già,
Huyền huyền tra-cứu nhẽ nhà Đạo-lưu.
Coi ông Vụ đã đâu đủ đọ?
Tưởng thầy Quyên cũng khó bầy vai.

神 魄 赴 八 及
動。散。隘。谷。其
志 形 鶴 鳴
變 馳 書 騶

Nào ngờ ngựa hạc tới nơi,
Hồn-xiêu phách-tán chí dời thần-kinh.

而 衣。裳 筵 席 爾
走 抗 而 上。次。乃。
俗 庳 褻 焚 袂 肩
狀。容 荷 芰 簪 軒

Bấy giờ mặt nghênh-nghênh trốc ghế,
Áo phất vung trên phía chiếu ngồi.
Áo sen quần lá xé tơi, (5)
Vác mày mặt tục thở hơi giọng trần.

木 而 下 憤。風
而 有 愴。泉 雲
如 失。望 石 悽
喪。顧 林 咽 其
章 褷 而 帶

Mây cùng gió tần-ngần nỗi giận,
Đá cùng khe bẵn-nhẵn sinh-sầu.
Núi non coi dáng rầu-rầu,
Cỏ cây ê-ủ kém màu nở-nang.

---

(1) Tử-trường là Tư Mã-thiên làm sách *Hán-sử* Tử-vân là Dương-hùng làm sách *Thái-huyền*.
(2) Ông Nhan-Hạp người Đông-lỗ, vua sai người đến đón, Hạp bảo rằng, về hỏi lại kẻo ngại nhầm: sứ về hỏi lại, đến thời Hạp đã trốn, không tìm được.
(3) Ông Nam Quách-tử là một nhà ẩn-sĩ.
(4) Sơn-thủy, cũng như sơn-a.
(5) Áo sen quần lá, người ẩn thường mặc.

其牒諠筵道妙風里城綰至
懷。訴囂久帙譽於之之黑其
倥犯埋。長於海首。雄。綬。紐
偬其敲擯。浙甸。張冠跨金
裝慮。朴法右。馳英百屬章。

Tới lúc thắt ấn vàng giải thắm,
Chễm-chệ trên trăm dặm thành hùng.
Bảnh-bao bên mặt bể Đông,
Vẻ-vang danh-giá trong vùng Triết-giang.
Vỡ đạo-trật để hoang chi mó,
Chốn pháp-trường nhác bỏ đêu phong
Hèo, roi, hò-hét bận lòng,
Tờ bồi rộn-rịp long-đong cạnh mình.

州輔前圖。籠紛繆賦琴
牧。豪。錄。架張綸於無歌
馳希卓趙於結續。既
聲蹤魯於折課。常斷。
九三於往獄。每綢酒

Ca cầm-khúc cao-thanh vắng-ngắt,(1)
Phú tửu-bôi hào-dật còn đâu ? (2)
Việc quan ríu-rít chù-mâu,
Chấp-đơn xử kiện trước sau vội-vàng.
Chí úp sọt Triệu, Trương thủa trước(3)
Định đè đầu Lỗ, Trác đời xưa. (4)
Theo chân Tam-phụ hào-gia, (5)
Mở đường danh-dự khắp hòa chín châu.

延歸。澗落明使
佇。石戶陰。月我
徑摧白獨高
荒絕雪舉。霞
涼無誰青孤
徒與侶。松映。

Để chúng tớ dáng cao giăng sáng,
Luống bồ-côi nhấp-nhoáng một mình.
Ngẩn-ngơ mây trắng tùng xanh,
Bơ-vơ còn biết chung-tình với ai ?

Khe cửa động tả-tơi xờ-xạc,
Nào có ai rạo bước quanh về !
Tiêu-điều lối đá đường đi,
Dừng chân mỏi cổ thấy chi bóng người.

縛岸。聞兮鶴蕙幕。至
塵今投曉怨。帳寫於
纓。見簪猿山空霧還
解逸驚。人兮出飈
蘭海昔去夜楹。入

Để đến nỗi màu-hôi gió quẩn,
Khí mù bay vơ-vẩn ngoài song.
Hạc kêu trướng huệ quạnh không,
Vượn gào ai-oán sơn-ông vắng nhà.
Xưa chỉ thấy người ta truyền lại,
Kẻ gieo trâm tìm tới Hải-loan. (6)
Quái sao ! thấy kẻ đeo lan ? (7)
Cởi ra vó giải trần-gian buộc vào.

無子峯列嘲。於
人之竦壑北是
以我誚。爭隴南
往欺。慨譏。騰岳
弔。悲游攢笑。獻

Núi nam nọ ào-ào dễu cợt,
Lũng bắc kia giàn-dạt reo cười.
Hang sâu non thẳm đưa nhời,
Than chàng phụ-bạc không người viếng thăm.

東山蘿秋盡。故
皋之擺桂澗其
之逸月。遣愧林
素議。騁風。不慚
謁。馳西春歇。無

Ngao-ngán nỗi thâm-lâm cùng-giản,(8)
Bẽ-bàng thém hổ-thẹn vô-cùng.
La tủi nguyệt, quế e phong,
Non Tây đạt giấy miếu Đông cáo-từ.

---

(1) Ca cầm-khúc, của ông Đông-Tử. (2) Phú-tửu, của ông Lân-Dương. (3,4) Triệu Quảng-Hán, Trương-Xưởng, Lỗ Cung, Trác Mậu đều là người hiền. (5) Tam phụ : ba xứ đất gần kinh đời nhà Hán. (6) Gieo trâm tới Hải-loan : bỏ quan về nhà. (7) Người đi ẩn hay đeo lan, nay cởi ra mà buộc giải trần-gian, nói đang ẩn ở núi mà ra làm quan. (8) Thâm-lâm : rừng sâu. Cùng-giản : lạch thâm.

山或情上下今
扃。假於京。邑。乃
步魏雖浪促
於闕。投拽裝

Kìa kìa ! đã hất-hơ hất-hải !
Sếp hành-trang thẳng tới kinh-đô.
E tình dẫu hám của vua.
Họa chăng mượn lối mà vô cảnh này :

耳。汚游丹恥。厚豈
涿躅崖碧顏。可
池於重嶺薛使
以蕙滓。再荔芳
洗路。塵辱。蒙杜

Há nên dể mặt dầy Phương-đỗ, (1
Bệ-lệ kia má nhọ cùng ai ? (2)
Nhuốc-nhơ bích-lĩnh đan-nhai.
Bụi chân đường huệ,rửa tai nước hồ.

端。妄於湍。輕掩宜
轡谷截霧、雲扃
於口。來藏關。岫
郊杜轅鳴斂幌

Màn đá phải khép cho kín-mít,
Cánh mây nên khóa ghịt kỹ-càng.
Dấu gìn mây bạc xuối vàng, (3)
Ngăn xe cửa động giăng cương dưới
[ghềnh.

逋士掃輪。或膽。於
客、駕、迹。乍飛疊是
爲請低柯潁叢
君迴枝以怒條
謝俗而折魄。瞋

Bỗng-dưng thấy cội cành lộn mật,
Cụm hoa thơm tía mặt xanh mày.
Chầy canh choảng gẫy xe tay,
Chổi hoa quét sạch đường mây làu-làu
Xin gã tục bước đâu cho khỏi,
Chớ vẩn-vơ len-lỏi nữa nào.
Thôi thôi ! chẳng hỏi chẳng chào.
Vì ông tạ-khách bô-đào một câu.

ĐÀM-XUYÊN

DỊCH PHÁP-VĂN

L'Océan

Il n'y a peut-être rien qui offre à l'œil et à la pensée une représentation plus complète et plus attristante du monde que l'océan. C'est d'abord l'image de la force dans ce qu'elle a de plus farouche et de plus indompté : c'est un déploiement, un luxe de puissance dont rien autre chose ne peut donner l'idée : et cela vit, s'agite, se tourmente éternellement sans but. On dirait parfois que la mer est animée, qu'elle palpite et res-

Bể lớn

Dễ không gì bầy cho mắt cho trí người ta một cái hình-ảnh trọn-vẹn hơn và tiêu-điều hơn về thế-giới này bằng cái cảnh bể khơi. Bể trước nhất là hình-ảnh cái sức mạnh, sức mạnh tối-kịch mà vô-địch ; tức là cái mãnh-lực của trời đất đem vung-vẫy ra,đem ném vứt đi, trí người không biết lấy gì mà tư-lường cho kịp ; mà cái sức mạnh ấy, cái mãnh-lực ấy như có sinh-hoạt, lay-động : quay-cuồng tự thiên-vạn-cổ đến giờ, không có mục-đích gì. Có lúc

(1-2) Phượng-đỗ, bệ-lệ, đều là cỏ thơm.
(3) Xuối-vàng. — Tiếng nước xuối chảy.

pire, que c'est un cœur immense dont on voit le soulèvement puissant et tumultueux ; mais ce qui en elle désespère, c'est que tout cet effort, toute cette vie ardente est dépensée en pure perte ; ce cœur de la terre bat sans espoir : de tout ce heurt, de tout ce trépignement des vagues, il sort un peu d'écume égrenée par le vent.

Je me rappelle qu'un jour, assis sur le sable, je regardais venir vers moi la foule mouvante des vagues : elles arrivaient sans interruption du fond de la mer, mugissantes et blanches, par-dessus celle qui mourait à mes pieds, j'en apercevais une autre, et plus loin derrière celle-là, une autre, et plus loin encore une multitude : enfin aussi loin que ma vue pouvait s'étendre, je voyais tout l'horizon se dresser et se mouvoir vers moi : il y avait là un réservoir de forces infini inépuisable ; comme je sentais bien l'impuissance de l'homme à arrêter l'effort de tout cet océan en marche ! Une digue pouvait briser un de ces flots, elle en pouvait briser des centaines et des milliers : mais qui aurait le dernier mot, si ce n'est l'immense et l'infatigable océan ? Et je croyais voir dans cette marée montante l'image de la nature entière assaillant l'humanité qui veut en vain diriger sa marche, l'endiguer, la dompter. L'homme lutte avec courage, il multiplie ses efforts, par moments il se croit vainqueur : c'est qu'il ne regarde pas assez loin et qu'il ne voit pas venir du fond de l'horizon les grandes vagues qui tôt ou tard doivent détruire son œuvre et l'emporter lui-même. Dans cet univers où les mondes ondulent comme les flots de la mer, ne tưởng như bể có hồn, như thần-thức, như phập-phồng, như một quả tim lớn của trái đất mà mắt mình trông thấy cuồn-cuộn lên hùng-dũng vô-cùng, nhưng trông thế mà chán thay, vì cả cái sức-lực ấy, cả cái sinh-hoạt kịch-liệt ấy thực là lãng-phí đi vô-ích vậy ; cái quả tim của trái đất ấy thực là có động mà không hi-vọng vậy ; cả bấy nhiêu làn sóng sô-sát rậm-rịch như thế, có thành cái gì, chẳng qua được một tí bọt nước gió đánh tan !

Tôi còn nhớ một ngày ngồi trên bãi cát, nhìn đám sóng bể cuồn-cuộn chạy lại tôi : trông tự đáy bể lên cái nọ cái kia liên-tiếp nhau không dứt, ào-ào mà trắng xóa ; trên cái sóng đương tắt ở dưới chân tôi, lại trông thấy một cái nữa, rồi xa nữa lại một đoàn một lũ nữa ; mắt tôi nhìn được tới đâu như trông thấy cả chân giời góc bể cuốn lên mà truyền lại gần tôi : thiệt là một cái kho sức mạnh vô-cùng vô-tận ; trông đó mới biết người ta vô-lực là chừng nào, thế nào ngăn được sức cả cái bể lớn đương truyền-động này ! Đắp một cái đê có thể ngữ được một cái sóng, có thể ngữ được trăm được nghìn cái sóng ; nhưng đến cùng thì ai được ? Chẳng qua cũng vẫn là cái bể lớn vô-cùng bất-quyện vậy. Tôi trông nước triều cuốn lên đó mà tưởng như trông thấy hình-ảnh cả tạo-vật sô lên đánh nhân-loại, mà nhân-loại cố ngăn lại, cầm lại, đoạt đi không được. Người ta chống lại cũng đã can-đảm thay, ra công gắng sức, có lúc tưởng mình đã dắc-thắng, nhưng là tại không nhìn xa đó mà thôi, không trông thấy tự đằng chân giời kia những đám sóng lớn đương kéo lại, sớm trưa tất phá-tan cả công-cuộc mình mà cuốn cả người mình đi nữa. Trong vũ-trụ này gồm biết bao nhiêu là thế-giới, cũng bềnh-bồng như sóng trên mặt bể, ta đứng giữa khác nào như bị muôn vàn giống sinh-vật bao-bọc ta, vây đánh ta, không

sommes-nous pas entourés, assaillis sans cesse par la multitude des êtres? La vie tourbillonne autour de nous, nous enveloppe, nous submerge : nous parlons d'immortalité, d'éternité; mais il n'y a d'éternel que ce qui est inépuisable, ce qui est assez aveugle et assez riche pour donner toujours sans mesure. Celui-là fait connaissance avec la mort qui apprend pour la première fois que ses forces ont une limite, qui se sent le besoin de se reposer, qui laisse tomber ses bras après le travail. La nature seule est assez infatigable pour être éternelle.

On a répété souvent que « rien n'est en vain ». Cela est vrai dans le détail. Un grain de blé est fait pour produire d'autres grains de blé. Nous ne concevons pas un champ qui ne serait pas fécond. Mais la nature en son ensemble n'est pas forcée d'être féconde : elle est le grand équilibre entre la vie et la mort. Peut-être sa plus haute poésie vient-elle de sa superbe stérilité. Un champ de blé ne vaut pas l'Océan. L'Océan, lui, ne travaille pas, ne produit pas, il s'agite ; il ne donne pas la vie, il la contient : ou plutôt il la donne et la retire avec la même indifférence ; il est le grand roulis éternel qui berce les êtres. Quand on regarde dans ses profondeurs, on y voit le fourmillement de la vie : il n'est pas une de ses gouttes d'eau qui n'ait ses habitants et tous se font la guerre les uns aux autres, se poursuivent, s'évitent, se dévorent ; qu'importe au tout, qu'importe au profond océan ces peuples que promènent au hasard ses flots amers ! Lui-même nous donne le spectacle d'une guerre, d'une lutte sans trêve : ses lames qui se brisent et dont la plus forte recouvre et entraîne la plus faible, nous représentent en raclúc nào ngơi. Cái sức sinh-hoạt nó cuồn-cuộn như gió lốc quanh mình ta, nó vây-bọc ta, nó chìm-đắm ta ; ta nói những sự vĩnh-viễn bất-diệt ; nhưng cái gì là cái vĩnh-viễn, trừ-phi cái gì vô-tận, cái gì vô-tri-thức, mà lại cực phong-phú, cứ vung ra không có hạn-lượng nào, thì cái ấy mới vĩnh-viễn được mà thôi. Người nào đã bắt đầu biết rằng cái sức của mình có hạn, đã thấy cần phải nghỉ-ngơi, sau khi lao-động đã phải sẵ tay xuống, là người ấy làm bạn với cái chết từ đấy vậy. Chỉ có tạo-vật mới vĩnh-viễn được, vì là không biết nhọc.

Người ta thường hay nói : « Thiên-địa-gian không gì là vô-dụng ». Cứ lấy cái tiểu-cục mà xét thì thật thế. Giời sinh ra một hạt thóc tốt để lại nảy-nở ra nhiều hạt thóc khác nữa, không ai nghĩ đến một cái ruộng mà không sinh-sản được gì. Nhưng lấy cái toàn-thể của tạo-vật mà xét thì tạo-vật có cần chi phải sinh-sản, tạo-vật là cái cân lớn để cân cái sống với cái chết vậy. Để cái phong-thú tối-cao của tạo-vật cũng là ở cái tính ngang-nhiên vô-dụng ấy mà ra. Như thế thì ruộng lúa không bằng bể khơi. Bể nó không làm gì không sinh-sản gì chỉ quay-cuồng mà thôi, nó không phát cái sinh-hoạt ra, nhưng nó chứa cái sinh-hoạt, hay là nói thế này mới phải, là nó vừa phát ra vừa thu lại, nó vô-tình như không; nó là cái sóng chao lớn, tự thiên-vạn-cổ vẫn đưa đẩy cho vạn-vật. Nhìn vào trong đáy bể thì thấy lúc-nhúc những giống sinh-vật; không có một giọt nước nào là không có giống ở, mà cái giống thì giống nọ đánh lẫn giống kia, đuổi nhau, tranh nhau, ăn thịt nhau, cứ theo làn sóng mặn-mà, trôi hoài đi, có hề chi cho cái cuộc lớn, cho cái bể sâu đâu. Chính cái bể ấy nữa cũng lại bầy cho ta cái cảnh-tượng một sự đánh nhau, tranh nhau không bao giờ cùng;

courci l'histoire des mondes, l'histoire de la terre et de l'humanité. C'est pour ainsi dire l'univers devenu transparent aux yeux. Cette tempête des eaux n'est que la continuation, la conséquence de la tempête des airs : n'est-ce pas le frisson des vents qui se communique à la mer ? A leur tour les ondes aériennes trouvent l'explication de leurs mouvements dans les ondulations de la lumière et de la chaleur. Si nos yeux pouvaient embrasser l'immensité de l'éther, nous ne verrions partout qu'un choc étourdissant de vagues, une lutte sans fin, parce qu'elle est sans raison, une guerre de tous contre tous. Rien qui ne soit entraîné dans ce tourbillon : la terre même, l'homme, l'intelligence humaine, tout cela ne peut nous offrir rien de fixe à quoi il nous soit possible de nous retenir, tout cela est emporté dans des ondulations plus lentes, mais non moins irrésistibles ; là aussi règne la guerre éternelle et le droit du plus fort. A mesure que je réfléchis, il me semble voir l'océan monter autour de moi, envahir tout, emporter tout : il me semble que je ne suis plus moi-même qu'un de ses flots, une des gouttes d'eau de ses flots ; que la terre a disparu, que l'homme a disparu, et qu'il ne reste plus que la nature avec ses ondulations sans fin, ses flux, ses reflux, les changements perpétuels de sa surface qui cachent sa profonde et monotone uniformité.

J. M. GUYAU

cái sóng nọ đập cái sóng kia, cái nào mạnh thì trùm thì lôi cái yếu đi, cảnh đó cũng đủ gồm được cho ta cả lịch-sử các thế-giới, lịch-sử của địa-cầu cùng lịch-sử nhân-loại ta vậy. Hình như cả vũ-trụ bỏng suốt ra cho mắt ta thấu được. Cái phong-ba dưới nước ấy cũng chỉ là kế-tiếp, là kết-quả cái phong-ba trên không mà thôi : chẳng phải gió rung động mà thành ra sóng bể ư? Đến như cái sóng trên không ấy nữa cũng là do những quang-ba nhiệt-ba chuyển-động mà thành ra. Giá thử mắt ta có thể gồm được cả không-giới mênh-mông, thì dễ đâu đâu cũng chỉ trông thấy những bóng sô nhau lộn bậy, đâu đâu cũng chỉ thấy đánh nhau vô-cùng là vì vô-lý, hết thảy mọi loài đánh lẫn-lộn nhau. Không gì là không bị cuốn vào trong phong-trào ấy : đến cái địa-cầu này, người ta, tài-trí ta, cũng không có gì là kiên-cố mà ta có thể nương-tựa vào được, đến những cái ấy cũng bị cuốn vào trong phong-ba, tuy chậm hơn mà cũng chẳng mạnh kém chút nào ; chốn này cũng là chốn cạnh-tranh tự thiên-vạn-cổ, cũng là chốn « ưu-thắng liệt-bại » vậy. Tôi càng ngẫm nghĩ thì càng hình như trông thấy mặt bể dàng lên quanh mình tôi, tràn khắp cả, cuốn sạch cả, hình như tôi cũng chỉ là một cái sóng bể thôi, một giọt nước trong sóng bể thôi ; hình như địa-cầu đã biến mất rồi, mà chỉ còn có cái cảnh-vật lưu-truyền vô-cùng, khi thăng khi giáng, trên mặt thì bao giờ cũng sóng đánh rộn-rịp mà dưới đáy vẫn phẳng-lặng như bao.

THƯỢNG-CHI.

* * *

Nhời bàn của người dịch. — Ngắm cái cảnh-tượng bể khơi đương khi sóng gió mà khái-niệm đến toàn-thể vũ-trụ, đến thân-phận người ta trong giời đất, tư-tưởng cũng đã kỳ thay mà văn-chương thực là tuyệt-sảo. Phi là tay triết-học văn-học đại-tài không làm nổi. GUYAU tiên-sinh thực là một tay văn-học triết-học đại-tài vậy. Tuy tuổi còn trẻ mà thanh-danh đã lừng-lẫy

trong toàn-quốc. Sự-nghiệp trước sau không đầy mươi lăm năm, đến năm 33 tuổi tiên-sinh mất, mà đã soạn được hơn mười pho sách, thổ-lộ hết cái tinh-hoa một bậc « thiếu-nên hiền-triết » trong thế-giới đời nay. Các sách của tiên-sinh toàn-thị một giọng như bài văn dịch trên này, hùng-hồn mà uyên-áo, thâm-thiết mà trước-minh, tư-tưởng rộng đến bao-hàm được cả vũ-trụ, văn-chương sâu đến diễn-xuất được cả cảnh-vật ; phải đọc ở nguyên-văn mới biết hết cái chỉ-thú, diễn ra nhời nôm mười phần không được một. Nhưng đã đành nhời văn không thể truyền-dịch được, mà ý-nghĩa có thể lý hội được. Nay cứ lấy nghĩa-lý bài trên kia mà bàn kỹ xem cái hay ở đâu, cho biết văn-chương tây hay vì cái gì, tưởng cũng là giúp được những người chưa sành văn tây biết cái tinh-thần văn tây thế nào vậy. Ngày nay văn-minh Âu-Á dung-hợp nhau, cái tinh-thần của văn tây tất thâu-nhập sang văn ta nhiều, dẫu những người thuần-cựu-học cũng phải nên biết cho khỏi nhận-nhầm. Muốn thấu được cái tinh-thần ấy, trước hết phải bỏ những ý-kiến riêng của mình về sự văn-chương, về nghề làm văn, vì những ý-kiến ấy tuy hợp với lối làm văn của Đông-phương ta, mà thực là trái với lối làm văn của Âu-châu. Âu-châu không vị văn mà trọng văn, nhưng vị cái tư-tưởng mà trọng văn. Người Tây không hề ngồi cầm bút mà nói : « ta làm bài văn chơi » bao giờ. Hạ bút viết là có ý-kiến, cái tư-tưởng gì, phải diễn-xuất, phải thuyết-minh ra, nên nhời văn vụ thế nào cho truyền-đạt được hết ý, không thừa không thiếu, không quá-đáng, không bất-cập ; thế là hay. Muốn chứng văn tây văn ta khác nhau thế nào, cứ xét ngay y-phục của hai giống thì đủ biết. Ta ăn-mặc quần là áo lượt, tha-thướt rườm-rà, sắc đỏ sắc xanh, hoa tròn hoa dẹp, khi bóng suốt như mình xa, khi chơn nuột như mình đoạn, khi nồi như áo gấm, khi hoa chim như áo lương, sán-lạn sặc-sỡ, ẩn-ước sâm-si, trông thiệt cũng vui mắt thay. Ấy văn-chương ta cũng một tinh-cách như thế, lấy sự hoa-mĩ làm hay. Đến như người Tây thì đông áo dạ hè áo vải, vụ lấy ấm mình, cốt lấy vệ-sinh, lấy khinh-tiện làm tốt, lấy gọn-ghẽ làm đẹp, lấy dịu-dàng phẳng-phẳu, không sặc-sỡ hoa hòe, khi đi khi đứng rõ cái thân-thể mạnh-mẽ, hình-dáng bảnh-bao, trông thiệt ra cái vẻ dũng-dược hoạt-bát. Ấy văn-chương tây cũng một tinh-cách như thế, lấy sự bình-dị làm hay, văn ta vụ hoa-mĩ nên hay có những lối điêu-chùng biền-ngẫu, thất tư-phiền ; văn tây vụ bình-dị nên chỉ chủ cho trực-đạt lưu-loát, đắc-ư-giản.

Nay thử đem cái đầu bài trên kia bảo một nhà văn-sĩ Tầu hay ta làm bài văn ta cảnh bể, tất múa bút viết được ngay mấy mươi tờ, nhời văn cuồn-cuộn như sóng cồn, mênh-mang như giời bể, đọc rung-rinh như ngồi chiếc thuyền trên mặt sóng vậy. Hay thì thiệt là hay, mà vị-tất đã có cái triết-lý cao-sâu, cái tư-tưởng rõi-rào như bài văn tây. Ấy hai lối văn-chương khác nhau như thế. Ước gì quốc-văn ta sau này điều-hòa được cái từ-chương của Tầu với cái triết-lý của Tây thì là văn-chương hoàn-toàn vậy.

Như bài trên kia là một đoạn trích trong một quyển sách ra, chớ không phải vốn là một bài văn như thế, vì người Âu-châu, trừ-phi các bài nhật-báo, bài tạp-chí, không có làm những mảnh văn con như thế bao giờ. Guyau tiên-sinh chủ xét về cái đạo xử-thế, muốn tìm xem người ta ở đời phải lấy cái gì làm phép-tắc trong đường ăn ở. Nhân bình-phẩm về các học-thuyết trước : có cái nói rằng tạo-vật vốn lành, như thế thì cứ theo nhẽ vật làm phép-

tắc, có cái nói rằng tạo-vật vốn ác, như thế thì cứ nên trái tạo-vật mà làm. Nhưng xét cho kỹ ra thì tạo-vật vốn vô-tình, không thiện mà cũng không ác, người ta muốn đi ngược hay muốn đi xuôi, muốn làm ngang hay muốn làm ngửa, có hề chi cho cái khối xanh xanh kia tự cổ-kim vẫn y-nhiên như vậy. Cho nên cái gốc luận-lý là ở lòng người mà thôi, chớ đem những công việc con con của người đời mà sánh với cái thế lớn của giời đất, mơ-tưởng rằng nhất-cử nhất-động của mình có ảnh-hưởng đến cái vũ-trụ mênh-mông kia, thiệt là cuồng lắm thay ! Đã xét đến cùng-lý thời không còn luận-lý nữa. Kia như cái bể lớn kia, thiệt là một cái kho sức mạnh vô-cùng vô-tận tự thiên-vạn-cổ vẫn sóng đánh dập-dềnh như thế, vẫn bát-ngát mênh-mông như thế, tưởng cái sức lực ấy dùng được việc gì chăng, ai ngờ thực là « ngang-nhiên vô-dụng » vậy. Trông cảnh-tượng ấy, ngẫm thân-phận này, mới biết người ta vô-lực là nhường nào, chẳng qua là một mảy vi-trần trong giời đất, một giọt nước mặn trong trăm nghìn ức triệu cái sóng đương sô đuổi nhau trên mặt bể. Con người ta là một giống « hữu-hạn » : sức mạnh kia có ngày yếu, tinh-thần kia có ngày suy, cả cái thân hữu-hình vô-hình này có ngày ra tro ra khói cả, mà tạo-vật vẫn cứ y-nhiên, nước bể vẫn cứ quay cuồng, chưa biết bao giờ là cùng-kiệt. Lấy cái hữu-hạn mà theo đuổi cái vô-hạn, nguy vậy thay ! Rồi mà khái-niệm lên, tưởng-tượng cả vũ-trụ cũng như hình-ảnh cái mặt bể đó mà thôi ; tưởng-tượng cả muôn vàn giống vật sinh-trưởng trong khoảng không vô-cực, cũng như thân mình ngồi trên bãi cát đó mà thôi ; mà thân mình đối với cái toàn-thể chẳng qua cũng như con vi-trùng trong giọt nước bể đó mà thôi ; mà muôn loài muôn giống tự bao giờ đến giờ cũng vẫn xô-sát nhau, cạnh-tranh nhau, tương-tàn tương-diệt nhau, như đám sóng chạy cuồng đó mà thôi ; rồi mà hoảng-nhiên tưởng như nước bể đã dâng lên tràn cả mặt đất rồi, mà mình thì bị cuốn vào trong làn sóng, trôi chảy đi, không biết tới đâu ! Ấy thân-phận người ta trong cảnh-vật như thế. Đáng thương mà đáng buồn thay ! Nhưng mà một cái tình-cảm trong lòng, một tư-tưởng trong trí, một cái ái-tình thành-thực chân-đốc, một sự cảm-động nhiệt-thành thâm-thiết, còn cao hơn, còn có giá-trị hơn cái mãnh-lực vô-dụng của tạo-vật biết bao nhiêu ! Quả tim của địa-cầu là cái bể lớn kia có động mà không có hi-vọng, chớ cái quả tim của người ta này, biết phấp-phỏng, biết thổn-thức, biết mơ-màng, mong-mỏi những sự tuyệt-phẩm cao-xa. Người ta cao hơn tạo-vật biết bao nhiêu ! Nhưng mà sự cao-thượng ấy là tự lòng người, vậy thì cái phép-tắc của đạo tu-thân xử-thế cũng phải tìm ở lòng người, không thể bằng ở cái tạo-vật vô-tình, cái thiên-lý hư-không được. — THƯỢNG-CHI.

THƠ CA LAI-CẢO

Một tấm cảm-tình

Ở trên thế-gian cái chi cũng đều là hư-ảo cả, duy có cái cảm-tình mới là thực mà thôi.

Bản-chí xuất-thế năm nay kể năm mới được là hai, tuổi còn thơ trẻ mà đã được vua yêu dân mến, thực cũng hân-hạnh lắm lắm. Lâu nay báo-giới trong Nam-kỳ đều cùng bản chí cùng biểu tấm cảm-tình. Báo Nam Việt Tế-gia (Journal de la famille Annamite) kỳ nào cũng đăng những yếu-mục của bản-chí lên báo để mách bảo đồng-bang.

Báo Quốc-dân diễn-đàn (*Tribune Indigène*) *cũng thường bàn-bạc khen-ngợi, báo* Nam-trung, *báo* Nông-cổ *cũng thỉnh-thoảng nói tới, Đại-Việt tập-chí cũng vậy, lại thường khi trích-lục những bài văn trong bản-chí đăng lại lên báo để truyền-bá đi cho rộng. Mà tờ* Nữ-giới-chung *kia lại có bụng âu-yếm ta một cách rất nồng-nàn, cái cảm-tình của các bạn đồng-nghiệp đối với bản-chí như thế, thực cũng đã sâu lắm vậy.*

Bản-chí tự xét lại mình thời hình như là có lỗi với các bạn tri âm, bởi xưa nay vẫn giữ một chủ-nghĩa nghiêm-nhặt không mặn mà tỏ-lộ ra ngoài. Thế nhưng cái lòng luyến-ái quốc-dân của bản-chí ở trong lúc nào cũng sốt-sắng chớ không có chút nào nguội-lạnh.

Mới đây bà Sương Nguyệt-Anh *là chủ-bút báo* Nữ-giới-chung, *và bà* Tây-Hiên *chánh-thất là trợ-bút báo ấy có gửi ra đăng vào bản-chí 2 bài thơ dịch thơ Ngự-tử Nam-phong và một bài vịnh; bản-chí lấy làm hoan-nghinh quá đỗi, xin cho đăng ngay vào báo.*

Trong bài vịnh ấy, hai bà lấy cái cảm-tình cao-thượng, lấy cái nhiệt-thành vô-hạn đối với quốc-dân mà đính-ước cùng ta kết-liên nhau để kẻ rung chuông *người thổi gió cho giời đất Mai-lãnh (Nam-kỳ) sông núi Nhị-Nùng (Bắc-kỳ) cây cỏ Hương-giang (Trung-kỳ) được một ngày một thêm xuân sắc. Bản-chí há chẳng lại châm hương mà cầu-khẩn thêm sao? Nhân đăng bài ấy gọi vài lời tỏ với các bạn tri-âm rằng: Lòng đây lòng đấy, cũng thế mà thôi, vị nước, nào lo thiên-địa phụ cùng nhau ta gắng bước chân lên, quốc-gia vận-mệnh còn bền, quốc-dân hạnh-phúc muôn nghìn còn to.*

NAM-PHONG

* * *

Gió *Nam-phong*, chuôn (1) *Nữ-giới*;
Hò-hét cùng nhau kẻ một nơi;
Kẻ trước tới, người sau tới,
Tới cho đến được cõi bờ văn-minh;
Trước anh chị, (2) sau em út, (3)
Gió thổi *chuôn* rung mối phong-lục;
Lời châu ngọc, giọng thanh-tao,
Ngoài đó trong ny (4) có khác sao?
Anh Quỳnh, (5) Trác (6) chị Kim, (7) Bồng, (8)
Xin giúp chúng tôi cõi Nam-châu! (9)
Gò Mai-lãnh, (10) nước Nhĩ-hà,
Nước nước non non ta với ta.
Nước đá trong, non còn xanh,
Vàng đá đồng-tâm chuyện dành dành.
Biểu-đồng-tình, tình huynh-đệ, (11)
Tây-Hiên chánh-thất (12) với Nguyệt-Anh, (13)
Xin phê-bình, chớ phụ rẫy,
Gởi gió xa đưa một vịnh nầy.

* * *

Vịnh nầy gởi tó báo Nam-phong;
Ngoài đó trong ny cũng một lòng.
Cây cỏ mặc dầu cây cỏ mới,
Nước non còn đó nước non chung,
Long-giang (14) dọt nước theo làn bể,
Viên-lãnh (15) tàn (16) cây đở gió đông.
Ba cõi thổi, khua cùng sớm tối;
Khua chuôn, thổi gió, khắp trời đông.

SƯƠNG NGUYỆT-ANH

---

(1) *Chuôn* tiếng Bắc-kỳ gọi là *chuông*. (2) Anh chị ý nói các báo ra trước. (3) Em út ý nói báo Nữ-giới-chung sinh sau thời là em út (lời nói nhún). (4) *Ny* tiếng Bắc-kỳ nói là *này*. (5) Anh Quỳnh là ông Phạm Quỳnh. (6) Trác là ông Nguyễn Bá-Trác (7) Chị Kim là cô Nguyễn Song-Kim. (8) Bồng là cô Nguyễn Thị-Bồng. (9) Nam-châu tức là Nam-kỳ lục-tỉnh. (10) Mai-lãnh ở Nam-kỳ. (11. Câu này ý nói cùng nhau biểu-đồng-tình làm anh em ruột-thịt. (12) Tây-hiên chánh-thất là Nguyễn Dư-Hoài phu-nhân trợ-bút Nữ-báo. (13 Sương Nguyễn-Anh chủ-bút Nữ-giới-chung. (14 Long-giang tức là Cửu-long-giang (sông Mé-kông) thuộc về Nam-kỳ. (5 Viên-lãnh tức là Tản-Viên sơn thuộc tỉnh Sơn-tây Bắc-kỳ. (16) Tàn cây tức ngoài Bắc gọi là Tán cây, cây bà-soà ra như cái tàn.

Hựu-chu. — Bài này những người Bắc-kỳ ta xem thời tựa hồ như là không hay mà nếu không chú-thích thời dễ thường có người vừa xem vừa cười. Song le mỗi xứ có riêng một lối văn, có ai là người bác thông thời mới rõ được. Cứ như trong Nam-kỳ thế thời là hay rồi đo. Bà Sương Nguyệt-Anh xưa nay ở trong Lục-tỉnh thường gọi là bà Đoàn Thị-Điểm đất Nam-trung.

Khuyên người hóng gió

I

Báo Nam-phong,
Giải cơn nồng ;
Chuông khua đất bắc,
Sấm dậy bể đông ;
Giời Nam trong ba xứ,
Gió mát một luồng chung,
Văn-chương lựa lối phổ-thông,
Học-thuật theo nghĩa thời-chung.
Luồng ngay lối thẳng.
Cờ phất được dong.
Thơ vua ban vẽ gấm hồng,
Tiếng thơm bay khắp ngoài trong.
Gió báo sau này mong thịnh-vượng,
Năm châu khua động khắp non sông.

II

Nơi cỏ nội,
Chốn lầu hồng,
Đứng hóng gió ;
Hỡi hỡi các ông,
Cùng giống Lạc-Hồng.
Nghìn năm mê-mẩn mãi,
Giấc ngủ suối đêm đông,
Dậy mà trông,
Giời đã rạng đông,
Gió Âu mưa Mỹ dùng-dùng,
Người đang gội tắm ta đứng không,
Trông mặt non sông lại thẹn-thùng.

III

Nay này
Người khắp các vùng,
Uống nước một dòng,
Ta yêu nhau cùng, bảo nhau cùng.
Học khôn học khéo,
Cùng sức cùng lòng,
Nghĩ sao tỏ mày mặt,
Nghĩ sao dạng tổ-tông,
Nghĩ sao văn-minh theo các nước,
Nghĩ sao báo-đáp ơn cửu-trùng ;
Thế mới là con tiên cháu rồng,
Thế càng nức tiếng báo vô-cùng.

Tú-tài ĐẶNG XUÂN-PHƯƠNG

Mừng Nam-phong

Gió không tiếng, ầm-ào khắp núi sông, không tiếng mà có tiếng. Gió không hình, truyền-động được cây cỏ, không hình mà có hình. Người ta không trông thấy sờ thấy gió mà gió mát người cách tự-nhiên ; nói hay nói phải không ép người nghe bắt người theo mà tự-nhiên thấm-thía. Vậy thì báo hay ví như gió mát hóa người cách vô-hình. Báo gọi báo Nam-phong thật xứng đáng tên Báo, tên Báo hay như vậy, công-hiệu báo thực cũng phỉ-danh.

Xem báo Nam-phong giở số 12, mới biết báo chẵn hai tuổi. Hai tuổi cũng chẳng là non nớt, đã sấp-sỉ vào kỳ thiếu-niên. Có câu rằng : *Lão ô bách-thế bất như phượng-hoàng sơ-sinh.* Nam-phong thật là chim phượng-hoàng, mới đẻ cũng quí, nữa là trải bao nhiêu công-phu khó nhọc được có tuần lên hai. Sinh báo Nam-phong, ý giời thương cõi Viêm-bang nóng-nực đã lâu, mượn tay đức Toàn-quyền Xa-Lộ cùng Kim Thượng ta cho dựng báo ấy để giải nồng. Trình-độ rộng-rãi, hi-vọng to tát, trách-nhiệm nhớn-nhao, báo Nam phong há chẳng tự mừng tự trọng. Sao cho ngày càng như gấm như vóc như hoa như vẽ, trình-độ càng ngày càng rộng-rãi, hi-vọng càng ngày càng to tát, trách-nhiệm càng ngày càng nhớn-nhao. Trình-độ báo, hi-vọng báo, tư-tưởng báo cùng tuổi báo mỗi ngày mỗi nhớn, mỗi nhớn mỗi hay mỗi khôn. Dù trăm tuổi nghìn tuổi muôn tuổi vẫn cùng giang-sơn cùng trẻ dai. Ta mừng báo, mừng tuổi báo, mừng cả đồng-nhân báo, không phải mừng tính năm thêm tuổi, tính tuổi làm mừng. Báo này bao tuổi báo già, càng già càng dẻo càng dai, chứ há có phải thêm tuổi trông già, già mà cọc, thế thì ta mừng mà chi, ai mừng mà chi ?

Ta mừng nay, mừng mà vô-hạn cảm-tình, vô-hạn hi-vọng, bất-dắc dĩ ra câu chúc như sau này :

Nam-phong vạn vạn tuế !

Hữu-thử hệ với nhân-quần. Đường khai-hóa, nghĩa bảo-hộ, đạo quân-thần. Trách-vụ ấy rõ muôn phần trọng-yếu. *Báo phủ nhị-chu niên thượng thiếu,* 報甫二週年尚少。*phong thanh tứ-hải vật giai xuân,* 風清四海物皆春. Miễn không phụ sợi tơ vạc Hán, ngọn bút kinh Lân. Nhời thỉnh-dụ đã ân-cần phó-thác. Gió thổi khắp kỳ Trung, Nam, Bắc,

đâu đâu đều giậy khúc Nam-huân. Văn-minh nọi bước dần dần !

PHẠM XUÂN-NỤNG

Mừng báo Nam-phong

Mừng ngày kỷ-niệm báo *Nam-phong*,
Xuất hiện đầy niên chốn Nhị-Nùng.
Bể học tung hoành ngòi bút sắt,
Rừng văn lừng lẫy tiếng chuông đồng.
Mở đường tiến-bộ giời đông Á,
Gieo giống văn-minh đất Lạc-hồng
Giấc mộng nghìn thu cơn gió thoảng,
Tiên Rồng cho đáng mặt Tiên Rồng.

VŨ ĐÌNH-LONG

Thương mình

(Trông thấy ảnh mình mà thương)

Chẳng béo mà ra cũng chẳng gầy,
Ỡm-ờ như dại lại như ngây.
Nước non lụt-lội thân chìm nổi,
Nhà cửa hoang-tàn nỗi đắng cay.
Ba vạn ngày hơn còn trán đó,
Hai mươi năm lẻ mới là đây.
Nghĩ ta ta gớm cho ta thật,
Cõi thế nào mong lại có rầy.

Gửi cho bạn má hồng

Tấp-tểnh mong quan những đứng ngồi,
Lần bà khó lắm hỡi em ôi.
Học hành tiếng Pháp không theo nữa,
Thi cử nghề Nho đã bỏ rồi.
Hồ phận đã sinh thời buổi khó,
Mà giời lại phú tính hay chơi.
Thôi thì sớm liệu tìm nơi khác,
Mong-mỏi anh chi lại nhỡ thời.

Chơi Sầm-sơn

(紅粉青山)

Non xanh một giải nước bao-la,
Non cũng non ta nước nước nhà.
Phong-cảnh chạnh ngày lòng tráng-sĩ,
Cỏ hoa thêm vẻ khách quần-thoa.
Mối tình chòm đá răm làu sóng,
Câu chuyện con thuyền một khúc ca.
Thú ấy giá như mà sẵn có,
Ta chơi cho mãi đến khi già.

Than sầu

Mít-đặc ngay đi lại hóa hay,
Chuyện đời càng biết lại càng cay.
Chẳng ngờ họ lại ra như thế.
Nào tưởng ta đâu đến nỗi này.
Thành-thị vẫn lai ai đó tá,
Non sông quanh-quất ấy là đây.
Phường tuồng mũ áo coi hay nhỉ,
Cuộc thế khen cho khéo đặt bầy.

Đêm buồn

Đêm thu bảng-lảng bóng giăng mờ,
Nghĩ chuyện xa gần luống ngẩn-ngơ.
Thói tục ra chi mà chẳng chán,
Nỗi mình nói đến lại thêm dơ.
Thì thi cử cử thôi thì sếp,
Á á Âu âu nếu có ngờ.
Dằn-dọc canh khuya khôn chớp mắt,
Đàn đàu dìu dặt mấy giây tơ.

Vị-giang TRẦN TẤT-ĐẠT

Vịnh Mị-châu

Tình hiếu hai bên thật một lòng,
Nhẹ tin nguyền-ước phụ non sông.
Cùng đường mất nước đôi hàng lệ,
Rước giặc lừa cha một nắm lông.
Chết nỗi xách con mang gả giặc !
Trách sao nên gái quá nghe chồng !
Thôi thôi vận Thục hồi đen bĩ,
Phận bạc cơn chi tội má hồng.

Đề truyện Kiều

Sang đến nhà VIÊN cũng cướp a,
Phủ-quan chẳng nể cụ VIÊN à.
KIM không được giấy về tang chú,
Kiều dễ băng mình chuộc tội cha.
Những bước nguyệt trêu người phấn đại,
Buồn đô giời hậu đứa giăng hoa.
Nước đời tình-lý duy tiền của,
Thu sếp ơn chi chú Lại già.

HỮU-TỒ

Bài vô-đề

Giòng dõi ta nay giống Lạc-Hồng,
Anh em này có biết hay không ?
Đã sinh tại mắt trong giời đất,
Phải giữ cương-thường nối tổ tông.

Hoa thắm nhị tươi vì gốc chặt,
Cành khô lá héo bởi cây long.
Bây giờ vun-tưới bằng chi nhỉ,
Chỉ tại yêu nhau một tấm lòng.

Thái-Bình PHẠM XÁN-PHÁI

Ngày kỷ-niệm mồng 2 tháng 5

I

Đâu năm mồng một cuối ba mươi,
Ngày tháng mua vui dạt hỗi ôi!
Riêng hai khai-hạ rồi xuân-tế,
Dân-thôn đình-đám mải ăn chơi.
Tháng ba thanh-minh đi tảo-mộ,
Mồng ba hàn-thực làm bánh trôi.
Tháng tư vợi, ngựa lễ cầu mát,
Tháng năm Đoan-ngũ gần tới nơi,
Tháng sáu xuống đồng lễ tiên-nông,
Tháng bảy đốt mã trung-nguyên rồi,
Ngoạn nguyệt trung-thu dằm tháng tám,
Trùng-cửu trùng-thập tháng chín, mười,
Tháng một hãi còn tiết đông-chí,
Tháng chạp ông Táo lên trầu giời;
Trừ-tịch vừa xong nguyên-đán tới,
Quanh năm tết-nhất rõ buồn cười,
Tứ-thời bát-tiết tính còn mỏi,
Hội hè khánh điếu kể càng dài,
Chữ rằng lễ-nghĩa do hiền-giả,
Hay giở không ai bảo được ai,
Kính chẳng bỏ phiền xin nhắc lại,
Thêm bớt khuyên nhau đỡ một hai,
Tính gì mà thương người chết cháy,
Ăn gì mà nhớ Giới-chi-Thôi,
Quan Ôn quyền dâu mà hành-khiển
Địa-ngục tội dâu mà tha hoài,
Đăng-cao thủ gì ngày trùng-cửu,
Ông Táo tâu sao hết truyện người
Rồi hỏi nghĩ đi rồi nghĩ lại,
Ăn ở có đầu nên có đuôi,
Khi trước người Tầu đương bảo-hộ,
Bây giờ dân-trí mới bán-khai,
Ơn cụ Tích, Nhâm ghi tấc giạ,
Lời ông Khổng, Mạnh rõ vào tai,
Làm bạn cũng mong được học bạn,
Ở đời đừng quản phải chiều đời,
Ngày nay ngô-hoàng ban kỷ-niệm
Là ngày thánh tổ mới lên ngôi,
Gây dựng cơ-đồ từng khó nhọc,
Mở-mang bờ cõi khắp trong ngoài,
Mười niên Lê-tổ so còn kém,
Một thống Đinh-Tiên kể chửa tài,
Đốt hương đọc hết nhời Dụ-chỉ,
Nửa mừng nửa cảm chép một bài,
Cuộc vui nọ phải đàn cùng sáo,
Chén thọ sa dâng tuyết với mai,
Cố sức học hành hòng mở mặt,
Đem lòng trung hiếu gánh hai vai,
Bát cơm tấm áo còn no ấm,
Non nước muôn năm vẫn nhớ ngài.

II

Kéo cờ kỉ-niệm đức Cao-hoàng,
Già trẻ gần xa được vẻ-vang.
Non nước còn ghi công tái-tạo,
Tháng ngày như tạc lúc đăng-quang.
Thanh gươm quốc-bảo chuyền muôn kiếp,
Hai chữ Gia-long khắp bốn phương.
Đình đám của ta ta phải nhớ,
Cách ba hôm nữa tết Đoan-dương.

Tú-tài ĐOÀN-KỲ

Mừng ngự-giá Bắc-tuần

Bừng-bừng hơi giậy gió Nam-hòa,
Ngự tới xuân vừa tiết tháng ba.
Điềm ứng năm mây rồng sáng vẻ
Ơn đầm hai nước nhạn yên nhà.
Non sông rực-rỡ in lầu gấm,
Đào-lý đua tươi mấy viện hoa.
Cõi Hán triều-nghi nay lại thấy.
Thái-bình may gặp buổi chưa già

NGUYỄN VAN-TUẤN

Dịch nôm bài lưu-giản khi ăn yến của quan hộ-giá đại-thần Liên-đình Bá-tước

Vừa tế giao xong Ngự-giá ra,
Long-thành ban yến khắp gần xa.
Trong ngoài đều đội ơn Thiên-tử,
Gặp gỡ may cho bọn chúng ta.
Âu á giao-thông phong-hội mới,
Bắc nam xum-họp nước non nhà.
Mấy nhời chuốc chén ân-cần nhủ,
Trung hiếu khuyên nhau giữ đến già

Đề sách chép tục-ngữ

Quốc-túy nghìn năm giữ được còn,
Cũng nhờ vì có tiếng phương-ngôn.
Biết bao những giọng cười cười khóc,
Đề mãi làm gương dại dại khôn.
Mượn bút ghi truyền câu ngạn-ngữ,
Xoi đèn như giạng cái thần-hồn.
Hỡi ai con cháu nhà Hồng-Lạc,
Tỉnh lại nghe nhời dậy Tổ tôn.

Nghĩa-viên NGUYỄN VĂN-ĐÀO

Mừng báo

Cha giời mẹ đất để và nuôi,
Anh báo Nam-phong mới tuổi tôi.
Mưa móc Lạc-Hồng rào uống sữa,
Nước non Rực-Trần nặng kề vai.
Bòn phương người mến lòng khai-hóa
Chín-bệ vua yêu nết phu-tài.
Mát mặt mừng nhau ghi tính đọt,
Bước lên bầy tám chín mười mươi.

HOÀNG XUÂN-SƠN

Những bài dịch thơ Ngự-tứ vẫn còn tiếp được nhiều lắm, sau sẽ đăng; song xin các ngài từ nay đừng gửi nữa, vì tháng này là hết hạn, bản-báo định thôi không thu của ai cả.

Trúc-đầu mộc-tiết

竹 頭 木 屑

— Người quân-tử hơn người nhất là ở chỗ hư-tâm (TÀN-QUỐC-PHIÊN).

— Dùng cái hay của người ta mà bỏ cái giở đi cho người, chứ bắt-tắt bỏ cái hay của người mà dùng cái giở (HỒ VĂN-TRUNG).

Thế-giới là một nhà học lớn, hoạn-nạn là một ông thầy hay.

— Bọn ta muốn làm đại-sự-nghiệp phải ở lúc thanh-niên.

- Phường ngu chỉ biết lỗi người mà không tự biết lỗi mình (*cách-ngôn Tây*)

MÂN-CHÂU thuật

TIỂU-THUYẾT

Hồng-Ngọc

(Dịch *Liêu-trai*)

Phùng-ông người Quảng-bình, có một con giai tên là Tương-như, vốn con nhà học-trò.

Phùng-ông khi ấy đã gần sáu mươi tuổi, mà tinh-khí cường-ngạnh, nhà vốn nghèo-kiết; trong mấy năm giời, vợ và con dâu đều chết luôn mất cả, công việc bếp nước trong nhà hai cha con đều phải làm lấy.

Một đêm kia, Phùng-sinh (Tương-Như) ngồi chơi dưới bóng giang, chợt thấy người con gái bên láng-diềng qua tường ngó sang. Phùng-sinh trông thấy đẹp, bước tới gần, thấy mỉn cười, lấy tay vẫy, thì người con gái chẳng bước tới cũng chẳng bước đi. Phùng-sinh cố mời sang, cùng rủ nhau vào nhà trong tự-tình, hỏi họ tên, người con gái nói:

Thiếp tên là Hồng-ngọc, ở bên láng diềng này.

Phùng-sinh rất yêu-mến, bèn cùng hòa-duyên đính-ước, người con gái xin vàng, từ đấy cứ đêm nào cũng đi lại với nhau, ước chừng được nửa năm giời.

Một đêm Phùng-ông thức giấc dậy, nghe nhà trong có tiếng cười nói, sẽ bước vào xem, thấy có người con gái, ông nổi giận, gọi Phùng-sinh ra, mắng rằng:

— Đồ súc-sinh kia, sao mày hư thế? nhà đã sa-sút thế này, mà mày không chịu khó học-hành, lại học những thói dâm-đãng. Người ta biết ra thì cho mày là con nhà thất-đức; người ta không biết ra, thì cũng là tổn-thọ cho mày.

Phùng-sinh quì lạy, kêu khóc xin chừa, ông bèn mắng người con gái rằng:

— Sao con nhà khuê-các không biết giữ nết-na, đã làm điếm-nhục mình, lại làm điếm-nhục cả đến người, nếu lộ-truyện ra thì chẳng để nhơ-nhuốc cho nhà ta ư?

Ông mắng rồi, lui ra đi nghỉ, Hồng-ngọc rỏ nước mắt nói rằng:

— Nay tôi bị quở-trách, xấu-hổ vô-chừng, thôi nhân-duyên đôi ta, đến thế là hết!

Phùng-sinh nói:

— Ta trên còn có cha, nên không dám tự-chuyên. Nàng nếu có tình yêu ta, thì hãy xin chịu khó nhẫn-nhục vậy.

Nhưng Hồng-ngọc cố-tình quyết-biệt. Phùng-sinh rỏ nước mắt khóc. Hồng-ngọc lại khuyên bảo rằng:

— Chàng ơi! Thiếp với chàng, không có lời mối-lái, không được mệnh cha mẹ, mà chỉ qua tường cất lên với nhau, sao hay ăn ở với nhau đến bạc đầu được. Thiếp nghe ở dàng kia có một người con gái đẹp, chàng nên hỏi mà lấy thì hơn.

Phùng-sinh ngại rằng nhà mình nghèo, không lấy tiền đâu mà cưới được. Hồng-ngọc nói:

— Tối mai xin đợi, thiếp sẽ lo-liệu hộ chàng.

Tối hôm sau quả-nhiên Hồng-ngọc lại đến, đưa ra 40 lạng bạc tặng Phùng-sinh nói rằng:

— Ngô-thôn ở gần đây độ sáu mươi dặm đường, có con gái nhà họ Vệ, mới mười tám tuổi, chỉ vì cao-giá, nên chưa đắt chồng, nếu chàng đem trọng-lễ đến hỏi thì hẳn là được.

Hồng-ngọc nói rồi từ giở ra về. Phùng-sinh nhân lúc thừa-nhàn thưa

truyện với cha, xin đi xem mặt; nhưng món tiền của nàng Hồng-ngọc tặng, vẫn không dám nói cho cha biết. Phùng-ông nghĩ rằng nhà mình không sẵn tiền lấy đâu mà cưới, ngăn bảo con thôi đi. Phùngsinh cứ nằn-nì xin đến hỏi thử xem. Phùng-ông cũng chiều ý. Phùng-sinh bèn mượn đầy-tớ xe ngựa đến nhà họ Vệ. Họ Vệ vốn là nông-gia, Phùng-sinh đến thưa truyện với Vệ-ông, Vệ-ông biết Phùng-sinh là con nhà vọng-tộc, lại trông thấy phong-độ hiên-ngang, trong bụng cũng thuận, nhưng chỉ lo rằng kém tiền; Phùng-sinh nghe ý Vệ nói hãy còn hàm-hồ, bèn giở túi bạc ra bày lên trên án. Vệ cả mừng, liền mời người học-trò bên láng-diềng sang để nhờ viết giấy đính-ước. Phùng-sinh vào nhà trong chào mẹ vợ, vì nhà chật-hẹp, người con gái vẫn ngồi nấp đằng sau mẹ; Phùng-sinh liếc mắt nom thấy bộ ăn mặc dẫu là áo vải xiêm gai, mà tinh-thần tuyệt đẹp; trong bụng cả mừng, nói xin cưới. Vệ đáp rằng:

Công-tử không cần phải đến thân-nghinh, xin để sắm-sửa xiêm áo nữ-trang rồi sẽ đưa đến. Phùng-sinh đính-hẹn rồi giở về.

Khi về tới nhà nói với Phùng-ông rằng họ Vệ yêu-mến nhà mình thanh-bạch cũng không có thách tiền cưới xin gì cả. Phùng-ông cũng lấy làm mừng.

Thấm-thoắt tới kỳ, họ Vệ quả-nhiên đưa người con gái đến. Người con gái cần-kiệm nết-na thuận-hòa, lấy Phùng-sinh được hơn hai năm, vợ chồng vẫn đàn-hòa vui-vẻ, sinh được đứa con đặt tên là Phúc-nhi.

Một hôm gặp tiết Thanh-minh. Vệ-nữ ẵm con tảo-mộ. Hôm ấy có ông quan trong làng là Tống-thị, trước làm Ngự-sử, bị tham-tang phải cách về ở nhà vẫn thường ra oai hống-hách trong làng, hôm ấy cũng đi tảo-mộ trở về, trông thấy Vệ-nữ đẹp, hỏi dò người làng, biết là vợ Phùng-sinh, song nghĩ họ Phùng là nhà bần-sĩ, giả-thử dỗ-dành cho nhiều của thì có thể lấy được, Bèn sai gia-nhân đến thử-ý dỗ-dành. Phùng-sinh chợt nghe nói nổi giận bừng-bừng, nhưng liệu thế mình không địch nổi, phải gượng cười làm tươi; về nhà thuật truyện lại cho Phùng-ông biết.

Phùng-ông nổi giận, chạy ra, trỏ giời vạch đất, chửi mắng lũ gia-nhân cực-kỳ xỉ-nhục. Lũ gia-nhân bẽ mặt phải giở ra về. Tống-thị thấy thế nổi giận, lại sai gia-nhân áp-đảo đến nhà Phùng đánh cha con Phùng-ông, la-thét ầm-ào, Vệ-nữ ở nhà trong, vội-vàng đặt con ở giường, xòa tóc chạy kêu làng nước cứu-viện. Lũ gia-nhân xúm lại kéo mang đi mất.

Cha con Phùng bị thương đau lắm, rền-rĩ nằm lăn dưới đất, còn đứa bé con thì oa-oa khóc ở trong giường. Người láng-diềng ai cũng thương-sót chạy lại đỡ cha con Phùng lên trên giường. Và hôm sau; Phùng-sinh đã đỡ đau, nhưng còn phải chống gậy mới đứng dậy được. Phùng-ông tức-giận quá, không ăn, thổ ra huyết mà chết.

Phùng-sinh thương khóc vô-cùng, ôm con đi kiện, đã mấy lần thưa đến quan Đốc-phủ, mà cũng không kiện nổi, sau nghe tin Vệ-nữ không chịu khuất mà chết, lại càng thương-xót lắm, oan-ức không biết kêu vào đâu. Toan muốn đi đón đường để đâm chết Tống-thị, nhưng lại sợ hắn đầy-tớ theo hầu đông, và không biết gửi con cho ai mà đi được; ngày đêm thương khóc, không chợp mắt lúc nào.

Chợt thấy một người trượng-phu rậm râu cao lớn vào nhà hỏi thăm, mà xưa nay chưa từng quen biết bao giờ. Phùng-sinh mời ngồi, muốn hỏi quê-quán thì người khách đã hỏi trước rằng:

— Ngươi có kẻ thù giết cha, cướp vợ, mà dã quên rồi hay sao?

Phùng-sinh ngờ là người của Tống-thị cho đến do-thám, mới giả lờ là quên. Khách cả giận, trợn ngược mắt lên, bước quay ra mắng rằng :

— Ta tưởng ngươi là giống người, chớ không ngờ là đứa bèn-mạt !

Phùng-sinh thấy là người lạ, vội vàng quì xuống nắm lại thưa rằng :

– Tôi sơ là người của Tống-thị, sai đến thử tôi. Nếu không phải thì tôi xin thổ-lộ tâm-phúc, tôi nằm gai nếm mật, căm giận kẻ thù, đã bấy lâu nay, chỉ thương vì đứa con đỏ trong bọc này, sợ rằng sa-sút mất tôn-diêu, nếu ông đã là người nghĩa-sĩ liều chết được như Chử-Cữu mà cứu lấy cha con tôi chăng ?

Khách nói :

— Những việc đàn-bà, con-gái, thì ta không làm được, chứ như việc ngươi muốn nhờ người, thì ngươi cứ nhận lấy trách-nhậm ấy ; còn cái việc ngươi muốn tự-nhận thì để ta giúp hộ cho.

Phùng-sinh nghe nói, vội-vàng lạy rập đầu xuống đất, người khách không đoái lại nữa, lui giở ra. Sinh theo hỏi họ tên, thì người khách đáp lại rằng :

— Nếu không xong việc thì cũng mang oán, bằng mà xong ra, ta cũng không cần lấy ơn [1].

Nói rất nhời liền đi, Phùng sinh sợ mắc tai vạ, ôm con đi trốn

Đêm hôm ấy, có người treo qua hai ba lần tường vào nhà Tống-thị, giết chết ba cha con Tống ngự-sử, và một đứa ở gái, một con dâu. Nhà Tống-thị dâu đơn thưa quan, đồ diệt cho là Phùng-sinh giết. Quan sai lại-dịch đi bắt Phùng-sinh. Sinh trốn biệt mất, không biết đi đâu, bởi thế lại càng thêm nghi-tình. Người nhà họ Tống và lại-dịch đi dò-la khắp các nơi ; đương đêm vào đến Nam-sơn, nghe trong núi có tiếng trẻ khóc, theo vào bắt được Phùng-sinh, trói đem ra ; đứa trẻ lại càng khóc hết mãi lên, chúng xúm lại giật lấy đứa bé quăng bỏ. Phùng-sinh bị oan ức, giận ngất người đi. Chúng điệu về trình quan Huyện. Quan hỏi :

- Sao mày dám giết người ta ?

Phùng-sinh thưa :

— Thực quả là oan, đêm hôm Tống-thị chết, thì ban ngày hôm ấy tôi đã ôm con tôi đi vắng rồi. Vả lại ẵm đứa bé khóc oa-oa lên, thì tài nào trèo qua tường vào mà giết người được.

— Không giết người, làm sao lại đi trốn ?

Phùng-sinh không cãi sao được nữa quan truyền tống-giam. Phùng-sinh khóc kêu rằng :

Tôi chết cũng không tiếc gì, chỉ thương đứa trẻ con bồ-côi kia, nó có tội gì mà vứt nó đi.

Quan nói :

Mày giết mấy mạng con người ta, nếu con mày chết, cũng chẳng nên oán-hận điều gì nữa.

Một đêm kia, quan huyện đương nằm ngủ, chợt nghe có một vật gì đến gõ vào giường nằm, quan sợ giật mình kêu rầm lên, cả nhà đều thức dậy, đánh đuốc soi tìm thấy một con dao ngắn, lưỡi sắc như gươm, bám vào đầu giường ngập hơn một tấc, rút ra không được, quan trông thấy sợ mất vía, sai tìm khắp các nơi, thì không thấy tăng tích gì cả. Bụng đã sinh chợn, sau nghĩ đến truyện họ Tống chết, cũng không sợ gì nữa, bèn thân-trình lên quan trên, xin tha cho Phùng-sinh.

---

1 Ôi ! xưa nay những người thực nhiệm-hiệp thời chỉ mong giúp được người là thoả chí nào có mong giúp người mà lấy ơn. Đời này giờ có kẻ mượn tiếng hiệp, kẻ vào việc người một tí đã kể ơn rồi, quấy vào việc người một tí, đã tưởng thế là làm được ơn rồi, đòi người ta sự nọ hạch người ta sự kia bảo phải đền lại cái ơn vô-cùng ấy, thực đáng bật cười thay ! Bọn ta muốn sẵn lòng làm ơn, dù làm được ơn to cho người thực, cũng không nên cầy ơn mà học cái đạo như những bỉ bỉ xưa đi. Lạch người được ơn ta phải báo-thường ta

Ái-Hoa-Đài *chủ-nhân phê-bình* .

Sinh được tha về, cùng-cực không còn có lưng cơm thưng gạo nào cả, chỉ có một mình một bóng mà thôi. May nhờ người láng-diềng thương hại đưa cho ăn uống, cũng gọi là tạm đỡ qua ngày, chợt nghĩ đến nỗi tai vạ thảm-cực, xuýt nữa sa-sút mất cửa nhà, thì giọt lệ lại đầm-đìa như tưới, lúc lại thương hại cho mình đã nửa đời người nghèo-ngặt, chửa nối dõi được tông-chi, thường thở-than khóc-lóc một mình, mà không thể nguôi đi được.

Thấm-thoắt được nửa năm giời, việc nã-phạm cũng nguôi dần đi, Phùng-sinh bèn kêu quan Huyện xin phán-giả hài-cốt Vệ-thị, Phùng-sinh đưa về liệm-táng xong, thương-khóc ngất đi, dẫn-dọc trên giường, không thể sống được nữa, chợt nghe có tiếng gõ cửa, lắng tai nghe thì thấy có tiếng người ở ngoài cửa, thì-thầm nói với đứa bé con ; Phùng-sinh kíp đứng dậy dòm, thấy có bóng người con gái, mở cửa ra xem, thì người con gái liền hỏi rằng :

— Nỗi oan đã rửa sạch rồi, may cũng không can sao chứ ?

Phùng-sinh nghe tiếng quen quen mà thẳng-thốt chưa biết là ai, đốt đèn lên xem thì ra nàng Hồng-ngọc ; bèn nách ẵm một đứa bé con, hi-hởn đùa cười. Phùng-sinh chưa kịp hỏi gì cả, nắm ngay lấy đứa con khóc oà lên, đứa con cũng buồn rầu, nàng bèn bảo đứa con rằng :

— Mày quên cha mày rồi ư ?

Đứa con nắm lấy áo người con gái, mắt trừng-trừng trông Phùng-sinh. Sinh nhìn kỹ xem thì là Phúc-nhi, cả kinh, khóc hỏi rằng :

— Tìm thấy con ở đâu ?

Người con gái đáp :

— Nay thiếp xin nói thực cùng chàng, người con gái láng-diềng ngày trước cũng là thiếp, mà thiếp thực là bồ-tinh, nhân đêm trước đi chơi, nghe tiếng trẻ khóc ở trong hang, mới ôm nó về nuôi ; đến bây giờ nghe đại-nạn đã yên rồi, mới ẵm nó lại đây để cùng chàng đoàn-tụ vậy.

Phùng-sinh gạt nước mắt vái lạ. Đứa bé con vẫn ngồi lòng người con gái, như là ôm-ấp lấy mẹ, không biết nhận đến cha nữa.

Giời gần sáng, người con gái vội-vàng đứng dậy, Sinh hỏi, đáp rằng :

— Thiếp xin từ-biệt mà đi đây.

Sinh quì xuống bên giường, khóc nức-nở không ngẩng lên được nữa, người con gái cười rằng :

— Thiếp nói bỡn chàng đó mà thôi, nay nhà ta mới dúm rau dúm bếp, không thức khuya dậy sớm thì không xong.

Nói rồi bèn đứng dậy đi dọn-dẹp cửa nhà, cầm chổi quét-tước, làm-lụng nhanh-nhẹn như con giai. Phùng-sinh lo nhà nghèo, không kiếm đủ ăn. Người con gái nói :

— Xin chàng cứ buông màn đọc sách, việc trong nhà thiếu đủ, không cần phải lo đến, không đến nỗi chết đói mà lo.

Người con gái bèn bỏ tiền bạc ra sắm-sửa khung cửi, thuê vài mươi mẫu ruộng, mướn người cầy-cấy ; khi mang liềm đi cắt cỏ, khi kéo lá về lợp nhà, hằng ngày như vậy. Làng xóm nghe nàng có đức hiền, ai cũng vui lòng giúp-đỡ tiền-của cho ; chừng được nửa năm, trong nhà đã hưng-vượng, chẳng khác gì nhà vẫn phong-phú xưa nay, Sinh nói :

— Nhà ta sau khi gio tàn lửa nguội, mà nàng chỉ đôi bàn tay trắng, lại tái-tạo được cơ-đồ. Nhưng còn một việc này chưa ổn-thỏa, biết làm sao đây ?

Người con gái hỏi :

— Việc gì ?

Sinh đáp :

Nay kỳ thi đã đến nơi, mà ta chưa đi khai-phục được tên để ứng thi.

Người con gái cười rằng :

— Trước thiếp đã gửi quan Giáo bốn lạng bạc, đã khai-phục tên chàng ở danh-sách rồi ; nếu đợi chàng nói, thì còn kịp sao được nữa ?

Phùng-sinh càng lấy làm lạ, khoa ấy thi đỗ hương-cống, mới ba mươi sáu tuổi, mà ruộng cả ao liền, nhà ngói cây mít, nhà cửa đã to tầy đình rồi.

Người con gái ấy bóng dáng ẻo lả, gió thổi bạt, mà làm-lụng chăm quá kẻ nông-gia-phụ, dầu mùa đông rét-mướt chăm làm vất-vả, mà nhị tay vẫn mềm-mại nhoáng như đồ mỡ ; nói là đã ba mươi tám tuổi, mà người ta xem ra vẫn thấy thường trẻ như con gái đôi mươi.

Đông-châu NGUYỄN HỮU-TIẾN
(*Dịch nôm*)

Đông-lân tây-trảo

東 鱗 西 爪

Gửu sáng có ta dưa [illegible] chan-[illegible] chi [illegible] trong lòng vàng-vã mới thực là thu-dụng to (LÃNG VĂN-CHÍNH).

Thi-phi không rõ, tiết nghĩa không bàn, ấy thiên-hạ loạn vì thế đó. (HỒ VĂN-TRUNG

Chang [illegible] chon Vi-[illegible] Cầu [illegible] chon thiên-đường [illegible] Hết thảy chung-[illegible] Phật [illegible] Hết thảy chúng-sinh đều thành Phật đạo cả [illegible] Mau-đó Phật rằng [illegible] Phật rằng Phật sẽ phải vào địa-ngục. Phật rằng Phật sẽ phải vào tại-ngục mà thương-lo tai dữ địa-ngục, [illegible] Phật đến địa-ngục mà lại hàng tai-thu con địa-ngục, [illegible] Phật [illegible] địa-ngục nữa (PHẬT THƯỢNG).

*Chẳng làm thành [illegible] [illegible] [illegible]

THỜI-ĐÀM

VIỆC LỚN THẾ-GIỚI

Sức chiến-đấu của Đồng-minh vững-vàng. — Báo *Đại-lục* ngày 27 tháng 7 vừa rồi có đăng rằng: Cứ nhời báo-cáo ở tuần lễ trước, quân Mĩ ở trường chiến-đấu nước Pháp cộng một trăm mười vạn người. Mà còn ở nước Mĩ những quân thao-luyện chưa thành ấy được một trăm vạn. Mới đây ở bên Chúng-nghị-viện nước Anh điều chỉnh-thức thanh-minh rằng: quân Mĩ mỗi tháng qua Đại-tây-dương sang Pháp ấy, cộng được ba mươi vạn người. Những tầu chở quân ấy ba phần thời hai phần kéo cờ nước Anh. Cứ lấy từng tháng mỗi tháng ba mươi vạn người mà tính thời không đến ngoài một năm quân Mĩ ở trong đất Pháp cộng đến được ba trăm sáu mươi nhăm vạn. Ngày nay người dân Mĩ đã có tên trong sổ lính ấy đến một nghìn vạn người rồi. Cho nên Chính-phủ Mĩ không lo người thiếu: lính cũ ra trận lính mới chực thay vào số thiếu. Đại-khái quân Mĩ ở nước mình trải vài ba tháng huấn-luyện, sang đến đất Pháp, lại ở sau chiến-tuyến thực-tập vài ba tháng nữa, thời có thể xông-pha ở nơi tiền-trận được. — Thế thời quân Mĩ có thể qua Đại-tây-dương được an-toàn không? — Nếu có người hỏi thế, thời ta xin đáp rằng cái cách đánh ngầm bằng tiềm-thủy-đĩnh của nước Đức đã thất-bại rồi. Những Tầu của Đồng-minh bị quân Đức đem tiềm-thủy-đĩnh đánh đắm ấy càng ngày càng thấy ít. Nay đọc nhời tuyên-cáo của bộ Hải-quân nước Anh mới biết trong tháng sáu, thương-thuyền toàn-cầu bị tiềm-thủy-đĩnh đánh đắm có hai mươi bảy vạn năm nghìn sáu trăm hai mươi chín tấn (*tonnes*), trong đó thời tầu nước Anh mất mười sáu vạn một nghìn lính sáu mươi hai Tấn; còn của các nước Đồng-minh và các nước trung-lập mười một vạn bốn nghìn năm trăm sáu mươi bảy tấn. Đem cái số ấy tính lại vào quãng tháng năm, tháng ba, tháng hai năm nay thời đã thấy giảm được nhiều lắm. Số Tấn năm ngoái bị đánh đắm là bốn mươi ba vạn bảy nghìn lính chín mươi hai. Thế thời năm nay sánh với năm ngoái giảm được đến nửa. Như vậy thời thực là cái chước dùng tiềm-thủy-đĩnh của quân Đức đã thất-bại rồi; nay xin mang cái số tấn trong quãng tháng ba, tháng tư, tháng năm, tháng sáu mà so-sánh rõ ràng như sau này:

Tháng sáu sánh với tháng ba thời kém đi mười hai vạn năm nghìn tám trăm ba mươi tư tấn.

Tháng sáu sánh với tháng tư kém đi ba vạn bảy nghìn bảy trăm tám mươi tấn.

Tháng sáu sánh với tháng năm kém đi tám vạn một nghìn chín trăm linh năm tấn.

Lại trong ba tháng nay những tầu vận-quốc đi ra, ước chừng được đến bảy trăm năm mươi vạn tấn. Ấy cái tình-hình về phương-diện các thương-thuyền của đồng-minh mạnh mẽ biết chừng nào.

Một hội người Pháp dự-tính về binh-lực của hai phương-diện Đồng-minh và Ảo Đức đều chừng được bảy trăm vạn người, số ấy mà sác-thực, số quân Đồng-minh ngày nay tất hơn lên nhiều. Quân Đức không biết lấy gì mà đương nổi số quân nhón-nhao như vậy. Thời nay sức chiến-đấu quân Mĩ đã phơi tỏ ra thế-giới rồi. Quân to kia đã như nguồn như bể kéo đến bờ cõi nước Pháp. Phương-diện Đồng-minh, thanh-thế càng ngày càng tăng, dẫu cho quân Nga không được chấn-khởi lên nữa thời sự toàn-thắng thế nào cũng về Đồng-minh vậy. Quân Đức kia như thế chẳng thua thời cũng không sao được được nữa.

* * *

Vấn-đề Tây-bá-lợi-á. — Mông-mênh mênh-mông không có chi là trung-tâm-điểm, không biết đâu là trung-tâm-điểm, cái loạn-cục ở Tây-bá-lợi-á kia, thực mới biết Đồng-minh nặng nhọc! Lâu nay đã từng phen nước Tầu nước Nhật hội-nghị xuất binh, thế mà tế ra đến cái kết-quả tối-hậu lại quay về bên Đồng-minh phải cùng nhau xuất-binh, cái vấn-đề ấy đã thành ra như thế rồi. Ôi! cái cuộc chiến-tranh ngày nay, thực là một cái cuộc từ xưa đến nay không bao giờ có như thế, không cứ rằng ở Âu-châu chưa có bồi nào có cuộc này, mà dễ thường cả thế-giới này cũng vậy. Đánh nhau! đánh nhau! xuất-binh! xuất-binh! loạn! các nhà báo, các sở công, các nhà văn-sĩ, đã bao phen dùng bút mực mà viết đi viết lại đến những chữ ấy, bao dân thiên-hạ đã bao phen nhắc đi nhắc lại đến

những lời ấy. Thế thời chắc những lời ấy, những chữ ấy cũng đã già rồi, nay mai cũng nhờ sự toàn-thắng của Đồng-minh mà được hóa-thân thôi. Đồng-minh đã mang gươm công-lý tiễu-trừ quân dã-man để hóa-thân cho những chữ ấy những lời ấy thời nào quản chi nặng nhọc.

Song le cũng vì người Nga bị quân Đức đánh lừa, mà nên trong nước nội-loạn, rồi mà cái họa-loạn ấy lại giây dưa sang đến phía Bắc châu Á, mà đất Tây-bá-lợi-á này mới thành ra một vấn-đề phải tiễu-trừ quân Đức đi để giữ lấy cuộc hòa-bình cho châu Á; mà Đồng-minh Pháp, Anh, Mĩ cùng với Tầu với Nhật mới phải kết một quân đội dũng-mãnh để đối-phó, bọn ta cũng cần phải biết đến cái nguyên-do sự xuất-binh này, nên chép qua ra đây.

Nước Nga đương lúc các nước Âu-châu cùng xâu-xé kịch-liệt, thời bỏ Đế-chính mà lập nên quốc-thể cộng-hòa, điều đó bọn ta đọc báo điều biết cả rồi. Nguyên quân Cách-mệnh Nga thành-công về sau, thời trong nước thành ra chia bè phân phái, đã gây nên một cái biến-tượng lũ rồng không đầu rồi. Trong các đảng, các phái thời chỉ có bè quá-khích, với bè sảo khích là rất có thế-lực. Người Đức nhân đó mà làm nhiễu-loạn cái nội-tình nước Nga mới dụ dỗng quá-khích để lợi-dụng ích cho mình, bèn cùng với đảng quá-khích nghị-hòa. Song suy cái lòng nghị-hòa của quân Đức bất quá chỉ là một cái biến-tướng của cái chính sách công-lược đó thôi. Từ khi bọn quá-khích đắc-thế cam-tâm đem mình làm nô-lệ giống mọi rợ, để cho quân Đức sai khiến, mà gây nên cái loạn ở nước Nga. Bọn sảo khích ở Tây bá-lợi-á biết cái thế trong Nga-kinh bị nhiễu-loạn như thế, thời sợ rằng chẳng khỏi làm hang làm tổ cho quân Đức, cho nên mới tổ-chức ra lâm-thời Chính-phủ, xin với Đồng-minh cứu giúp cho tổ-quốc mình, thế thời cái cuộc chiến-tranh ở Tây-bá-lợi-á này là tất-nhiên phải có kết-cộng thể không được vậy.

Nay bọn ta đã biết qua cái phương-diện nước Nga ở Tây-bá-lợi-á rồi, thời bọn ta phải biết rằng trong việc này chốt ở Tướng-quân Hoắc Nhĩ Khắc Bác và quân-đội *Khắt-khắc*. Hoắc Tướng-quân làm biện-lý của một bọn ngoại-giao quan-hệ đến vấn-đề nước Nga ở Viễn-đông đã lâu đến 15 năm giời nay, lại là đảng-viên trong bọn dân-chính lập-hiến. Từ khi Cách-mệnh đã nổi lên, lâm-thời Chính-phủ giao cho Hoắc Tướng-quân làm Tổng-biện Trung-đông thiết-lộ. Từ phen đảng quá-khích chuyên-quyền, thế-lực dần lan ra cả ở nơi Trung-đông thiết-lộ. Hoắc bèn tổ-chức Chính-phủ Viễn-đông để cự lại, song khi bấy giờ nhờ có các lãnh-sự Đồng-minh ở Cáp-nhĩ-tân sớm mau giúp-đập cho, nên cái khu-vực Trung-đông thiết-lộ được tạm-thời duy-trì. Song le dẫu Hoắc Tướng-quân thực là một nhà nhiệt-thành ái-quốc nhưng lại phải đảng xã-hội cộng-hòa và đảng xã-hội dân-chính không có hoan-nghênh mà binh-lực thời không có mấy, cho nên các báo nói rằng Hoắc mà không được quân Đồng-minh giúp sức thời không có cái hi-vọng phá đổ được đảng quá-khích. Duy có quân *Khắt-khắc* bây giờ thời mạnh hơn Hoắc, đánh một trận mà chiếm được Ni-cổ-nhĩ-tư-khắc lại theo đường Cáp-ba-la-phủ-tư-khắc tiến-quân lên. Nay chính đương cùng với những người Nga cùng nòi cùng giống chiếm lối đường Tây-bá-lợi-á, hết sức nức lòng đánh nhau, thực là một quân đội đắc-lực vậy. Song sức chống lại của quân giặc cũng không phải là vừa cho nên phải cần đến binh-lực Đồng-minh giúp đỡ thời mới lìa thoát được cái bá-quyền của bọn quá-khích ở Tây-bá-lợi-á vậy. Ôi! nếu những sự hành-động của bọn kia mà chỉ quan-hệ đến cái vấn-đề nội-chính nước Nga mà thôi, thời cái thái-độ của các nước nên giữ trung-lập là phải. Song le đội Hồng-vệ nước Nga được quân Đức-Áo tiếp giúp thế thời đảng người Nga ở Tây-bá-lợi-á mà tác-chiến không những chỉ là phản-đối đảng quá-khích chính là cùng quân Đức đánh nhau vậy. Người Nga mà đánh nhau vậy. Người Nga mà đánh nhau với người Nga thời nhẽ nào các nước can-thiệp, song người Nga đánh nhau với quân Đức thời Đồng minh giúp sức thực là một cái lý chính-đáng lắm, ấy cái nguyên-do sự xuất-binh khởi ra từ đó vậy.

* * *

Sự biến-chuyển về việc xuất-binh ở Tây-bá-lợi-á. — Từ phen Tây-bá-lợi-á có việc loạn mà đi, nước Tàu vì sự trị-an ở ngoài biên-giới có quan hệ, nước Nhật-bản vì sự bảo-trì cho Châu-Á được an-ninh đem làm chức vụ mình, cho nên nước Tàu nước Nhật mới đính-định cùng nhau xuất-binh, cái vấn-đề ấy bọn ta cũng đã biết qua cả rồi. Từ ngày 27 tháng 6 trong báo Nhật-bản *báo Đại-bản mỗi-nhật-tân-văn*), nói rằng: « Việc nước Nhật xuất-binh ra Tây-bá-lợi-á thời quan ngoại-giao Tổng-trưởng nước Pháp đã gửi sang quan Tổng-thống Mĩ biểu-thị rằng vị chủ-nghĩa mà tán-thành. Chính-phủ Mĩ chủ-trương thế nào thực là khó đo lường được, song xét cái dư-luận ra thời khi mới

bắt đầu như là vị đẳng quá-khích nước Nga bày tỏ một sự nội-chính, sợ rằng một phen đã can-thiệp hoặc khi dụ-khởi cái ác-cảm của phần nhiều người Nga thêm sự phản-đối ra. Khi đến lúc tối-hậu, nếu không can-thiệp t ời sợ cái thế-lực quân Đức lại dần dà thấm-nhuần ở trong nội-bộ nước Nga, thời thật là suốt nước Nga thành ra cả chậu chim lồng của nước Đ rc. Cho nên Đồng-minh nhận-định kịp nên tránh cái điều can-thiệp, nội-chính nước Nga mà gây nên một cái chính-sách đối-phó với nước Nga cho thích-đáng khu-trục cái thế lực quân Đức ở nước Nga đi thế là điều tất-yếu cho sự xuất-binh ở Tây-bá-lợi-á vân vân...

Song cứ đem họp các phương-diện mà xét lại thời trước kia cái nghị Nhật-bản xuất-binh ở Tây-bá-lợi-á, nước Mĩ không có biểu-đồng-tình, Pháp, Anh ở trong đã điều-đình, đến nay cái kết-quả việc thảo-nghị ấy lại thành ra Đồng-minh nhất-trí cộng-đồng hành-động.

Cứ báo *Đông-kinh thời-sự tân-văn* ở nước Nhật hồi 18 tháng 7 vừa rồi chép rằng: gần đây nước Mĩ lại đề-nghị với nước Nhật phát-biểu ra nhời tuyên-ngôn Nhật, Mĩ cộng-đồng xuất-binh, cái nội-dung việc đó thời rằng: mục-đích sự xuất-binh ở sự cứu giúp quân *Khắt-khắc*, lại có bao-hàm cả đến kỳ-hạn triệt-binh nữa. Nước Mĩ chủ-trương cái vấn-đề ấy lấy cái mục-đích khi quân *Khắt-khắc* đến lúc tập-họp ở Hải-sâm-uy thời là đến kỳ-hạn triệt-binh. Mà Chính-phủ Nhật-bản lại muốn gồm đoái đến cái địa-vị đặc-thù của nước Nhật, chủ-trương đến khi Tây-bá-lợi-á đã khôi-phục lại cái trật-tự rồi sau mới đến kỳ-hạn triệt-binh, cho nên nước Nhật-bản định đem cái chủ-nghĩa ấy vào thảo-cảo nhời tuyên-ngôn cộng-đồng xuất-binh ấy để đưa cho nước Mĩ xem vân vân.... » Như thế thời sự hợp-đồng xuất-binh của Tàu và Nhật nay đã thành ra cái truyền-ngôn cộng-đồng xuất-binh của Pháp, Anh, Mĩ cùng nước Tàu nước Nhật vậy.

Cứ một cái báo Tây kia chép thời rằng: « Khi bấy giờ Đồng-minh đã quyết-định cộng-đồng xuất-binh lấy cái hạn ở Hải-sâm-uy làm phạm-vi, mục-đích đã nhỏ, thời số quân đội cần-nhu cũng dảm-bớt vân vân... » Nhưng ở ngoài đồn rằng: các nước định phải đi lính, nước Tàu ước một hỗn-thành-lữ, nước Nhật một sư-đoàn, nước Pháp Anh, Mĩ mỗi nước bao nhiêu đó v. v... Quân-đội của Anh, Mĩ đã theo đường bể đến Hải-sâm-uy rồi, Nhật-bản dữ trách-nhiệm vận thần v. v... Song le cứ như tin mới rồi, thời binh như phương-diện ở Tây-bá-lợi-á không được ổn, cho nên cái phạm-vi xuất-binh hoặc có nhân thế mà phải nên khoáng-sung đến phương-diện ấy chăng, còn khó liệu được.

* * *

VIỆC TRONG NƯỚC

Quan Van Vollenhoven tử trận. — Tin quan Van Vollenhoven đã vẻ vang mà tử-trận đem đến đây, cõi Đông-dương ta thật là đau-đớn vô-cùng. vì ngài đã để lại đây cái di-tích một ông quan thông-minh, nghị-lực, thực-hành thực-tiễn.

Ngài sinh năm 1877 ở Rotterdam là con giai quan lãnh-sự Hòa-lan ở Alger, nhập-tịch nước Pháp thì đã lâu, theo việc quân ở đội kinh-bộ-binh thứ nhất Phi-châu, tốt-nghiệp trường thuộc-địa chính-trị bắt đầu ra làm việc ở bộ quan Doumerge năm 1903, đến năm 1905 làm phó quản-lý ở buồng giấy quan Clémentel. Ngày 2 tháng 11 năm 1905 thăng chức phó Toàn-quyền hạng nhì bổ đi các thuộc-địa, đến năm 1908 thăng hạng nhất. Sau khi đã làm đại-lý cho quan Phó-soái ở Sénégal thời làm phó Toàn-quyền ở Tây Phi-châu với quan Toàn-quyền Roume. Ngày 10 tháng 3 năm 1911 lại làm việc ở bộ quan Lebrun, sau thăng thay chân quan Malan làm quản-lý. Quan Malan sang Đông-dương ít lâu bị mất thời quan Sarraut lại xin cho ngài sang thay làm phó Toàn-quyền ở tòa Tài-chính.

Cuối năm 1913 khi quan Sarraut về Tây giao lại chức Toàn-quyền cho ngài cho đến hồi tháng 8 năm 1914 mà sự chiến-tranh bên Âu-châu phát-sinh ra. Ngài làm việc hết sức nhiệt-thành.

Đến tháng giêng năm 1915 quan Roume sang làm Toàn-quyền thời ngài xin về mẫu-quốc tòng-chinh, vì sự trung-thành lòng can-đảm mà ngài đã sớm đ-o lon Thiếu-úy rồi lại thăng ngay Trung-úy. Ngài bị hai thương mà đã được nhiều phen tuyên-công và Mê-đay danh-dự. Đầu năm 1917 chính-phủ Dân-chủ gọi ngài, nhằm lúc ngài thăng Đại-úy bổ sang làm Toàn-quyền thực-thọ ở Tây Phi-châu. Sau vì việc chính-trị mà ngài lại tự-nguyện giở về chiến-địa tòng-chinh.

Ôi! nước Pháp nay mất một người trung-thần, mà người trung-thần ấy lại là một bực

niên-thiếu anh-hùng, có học-thức cao, có chính-sự tốt, có lòng hăng-hái làm việc cho dân được nhờ nước được tiếng, thế thời cái tang này sầu thảm biết bao nguôi. Tiếc thay tình thời giải không có cùng, mà nhời nói có khi hết, ký-giả còn muốn nói, nhưng cất bút lên lại thêm nỗi ngậm-ngùi. Các báo ra trước bản-chí đã đủ lắm quốc-dân ta ai cũng rõ cả rồi. Thôi vài lời ghi để, nghìn năm sót-thương.

* * *

Bài diễn-thuyết của quan Thượng-thư bộ binh Võ-Liêm đọc trong Quốc-tử-giám. — Tôi tuân lời thánh-dụ và giấy quan Học-bộ Đại-thần, hôm nay ra đây diễn-thuyết, về kỳ-thứ hai. Tôi xem lâu nay các quan diễn-thuyết đã nhiều, chẳng những điều-thổ mạng án, dầu cho đến lệ luật thể-chế dân-sanh lợi bịnh những điều quan yếu, các ngài diễn đã hết lẽ rõ ràng: tôi tưởng chẳng còn sự chi hay, diễn thêm được nữa.

Vừa ngày hôm qua, có một ông bạn đến thăm. Ông ta cũng người khuê-mục, cũng có ra làm phủ huyện đến ba bốn lần, hạ-dân tình tục, cũng hiểu được nhiều, thấy tôi ngồi nghĩ, hỏi nghĩ sự chi? Tôi nói: « Nghĩ một hai điều, để diễn cho các Thầy sanh-viên hậu-bổ quốc-tử giám. » Ông ta nói rằng về sự diễn-thuyết ấy, trước thời mở-mang chánh-trị cho đến lối văn-minh, mà sau các ông sanh-viên ra làm phủ huyện cho được chánh thể am-tường, khỏi điều lầm lỗi, vậy nên mấy hôm trước, ông ta có theo các thầy sanh-niên đến nghe mấy kỳ diễn-thuyết, vì ngày trước ông ta làm phủ huyện nhiều phen chắc trở, nay mới vào nghe, cho biết mình ngày trước làm thế nào là sai, mà người ta ngày sau làm thế nào là phải, để cho tỉnh-ngộ việc đời. Vậy mà những kỳ ông ta đã được nghe đó, lệ luật thể-chế, nói vẫn rõ-ràng, còn nỗi làm-dàn tình-thế, liệu-sự cơ-nghi, phải làm sao cho xong việc dời, thời ông ta còn chưa được hiểu! nhớ lại ông ta trước làm phủ huyện, lệ luật cũng thuộc như cháo, bị triệt, bị đuổi đến hai ba lần, mới hay việc thân-dân là khó, phải biết cho đủ mọi lẽ, mới khỏi mang chữ sanh-sơ. Thấy những lời ông ta nói vậy, tôi mới hỏi: « trước ông bị triệt bị đổi về những khoản chi, hãy nói mà nghe, tôi xin bàn giải ». Những khoản ông ta nói và lời giải xin kể sau này.

Khoản thứ nhất: ông ta nói: « lần đầu ra làm tri-huyện tân-định bị mấy cái án làm không thành, án thời nhân-chứng chẳng còn, đứa thì chết, đứa thì trốn, án thời việc đã lâu ngày, tra-cứu nhiều lần, không ra mối manh chi nữa; còn những án khác, nhân chứng lôi-thôi, đòi được đứa nọ thì không đứa kia, đến khi chứng đủ mặt đến nha, thời quan-lại không rành được; hoặc đương hạng tra-cứu yêu-phạm bị đau, tình-lý chưa được rõ-ràng, không giám qui-kết, bất-đắc-dĩ bẩm xin triển một vài hạng, chưa có án nào thanh-dệ rất đỗi khó lòng, lần ấy quan trên bắt lỗi rằng, án-kiện đôi-tích, phải triệt về tỉnh-sĩ sát, gặp chuyện như vậy phải thế nào?»

Tôi giải rằng: « Những án nào nhân-chứng yên-một, lập-án bất-hành thời bẩm xin tiêu; án nào chứng-cớ mô-hồ, sự-kinh-khôi-lãnh, thời xin huyền-án sĩ-phát; còn việc hình-án là có kỳ-hạn, đòi chứng đến nha khai cứu, phiếu trát phải có kỳ khắc rõ-ràng, (Như đàng đi đến nhà nó hai ngày, phải cho tám ngày, đi hai ngày, về hai ngày, và phải thêm ba bốn ngày nữa, phòng nó đi làm ăn chỗ khác. Phiếu ấy giao cho Lý trưởng đi đòi, kỳ đến hai ba hạn, mà nó cũng lần-lữa không tới, thì giấy lý-trưởng khai-kết tự vào trong án, mà kết-dệ đi, phải đợi nhân-chứng ấy làm cho đến kẻ-trì án-kiện, và yếu-chứng đến khi tra-cứu, quả thiệt bệnh-tình, cứ việc đem vô nhà thương trong tỉnh, đã có giấy quan Docteur khám xét rõ-ràng, giấy ấy dính theo bản án, nói vì cớ ấy mà lâu, thời quan trên lấy lẽ chi mà trách, án-kiện sao lại chẳng thanh, chẳng những là án-kiện, phải làm như thế, dầu cho đến việc từ-tụng thường-thường các nhà đòi được bên nguyên thì mất bên bị, khi có bên bị thì không bên nguyên, cứ làm giả-gạo rửa hoài, đời nào xong việc? Vậy khi đã chấp-đơn rồi, thời làm trát đòi, phải đinh ngày giờ minh-bạch; ngày nào thời khai, ngày nào phục-chất, ngày nào hội-tề lưỡng-tạo mà xử-đoán, thì cũng đinh kỳ hạn cho chắc; kỳ đến hạn bên nào thời thác không đến, hoặc là đến mà trì-trễ ngày giờ, thì nhất-diện nghị-định tội phạt, còn việc tên ấy kể là thất-lý, chớ có dụng-tình; một việc như vậy làm cho cả hạt dân, việc quan mới mau xong được. Huống chi trong một nha, thầy trò nha lại chỉ ba bốn người, phần nào làm sưu-thuế, phần nào thời đốc-sức cầu đường, khi thì vào tỉnh vào tòa, khi thì khám điền khám thổ, một tháng ở nha không được mấy ngày, chẳng làm như vậy sao xong? xin biết rằng không phải dân lôi thôi, cũng không phải việc quan có sự lôi thôi, chỉ tại mình lôi thôi đó mà thôi. Làm cho hẳn hoi, việc chi không chạy?

Khoản thứ hai. — Ông ta nói rằng: « Đến năm làm huyện Phù-Mỹ, thời mắc chuyện thuế; đến vụ thuế, trước đã phi-sức cho tổng-lý, lại phái nha-thuộc chia đi mỗi người mỗi tổng đốc thuế cho mau, đến kỳ quan huyện lại thân-hành, mỗi tổng đến một vài làng, bắt các lý-trưởng đều đem bạc thuế đến đó mà kiểm, thời cũng không thiếu bao nhiêu. Chẳng dè đến ngày đệ-nạp các lý-trưởng ấy đều đem bộ-kỳ treo giữa đình làng mà trốn. Năm ấy bị trì ngân-thuế, lại phải triệt về, cơ-cuộc làm vậy thì làm thế nào?

Tôi giải rằng: « Nha-thuộc cần phải đi đốc thuế, những khi phải đốc, cũng phải cho ràng. và chăng trong một huyện có bốn năm tổng trong một tổng chỉ ba bốn làng là điền-thổ xấu-xa, nhân-đinh thặng-số, tô-thuế khó thâu mà thôi, còn mấy làng kia, đều điền-thổ phì-diêu, nhân-đinh trù-mật, không đợi quan ra phải đốc, thuế nó cũng sung, những làng giầu ấy, dầu có thiếu-thốn thế nào lý-hào vay tạm cũng để, hễ đến kỳ thâu-thuế, như quan không rành phái lại-mục đi đốc tổng ấy, lệ-mục đi đốc tổng kia, mà không chỉ-thị rõ-ràng, thời thày-cầu thày-lại ta chỉ đến mấy làng giầu, gà vịt rượu trà, khoản-đãi tiêm tất, lại thâu-tiền lễ, mỗi làng phỏng năm ba đồng, rồi nghe làng nào lý-hào phù-thâu, sanh đều kiếm-chác mà thôi, còn mấy làng nghèo kia, thuế mà khó thâu, thày tính có cốt ngựa đến đó nữa, hào-lý mấy làng ấy, cũng trầu nước hầu thày mà thôi, đã không bạc lễ, cũng không khoản-đãi chi, thời thày chỉ cho một tên linh-lệ, cầm trát đến đốc lấy chữ lý-trưởng tiếp-nhận là xong, rồi thày chạy giấy trình nha, thiếu đủ mặc quan, không lo chi đến. Vậy nên khi phái nha-thuộc thân-hành đến các làng ấy, hiệp-đồng hào-lý, thâu cho mau xong; hễ có quan phái ngồi đó, hào-lý ít dám nhũng-nhiễu, thâu cũng mau thanh, dầu có thiếu thuế nhiều ít đi nữa, thời cho hào-lý nó vay tạm, mà nạp cho rồi. (Dầu có bị lãi đôi ba phân, còn hơn đến kỳ khẩn-cấp, tịch-phong phát-mãi điền-sản trâu bò, lại càng khổ cho dân nữa, vì rằng tôi thường thấy mấy làng ấy, đến kỳ thuế dục lý-trưởng phải đem tài-sản của dân đi bán: trâu hai chục đồng bán lại mười đồng, bò mười hai đồng, bán lại bảy đồng, lại càng khổ dân biết chừng nào). Thuế các làng giầu kia chỉ cho một tên linh lệ cầm trát biển-bảo cho các lý-hào cũng được, không phiền mấy thày gia-thuộc đến đó làm chi, còn khi nào quan có thân-hành đi đến các làng, hội-kiểm bạc thuế, hễ làng nào kiểm rồi thời bắt ngồi đó, kiểm xong hết cả thời mới cho ra, bằng chẳng làm như thế, thời làng này kiểm rồi, đem bạc ra cửa, lại cho làng khác mang mà đem trở vô, quan thấy bạc đủ tưởng rằng thuế sung, đến kỳ mới hay rằng thiếu. Lại còn đến khi thâu thuế, không nên giao cho lý-trưởng một mình, phải bắt thân-hào hiệp-thâu mới được, thường-thường các làng nghèo khổ, hoặc lý-trưởng thâu trước mà tiêu, hoặc đến kỳ thâu rồi những-lạm, hoặc đánh thua nói bị thiết-đạo, quan có trát-nã, thời cho vợ đem bằng-bộ mộc-kỳ đến nha bẩm-nạp, lý-trưởng biệt-đào, vậy các làng ấy chẳng những là nha-thuộc phải đến đó đốc-sức mà thôi, cần lại phải chọn người vật-lực, hào-hữu trong làng, trách-cứ hiệp với lý-trưởng mà thâu ngân-thuế, hễ thâu được chừng nào chia nhau mà giữ, thời khỏi những sự khó lòng.

Khoản thứ ba. — Ông ta nói: Sau hết ra huyện Gio-linh, thời bị tỉnh tòa quở-trách rằng việc từ-tụng xử-đoán lôi-thôi, không có khoản nào thanh-sở, nha-thuộc nhũng-nhiễu chẳng biết cấm-ngăn, nhưng nghĩ lại, những khoản từ-tụng, bất-kỳ việc nhớn việc nhỏ, khi nào bị cáo khai rồi, thời lập-tức đòi cả lưỡng-tạo, đương đáng xử-đoán theo lẽ công-bình, thế mà dân ngoan-ngạnh lắm bên « nguyên » thì nài thêm lẽ này, bên « bị » thời xin thêm lẽ khác, khi quan xử-đoán hai bên đối-nại cãi lẽ nhiều đều chẳng có bên nào tuân lời quan xử, khoản nào cũng thấy lôi-thôi, thiên đãi gian-sáp. Còn nha-thuộc tổng-lý vẫn đã nghiêm-cấm sức-yết không được nhũng-nhiễu một đồng của dân, lại còn ông ta khi ra khách làm việc quan rồi thì đóng cửa lại, chỉ cho nha-thuộc vào hầu chữ thôi, cấm hẳn dân-xã không được vào ra hòng để làm gương cho kẻ dưới, vậy mà nha-lại nó cứ tình-tệ mãi mãi không chừa! Vì các lỗi ấy, lại phải đổi đi chỗ khác, như vậy thì làm thế nào cho được?

Tôi giải rằng: « Việc từ-tụng xử-đoán, và sự án-kiện khác nhau, sự án-kiện tra-cứu tình-tội rõ-ràng, thì cứ chiếu theo luật-lệ mà nghĩ-định tội danh sẽ đòi tên tội-phạm đương-đáng đọc nỗ cho nó nghe, rồi lấy biện-phục vơn-trạng, dầu nó có phục-tình, hay có kêu thẩm lẽ nào, chỉ đình vơn-trạng ấy thảo án, đệ lên tòa trên thẩm-duyệt là xong; còn sự từ-tụng thời phải tham-chước tình-lý xử-đoán mới án, nhân-tình được chín muồn mười, chỗ nào cũng thế, bằng chẳng lấy tình-lý hiểu-thỏa trước, dầu theo lẽ công-bình thế nào đi nữa, bên này phục thời bên kia không phục, việc cũng không rồi. Như một khoản thụ-ý vì không khai-cứu xong rồi, xem trong sự-lý, phải châm-chước xử-đoán, khoản

nào định xử thế nào thì phải đòi bên bị-cáo đến mà nói trước cho nó nghe, dầu nó có kêu nài nhẽ chi, thì khi ấy hiểu-thỏa cho nó phải đến phục-tình, xem những khoản nó kêu khoản nào định xử thế nào, cũng nói trước cho nó biết, nó có nài thêm khoản nào, thì cũng hiểu cho thuận-thỏa, thì đến ngày hội-tề xử-đoán, mới bỏng hai bên tuân lời quan xử mà không kêu nài sự chi, như thợ làm một cái ghế, cần trước phải sửa đi sửa lại, thước tắc in rồi đến khi lắp vào thì mộng-mẹo mới khít-khao, ở đâu vào đó, còn sự nha-thuộc tổng-lý tinh-tệ thiệt khó cấm phòng; mình dầu nghiêm-cấm thế nào cũng không giữ cho hết được, như muốn làm gương cho kẻ dưới mà cứ đóng cửa hoài, cấm không cho dân lui tới. tôi tưởng ông làm như vậy thì làm gương đâu chẳng thấy có khi lại bắc thang cho nha-thuộc mà thôi; vì rằng mình nghiêm-thiết chừng nào, nha thuộc càng hống-hách dân chừng ấy, hễ là quan làm nghiêm-nghị, dân-sự hầu-hạ khó lòng, thì nha-thuộc lại nhân theo đó mà dọa-dẫm dân ngu càng dễ làm đều tinh-tệ, dẫu có những-nhiễu sự chi, lại lệ tổng-lý, đồng lòng dấu diếm, quan dễ biết đâu? vậy như muốn cho nha-thuộc tổng-lý bớt tinh-tệ đi thời phải binh-gị cận-dân mới được, vả chăng phủ huyện thân dân chi trách, phải cho dân dưới thân cận, mới rõ nhiều đều, nhưng khi thong thả, dầu chưa đến buổi việc quan, dân có thưa bẩm việc chi, phải cho nó vào, cho khỏi chờ chực lòng-ngóng; đến khi rảnh việc, cũng cho xã-dân được phép lui tới, hỏi han sự nọ sự kia. thời người nào tinh-tệ, khoản nào uất-ức thế nào cũng được rõ-ràng soi-xét, mà quan trên đã dễ-dàng như vậy, việc chi dân cũng đi thẳng tới quan bẩm-bạch. không cần phải lụy nha-thuộc làm chi. Lại-lệ có làm lẫn-khuất sự chi, thì tới tai quan, thế nào dấu được. Như vậy thời không nấm nha-thuộc tinh-tệ, mà tinh-tệ cũng chưa, tới tổng-lý cũng vậy, có tư-diếu là chẳng qua những khi thân sưu thuế làm cần đáng mà thôi. Nhưng khi sưu-thuế quan cũng thân hành đi trong các chỗ, mà hỏi-han giò-xét, trích một đôi khoản, trị một đôi người, thì các chỗ khác biết kiêng, mà các chỗ người khác biết sợ. Còn việc cần đáng, phần làng nào làm sở nào, đoạn nào, mỗi tên dân phần làm mấy thước, các phần chia số cho được rõ-ràng, khi dân đương làm công việc, quan phải năng lui-tới, kêu dân hỏi xét cho tường, tổng-lý thấy quan như vậy, đều phải giữ mình, tự-nhiên bớt đều tinh-tệ. Tôi tưởng chữ binh-dị-cận-dân cũng là một vị thuốc trị nha-thuộc tổng-lý tinh-tệ đó, vẫn không công phạt, tự-nhiên thói giảm bịnh được nhiều phần, bằng như đóng cửa làm nghiêm hoài, hạ-tình-bất năng-thượng-đạt cũng như khí-mạch không được lưu-thông, chẳng những một bệnh nha-thuộc tinh-tệ mà thôi, lại sanh nhiều bệnh khác nữa.

DƯ-LUẬN

Quốc-văn thuyết

Trong hoàn-cầu kể ra cho nhiều những châu nọ nước kia, miền đó giống cõi bắc, xứ thời có hùm, beo, sư-tử, chỗ thời có trái ngọt bông thơm; mỗi châu đều có vật-sản riêng, mỗi nước đều có hờ cõi khác. Nhưng mà xét cho kỹ, nghĩ cho xa, thời trong địa-cầu nầy, chẳng qua là có ba loài mà thôi! một là động-vật, hai là thực-vật, ba là khoáng-vật.

Khoáng-vật thời vô-tri vô-giác, như đá kia lăng-lúc, vàng nọ chói-chan, búa đập riu phang, tha hồ tay thợ, thời khoáng-vật có nói đến làm gì. Còn thực-vật như cây nhỏ đâm mầm, cây lớn sanh con; tiết gặp thu đông, xơ-rơ cành lá, vừa chầu xuân đến, chức lộc nảy chồi; sanh nụ nở bông, lần-lần đậu trái, cũng cảm-giác, cũng hóa hóa sanh sanh, có khác gì động-vật duy không tự-động được với không có tiếng tăm lời lẽ để thông ý với nhau. Chớ như động-vật thời từng-lẫy năm châu, đến xứ nọ qua xứ kia; chim thời có tiếng của chim, để thông ý-tứ, thú thời có tiếng của thú để gọi kêu nhau. Nhưng mà con người ta thời được hoàn-toàn hơn hết, nói năng đủ tiếng, lời-lẽ khôn-ngoan ấy; cho nên đứng đầu hết muôn loài, thay quyền Tạo-hóa mà che chở cho muôn vật. Nhưng mà người đều ở trên địa-cầu nầy cả, vì sao mà lại phân ra nước nọ xứ kia, bờ nam cõi bắc? Ấy là tại tiếng nói khác nhau, thời tư-tưởng như nhau, phong-tục như nhau, thương-yêu nhau, bình-vực nhau, vùa-giúp nhau, không muốn cho người nói khác tiếng đến lấn mình. Cho nên phải chia ra bờ cõi.

Nỏ kể chi đời thái-cổ chữ-nghĩa chưa có, muốn để chuyện gì cho nhớ về sau, thời chỉ thắt dút lại mà thôi. Đến sau người lần-lần khôn-ngoan, đặt ra văn-tự mà dùng. Đã có văn-tự, thời nước nào cũng có chữ riêng, lẽ đâu mà lại xứ có xứ không? Xem như nước mình, các miền mường-mọi, còn có chữ thay, huống chi khôn-ngoan rành-rỏi như mình mà lại không có chữ hay sao? Tiếc thay; người mình hay có bụng « mới chuộng cũ vong », từ Sĩ-vương đem

chữ Tàu qua dạy cho dân ta, thời đua nhau mà theo học lấy, kỳ cho đến rung đùi vỗ vế được là nên, nỡ đem ném phứt chữ mình đi đâu không biết, quá hơn là vàng ném xuống biển nữa. Vàng ném xuống biển, lặn xuống đến nơi, còn thế tìm lại được, chớ chữ mình, thời xưa nay nhiều nhà kiếm tìm đã lắm, mà chẳng biết đâu mút dợ đầu dây.

Nếu như nói rằng nước mình không chữ, thời mình lấy cái chi mà phân-biệt với loài vật nào? Nói rằng tiếng nói, thời chim cũng có tiếng riêng mà kêu lủ-rủ bầy, thú cũng có tiếng riêng mà tìm con kiếm cái. Thế mà nói rằng không có chữ nó quá lắm thay? nó hèn lắm thay?

Nay chữ cũ đã mất đi rồi, thời ta nên theo chữ mới. Chữ mới đó là chữ QUỐC-NGỮ của ông linh-mục Bồ-đào-nha qua vẻ cho ta đó. Tiếng nói là hồn, văn-tự là vía, có chữ Quốc-ngữ, thời nước ta có đủ hồn vía với thiên-hạ. Xưa nay mình cứ mượn vía của Tàu, mà người mình nhìn lạm lấy chữ Tàu, cứ kêu là chữ An-nam. Chữ An-nam sao mà đọc ra thời dân An-nam không hiểu? Ấy cũng đã lạ rồi, mà mình học chữ Tàu, sao mà nói chuyện với người Tàu không nên? Thế thời mình học chữ gì? Nghĩ đến đó, thời chắc là những người có lòng với hồn vía trong nước, ai lại không lấy đó làm đau. Ấy cho nên hiện bây giờ Nhà-nước sắp đặt lấy chữ Quốc-ngữ làm gốc, là phải lắm. Chữ Quốc-ngữ muốn nói trời, thời viết ra *trời*, muốn nói đất, thời viết ra *đất*, nào là người trẻ kẻ già, nào là đàn bà con nít, đọc ra thời ai cũng hiểu, lựa phải viết ra « thiên » mới là trời, viết ra « địa » mới là đất hay sao? Mà người ở chốn quê-mùa rừng-rú, thời chỉ biết trời là trời, đất là đất mà thôi, nào có biết thiên là cái chi chi, địa là cái chi chi?

Chữ là cái dấu riêng để mà tỏ ý ra với nhau mà thôi, thế thời chi cho bằng lấy chữ quốc-ngữ mà làm quốc-văn, thời đã dễ-dàng, mà đọc ra thời người có học hay không đi nữa, ai ai cũng hiểu được cả.

Ước chi Nhà-nước bày ra viện Hàn-lâm, lựa người thông-bác cả vừa chữ Tàu, cả vừa chữ Pháp, đem sách Tàu với sách Pháp, nào là ngũ-kinh tứ thư, nào là cách-trí hóa-học, đều dịch ra quốc-văn, thời dân ta học nó ít công-phu hơn là học chữ Tàu với chữ Pháp, phải học chữ rồi học nghĩa rồi lại học ý-tứ, thời biết bao nhiêu là công-phu.

Có người nói rằng: Tiếng mình không đủ mà nói, nên dùng chữ không hay, không thâm-thúy bằng chữ Tàu.

Nhà nói đó cũng phải mà cũng không. Nói rằng tiếng An-nam không đủ, còn hẹp lắm thời phải. Nhưng xét lại mà coi, thời tiếng Tàu xưa nay vẫn là văn-chương, mà đến đời bây giờ cũng còn đương thiếu. Tiếng Pháp là tiếng có mẹo-luật, bên Âu-châu đều cho là rõ-ràng hơn hết, mà đến đời bây giờ còn mỗi ngày mỗi đặt thêm chữ mới, mà lúc xưa thời tiếng Pháp vẫn mượn tiếng nọ tiếng kia, những là La-tinh, Hi-lạp, vân-vân, mà đặt ra cho đủ. Thời tiếng mình có mượn tiếng khác mà đem vô nữa, cũng chẳng hại gì.

Còn như nói rằng chữ mình không hay, không thâm-thúy, thời nhà nói đó chưa thấu mùi văn-chương của tiếng nước ta. Xem như thơ, phú, văn bài của nhà danh-sĩ xưa nay, chẳng chi kể hay, kể đã không xiết, mà cho đến đàn-bà như là bà huyện Thanh-quan, có câu thơ rằng:

Dừng chân đứng lại: trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.

Trong hai câu thơ đó mà tả ra biết bao là văn, chương tinh-tứ: nào là trời, nào là non, nào là nước, nào là chỗ không nói mà thấu, nào là chỗ phải ngắm mới tình. Văn Quốc-ngữ không hay sao?

Nhưng chỉ còn một chút chưa được đều, ở Bắc-kỳ có tiếng viết ra Trung kỳ chưa hiểu; Trung-kỳ có tiếng Nam-kỳ chưa hiểu; Nam-kỳ cũng có tiếng riêng chưa thông-dụng. Giá thử Nhà-nước bày ra viện Hàn-lâm, tưởng nên lựa người cả ba kỳ, để làm ra một quyển Tự-điển, họp cho đủ các tiếng chưa thông. Rồi sau cứ lấy chữ quốc-ngữ mà dùng. Từ-hàn thiếp-trác chi chi cũng chữ quốc-ngữ hết, thời nó tiện hơn.

Còn chữ Tàu với chữ Pháp đều cũng nên học, mà học chữ Tàu thời phải học như chữ Pháp, học mới nói cho được tiếng Tàu. Hoặc là học theo tiếng quan-thoại của Tàu, để khi giao-thiệp, thời có lẽ hơn.

Được như vậy thời quốc-văn của mình mỗi ngày mỗi trau-nhồi, mỗi ngày mỗi đẽo-gọt, thời mỗi ngày mỗi tấn tới mà ra một văn-chương với năm châu trên trái địa-cầu vậy.

Từ đời Nguyễn-Thuyên phu-tử đã có ý tổ-chức quốc-văn, mà tiếc thay! người mình không chịu sắp-đặt tự lúc bấy giờ

SÔNG-CỬ-THỊ.

Quan Đại-học tổng-giám-đốc Cognacq đại-nhân